

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3300352720 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003, thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 05 năm 2020)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng kí chào bán số 39./GCN-UCBK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2023)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI.....  
TỪ NGÀY : .....**

#### 1 – Công ty cổ phần Sợi Phú Bài

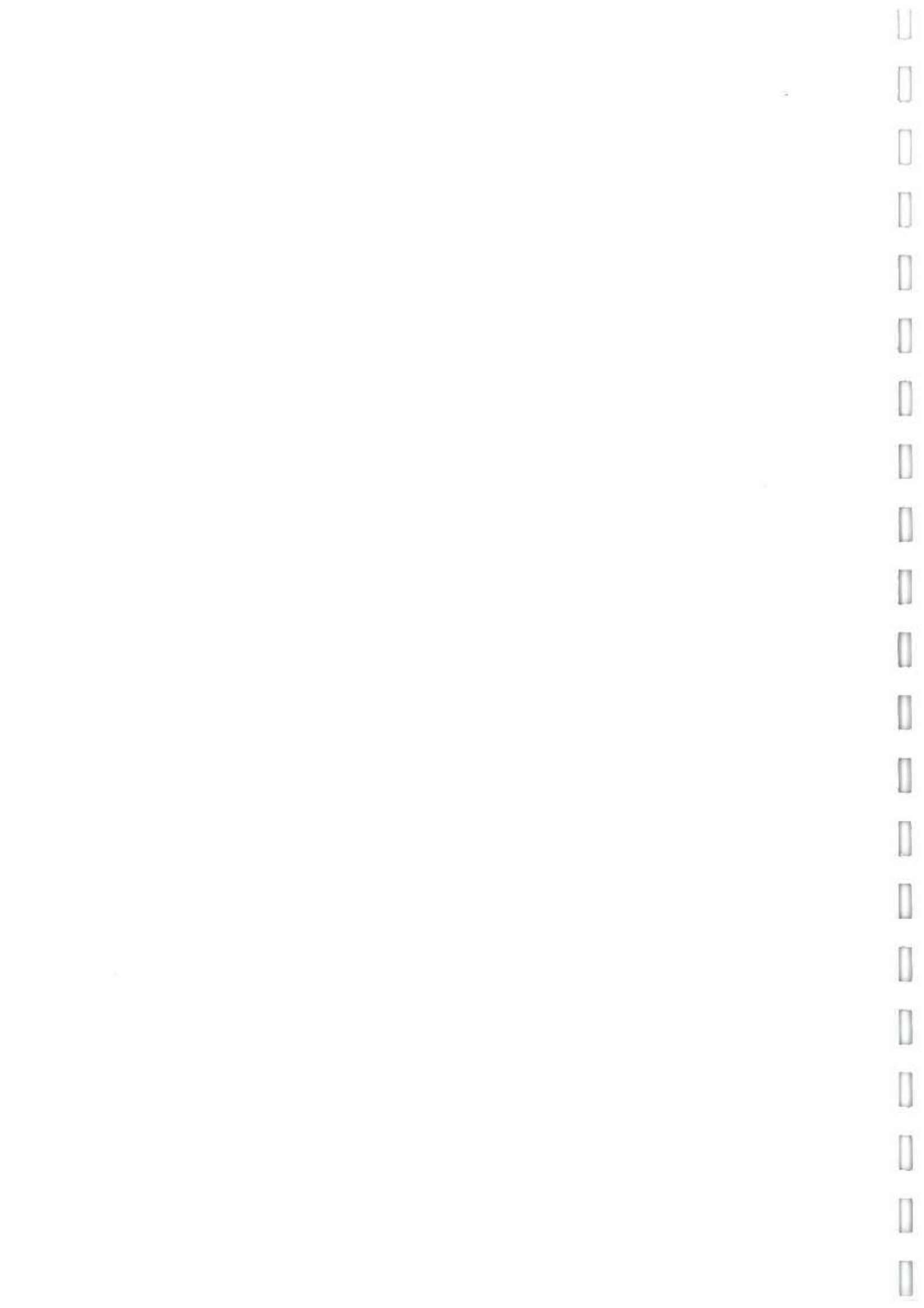
Địa chỉ : KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.  
Điện thoại : 02343 863 240 Fax: 02343 863 363  
Website : <http://www.phubaispinning.com>

#### 2 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội  
Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262  
Website : <http://www.vcbs.com.vn>  
Chi nhánh : 251 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Hoàng Thái Trúc  
Chức vụ : Trưởng phòng Kế toán – Tài chính  
Điện thoại : 0914159213 Fax: 02343 863 363



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3300352720 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003, thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 05 năm 2020)

## CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...../GCN-UCBK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng ... năm.....)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI.....  
TỪ NGÀY : .....**

### 1 – Công ty cổ phần Sợi Phú Bài

Địa chỉ : KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.  
Điện thoại : 02343 863 240 Fax: 02343 863 363  
Website : <http://www.phubaispinning.com>

### 2 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội  
Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262  
Website : <http://www.vcbs.com.vn>  
Chi nhánh : 251 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

## PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Hoàng Thái Trúc  
Chức vụ : Trưởng phòng Kế toán – Tài chính  
Điện thoại : 0914159213 Fax: 02343 863 363



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3300352720 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003, thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 05 năm 2020)*

### **CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài

**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá** : 10.000 đồng/ cổ phiếu

**Giá chào bán** : 20.000 đồng/ cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán:** 5.500.000 cổ phiếu. Trong đó:

+ Phát hành 950.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021

+ Chào bán thêm 4.550.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

**Tổng giá trị cổ phiếu phát hành và chào bán theo mệnh giá:** 55.000.000.000 đồng

#### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

##### **CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại : 02439 461 600 Fax: 02439 461 601

Website : [www.kpmg.com](http://www.kpmg.com)

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

##### **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262

Website : [www.vcbs.com.vn](http://www.vcbs.com.vn)

Chi nhánh : 251 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881



## MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH...	5
1. Tổ chức phát hành .....	5
2. Tổ chức tư vấn .....	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	5
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp .....	9
3. Rủi ro đặc thù .....	10
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán .....	12
5. Rủi ro pha loãng .....	12
6. Rủi ro quản trị Công ty .....	14
7. Rủi ro khác .....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM .....	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....	16
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành .....	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức phát hành:.....	17
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty: .....	18
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty:.....	19
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài, những công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài, những công ty mà Công ty cổ phần Sợi Phú Bài đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	22
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty .....	23
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác .....	24
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	25
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài .....	25
10. Hoạt động kinh doanh.....	26
11. Chính sách đối với người lao động .....	39
12. Chính sách cổ tức.....	41
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất .....	41
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành .....	43
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán .....	43
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	43
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .....	44
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	44

2. Tình hình tài chính:.....	46
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	50
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	50
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG .....	
1. Thông tin về cổ đông sáng lập .....	53
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	53
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng ...	59
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	
1. Loại cổ phiếu:.....	78
2. Mệnh giá: .....	78
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:.....	78
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá.....	78
5. Giá chào bán dự kiến.....	79
6. Phương pháp tính giá: .....	79
7. Phương thức phân phối:.....	79
8. Đăng ký mua cổ phiếu: .....	80
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu .....	81
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng .....	82
11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	83
12. Hủy bỏ đợt chào bán .....	83
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài .....	83
14. Các loại thuế có liên quan.....	83
15. Thông tin về các cam kết .....	84
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt .....	84
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....	
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN .....	
1. Tổ chức tư vấn .....	87
2. Tổ chức kiểm toán.....	87
3. Ý kiến của VCBS về đợt chào bán cổ phiếu của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài.....	87
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN .....	
X. PHỤ LỤC.....	
	90



ty dệt, sản xuất vải bông trị giá hàng tỷ USD hàng năm. Hoa Kỳ là nhà sản xuất bông lớn thứ ba thế giới, sản xuất khoảng 3,6 triệu tấn bông mỗi năm. Các nhà sản xuất bông hàng đầu ở Hoa Kỳ là Texas, Georgia, Mississippi, Arkansas và Alabama.

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ USDA, sản lượng bông toàn cầu dự kiến vụ 2021/22 được điều chỉnh giảm (-300.000 kiện, còn 119,9 triệu kiện) và lượng tiêu thụ toàn cầu dự kiến tăng nhẹ (+111.000 kiện, đạt 125,5 triệu kiện). Những điều chỉnh về cung cầu (do việc điều chỉnh tăng lượng tiêu thụ của Ấn Độ trong vụ 2019/2020 và 2020/21) làm lượng tồn kho đầu kỳ vụ 2021/22 giảm 1,3 triệu kiện (còn 87,3 triệu kiện). Do đó, lượng tồn kho cuối kỳ dự kiến vụ 2021/22 được điều chỉnh giảm 1,7 triệu kiện (còn 82,6 triệu kiện). Ở phạm vi quốc gia, sản lượng bông được điều chỉnh mạnh nhất ở Ấn Độ (-500.000 kiện, còn 26,5 triệu kiện) và Mexico (+150.000 kiện, đạt 1,2 triệu kiện).

Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội Bông sợi Việt Nam (VCOSA), trong 2 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu bông trị giá 619,8 triệu USD, tăng 69,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá bông nhập khẩu vào Việt Nam tháng 1/2022 trung bình ở mức 2.471 USD/tấn, tăng 252 USD/tấn so với tháng 12/2021 và tăng 875 USD/tấn so với tháng 1/2021, tương đương tăng 11,4% so với tháng 12/2021 và tăng 54,9% so với tháng 1/2021. Giá bông nhập khẩu trung bình từ các thị trường trong tháng 1/2022 tăng hầu hết từ các thị trường. Trong đó, giá bông nguyên liệu nhập khẩu từ Bồ Đào Nha thấp nhất đạt 1.325 USD/tấn; tiếp đến là từ Indonesia đạt 1.467 USD/ tấn và giá bông nguyên liệu nhập khẩu từ thị trường Brazil đạt mức cao nhất với mức giá 2.807 USD/tấn.

Cũng theo đánh giá của VCOSA, giá bông cũng chịu áp lực từ xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine, tác động lớn nhất của xung đột này là tình hình giá cả hàng hóa biến động rất mạnh. Quan ngại về việc chuỗi cung ứng có thể đứt gãy từ tình hình căng thẳng cùng các lệnh trừng phạt đã làm giá cả tăng lên và có thể sẽ ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng cây bông nguyên liệu. Cụ thể, khi giá bông đang cao và hấp dẫn hơn so với giai đoạn trước, việc giá các nông sản khác tăng sẽ làm giảm lợi thế của bông. Điều này có thể khiến cho diện tích gieo trồng bông không tăng như dự báo trước đây. Thị trường bông Việt Nam dự kiến sẽ vẫn diễn biến phức tạp với những thách thức mới trong bối cảnh tắc nghẽn logistics, sản xuất bị gián đoạn, chi phí vận chuyển cao và tình trạng thiếu nguyên liệu. Những yếu tố này tiếp tục làm tăng chi phí đầu vào và làm mất cân đối giữa cung và cầu.

### **3.4 Rủi ro của việc sử dụng vốn vay**

Sử dụng vốn vay trong hoạt động kinh doanh được xem như là một đòn bẩy tài chính hữu hiệu của các doanh nghiệp, nhằm gia tăng năng lực hoạt động và nâng cao lợi nhuận. Tuy nhiên, doanh nghiệp với cơ cấu vốn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay sẽ đối mặt với một số rủi ro nhất định. Trong điều kiện lãi suất liên tục tăng sẽ gây áp lực lên khả năng thanh



toàn của doanh nghiệp. Và khi lợi nhuận thu được không đủ chi trả các khoản nợ vay có thể dẫn doanh nghiệp đến bờ vực phá sản nhanh hơn.

#### **4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

##### **4.1 Rủi ro của đợt chào bán**

Trong quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc, có thể có những rủi ro nhất định. Bản cáo bạch này đưa ra dự báo về những rủi ro có khả năng xảy ra nhưng không bao hàm ý nghĩa chắc chắn sẽ xảy ra. Những rủi ro từ đợt chào bán nếu có sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn thu từ đợt phát hành của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài.

Tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn tăng trưởng nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và những nguy cơ từ nội tại nền kinh tế trong nước, vì thế thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua cũng tăng giảm bất thường và không còn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chứng khoán. Mức giá chào bán của cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài thấp hơn giá trị sổ sách (GTSS) của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 nên rủi ro đợt phát hành không thành công là khó có khả năng xảy ra.

##### **4.2 Rủi ro về sử dụng vốn**

Tổng giá trị số vốn phát hành và chào bán đợt này là 100.500.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu bông xơ đến Quý I-II/2023. Đây là kế hoạch sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và ban giám đốc cân nhắc kỹ và được ĐHĐCĐ công ty thông qua nên rủi ro sử dụng vốn của đợt phát hành này là không lớn.

#### **5. Rủi ro pha loãng**

Sau khi phát hành thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên, sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

*(i) Xét về pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:* Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành, số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền, cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Như vậy, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ bị thay đổi nếu tình hình nhiều cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua/ hoặc chuyển nhượng quyền mua cho một hoặc một nhóm người (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

(ii) Xét về sự pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần thì sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty. Giả định, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm 2022 ước tính bằng so với năm 2021, nhưng chỉ số EPS của năm 2022 thấp hơn EPS của năm 2021 (tốc độ tăng tương EPS âm), làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.

Cụ thể, theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, LNST năm 2021 là 83.544.755.316 đồng. Sau khi trừ đi các quỹ khen thưởng, phúc lợi... thì lãi chia cho CĐ thường là: 81.890.971.090 đồng. EPS theo BCIC kiểm toán năm 2021 của công ty là: 8.620 đồng. Giá sử: Ngày 01 tháng 10 năm 2022, Công ty hoàn thành việc phát hành thành công 5.500.000 cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu). Lợi nhuận sau thuế năm 2022 dự kiến bằng năm 2021. Ta có EPS năm 2022 của Công ty là:

$$\text{EPS} = \frac{\text{LN chia cho CĐ thường}}{\text{Tổng khối lượng CPPT đang lưu hành BQ trong kỳ(**)}} = \frac{81.890.971.090}{10.871.232} = 7.533 \text{ (đồng)}$$

( \*\* ) Tổng khối lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ là đại lượng bình quân theo số ngày. Tổng số ngày thực tế theo lịch, bao gồm cả ngày lễ và ngày nghỉ, được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng khối lượng} \\ \text{cổ phiếu lưu} \\ \text{hành bình quân} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số} \\ \text{lượng} \\ \text{cổ phiếu} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu} \\ \text{phát hành thêm x Số} \\ \text{ngày lưu hành trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu mua} \\ \text{lại trong kỳ x Số ngày} \\ \text{được mua lại trong kỳ} \end{array}}{\text{Tổng số ngày trong kỳ}}$$

Áp dụng với trường hợp phát hành thêm của SPB:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng khối lượng cổ} \\ \text{phiếu lưu hành bình} \\ \text{quân trong kỳ} \end{array} = 9.500.000 + \frac{5.500.000 * 91}{365} = 10.871.232 \text{ (cổ phiếu)}$$



Như vậy, mặc dù lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm 2022 ước tính là bằng so với năm 2021, nhưng chỉ số EPS của năm 2022 lại thấp hơn so với năm 2021, làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.

Đó là một trong những yếu tố rủi ro của việc phát hành cổ phần để tăng thêm vốn điều lệ. Nhưng nếu xét về bản chất thì thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn để phục vụ cho việc đầu tư phát triển công ty. Việc phát hành ra công chúng có làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu nhưng trong bối cảnh vay vốn ngân hàng không dễ, lãi suất tăng cao thì việc phát hành tăng vốn là một hướng đi hoàn toàn hợp lý. Nếu doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, các dự án khả thi thành công, thì cũng sẽ nhanh chóng làm tăng giá trị cổ phiếu hơn.

*(iii) Xét về mức độ pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần*

$$\text{Giá sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

*(iv) Xét về pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm:*

Giá tham chiếu của cổ phiếu SPB tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh theo tỷ lệ phát hành. Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) điều chỉnh theo quy định của HNX.

## 6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị Công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty không tốt, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.



Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi, Công ty đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa vào nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban điều hành công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào tính khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

## **7. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... là những rủi ro bất khả kháng. Tuy rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu có thì sẽ gây tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty.

## **III. CÁC KHÁI NIỆM**

### **Từ, cụm từ ngữ nghĩa:**

SPB	:	Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
Công ty	:	Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
VCBS	:	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
SGDCK Hà Nội	:	Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội
Tổ chức tư vấn	:	Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
CP	:	Cổ phần
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BTGD	:	Ban Tổng giám đốc
BKS	:	Ban kiểm soát
HĐSXKD	:	Hoạt động sản xuất kinh doanh
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TMCP	:	Thương mại cổ phần
VN	:	Việt Nam
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước

NHTM	:	Ngân hàng thương mại
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
DT	:	Doanh thu
DTT	:	Doanh thu thuần
LN	:	Lợi nhuận
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
- Tên tiếng anh: PHU BAI SPINNING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên giao dịch viết tắt: PHU BAI SJSC
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 3300352720 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003, thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 05 năm 2020;
- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Phú Bài – P. Phú Bài – TX. Hương Thủy – Tỉnh TT. Huế - Việt Nam.
- Điện thoại: 02343 863 240                      Fax: 02343 863 363
- Website: <http://phubaispinning.com>
- Logo:



*Phu Bai Spinning*  
**SỢI PHÚ BÀI**

- Vốn điều lệ: 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:

- + Sản xuất kinh doanh sợi, dệt vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm;
  - + Bán buôn chuyên doanh: bông, xơ, sợi các loại và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm;
  - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - + May trang phục;
  - + Sản xuất quần áo may sẵn;
  - + Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - + Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật;
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Trần Thị Kim Chi – Tổng Giám Đốc
  - Mã cổ phiếu : SPB
  - Sàn đăng ký giao dịch: Upcom

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức phát hành:**

Công ty cổ phần Sợi Phú Bài có trụ sở và nhà máy đóng tại Khu Công Nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, được thành lập mới theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300352720 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003 và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 03 năm 2003, với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh Sợi các loại và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành kéo Sợi.

Với dây chuyền kéo sợi 50.000 cọc sợi được đầu tư với máy móc thiết bị đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại của các hãng chế tạo nổi tiếng, như: Trutzschler và Volkmann-Đức, Rieter và SSM- Thụy Sĩ, Murata và Toyota- Nhật Bản và của Trung Quốc .

Từ Quý IV/2021, Công ty đã đưa Nhà máy Sợi mới, hai tầng , được chuyển giao từ Dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi và bắt đầu khai thác SXKD.

Công ty có đội ngũ CBCNV nhiệt tình năng động trong công việc, nhanh nhạy tiếp thu công nghệ mới, có nhiều kinh nghiệm, cần cù chịu khó vượt qua mọi khó khăn, luôn hoàn thành công việc được giao; đặc biệt, trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhờ có sự quan tâm hỗ trợ tích cực về mặt kỹ thuật, việc áp dụng phương pháp điều hành quản lý chặt chẽ về mọi mặt của Ban Tổng giám đốc Công ty và các Cán bộ điều hành quản lý các cấp, nên trong các năm qua sản phẩm sợi và thương hiệu của Công ty đã và đang được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao, khẳng định đẳng cấp về thương hiệu Sợi Phú Bài trên thị trường. Công ty luôn đảm bảo duy trì 90 – 95% sản lượng các mặt hàng sợi để xuất khẩu trực tiếp đến các nước Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Nhật Bản, Philippines, Mỹ, ..v.v..

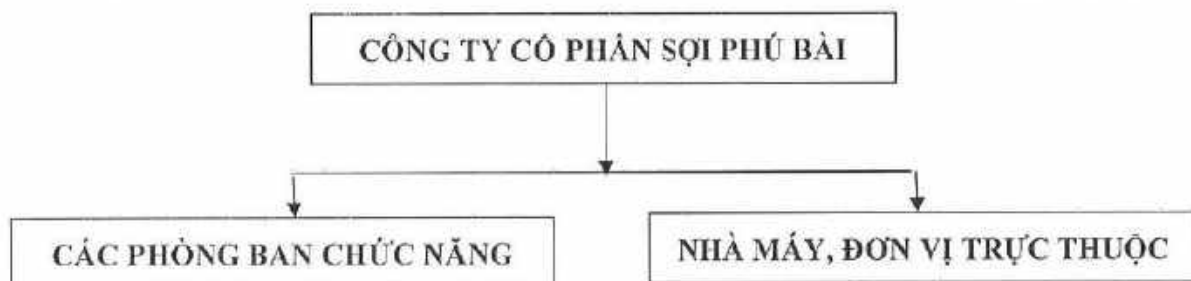


Ngày 17/10/2016, cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài chính thức đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM.



*Trụ sở chính của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài*

### 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



*Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài*

**Công ty có 03 nhà máy trực thuộc và 01 văn phòng đại diện:**

- Nhà máy Sợi 1, 2
  - + Địa chỉ: KCN Phú Bài, P. Phú Bài, Tx. Hương Thủy, Tỉnh TT. Huế.
  - + Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất Sợi các loại.
- Nhà máy Sợi 3
  - + Địa chỉ: KCN Phú Bài, P. Phú Bài, Tx. Hương Thủy, Tỉnh TT. Huế.
  - + Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất Sợi các loại.
- Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên
  - + Địa chỉ: Km35 Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

- Văn phòng Đại diện Thành Phố Hồ Chí Minh- Công ty CP Sợi Phú Bài
- + Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Huệ, P Bến Nghé, Quận 1, TP HCM.

#### **Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban**

- Các phòng nghiệp vụ tham mưu giúp việc:

##### **+ Phòng Tổ chức – Hành chính :**

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về các lĩnh vực: Hành chính, quản trị, đối ngoại, thi đua, tuyên truyền.

##### **+ Phòng Kế toán - Tài chính :**

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về lĩnh vực công tác quản lý kinh tế tài chính của Sợi Phú Bài bao gồm: Tham mưu cho Tổng Giám đốc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả cao. Tính toán tình hình kinh tế, kiểm tra, thống kê và quản lý việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, nhằm bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các chế độ, nguyên tắc luật pháp của Nhà nước. Quan hệ cổ đông, công bố thông tin, lập kế hoạch, chương trình lưu ký, đăng ký giao dịch, niêm yết theo quy định.

##### **+ Phòng Kế hoạch – Kinh doanh xuất nhập khẩu :**

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về kế hoạch sản xuất; kế hoạch tiêu thụ sản phẩm; kinh doanh nguyên phụ liệu, thiết bị và các sản phẩm ngành Sợi, Dệt, Nhuộm; lĩnh vực Xuất – Nhập khẩu. Nghiên cứu, giữ vững và tìm kiếm thị trường đối với khách hàng trong và ngoài nước; theo dõi, nắm bắt thông tin diễn biến thị trường trong Ngành nhằm đề ra phương hướng và chiến lược kinh doanh có hiệu quả cho Công ty. Tính toán và xây dựng giá bán nhằm hướng đến giá bán tối ưu nhất.

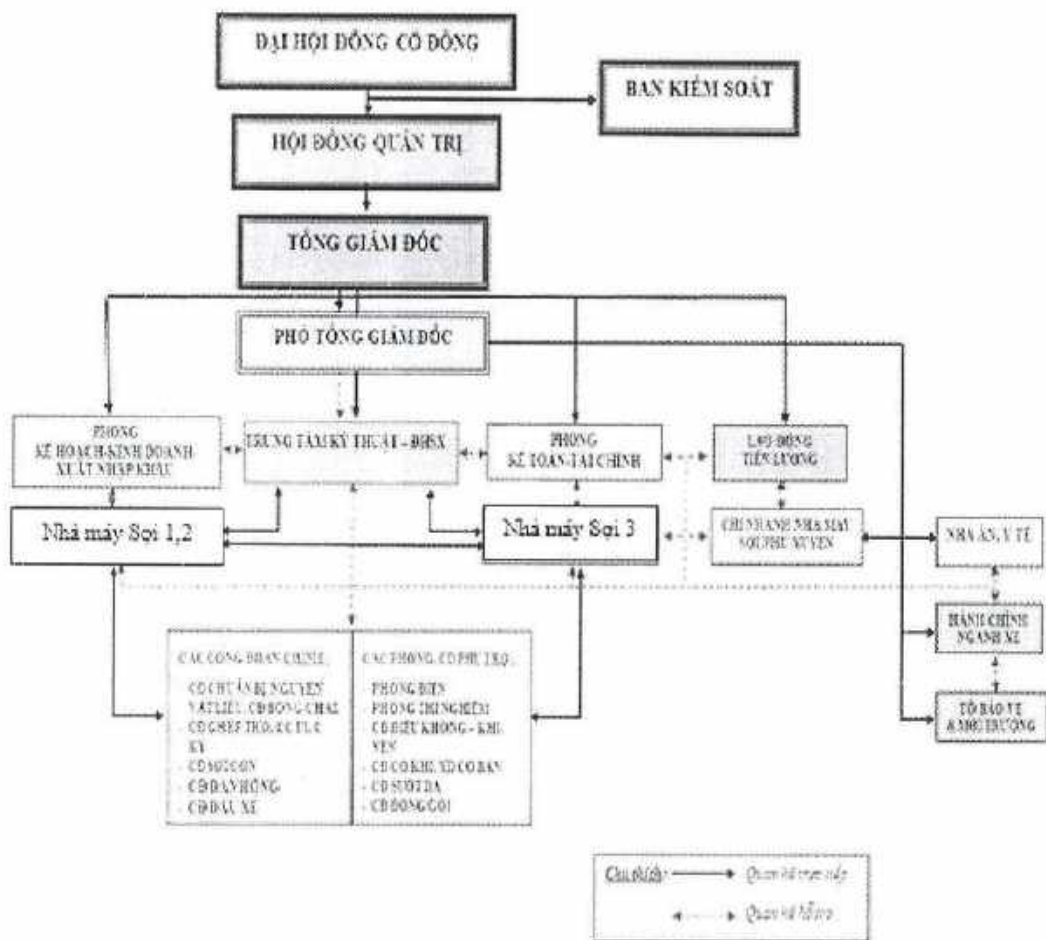
#### **4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty:**

Công ty cổ phần Sợi Phú Bài hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc Điều hành;
5. Các Phó Tổng giám đốc

7. Đơn vị trực thuộc.



SỞ ĐO CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÙ BÀI

## Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn



việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh Công ty; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động, ra các nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng cổ đông đề ra.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài gồm 05 thành viên:

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| ✚ Ông Cao Hữu Hiếu    | - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị    |
| ✚ Ông Trương Văn Hiến | - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị. |
| ✚ Bà Trần Thị Kim Chi | - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị. |
| ✚ Ông Trần Đình Hiệp  | - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị. |
| ✚ Bà Lê Thị Quê Hương | - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị. |

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là hai (03) người.

- |                          |                         |
|--------------------------|-------------------------|
| ✚ Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi | – Trưởng ban kiểm soát. |
| ✚ Bà Phạm Thị Vân Hà     | – Thành viên BKS.       |
| ✚ Ông Võ Hoàng Phụng     | – Thành viên BKS.       |

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ban tổng giám đốc điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc,

các cấp quản lý trong công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- ✦ Bà Trần Thị Kim Chi – Tổng Giám đốc.
- ✦ Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Ông Trần Đình Hiệp – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Bà Lê Thị Quê Hương – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Bà Hoàng Thái Trúc – Kế toán trưởng.

**Tổng Giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Hiện nay, Tổng Giám đốc đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Các Phó Tổng Giám đốc:** Giúp việc cho Tổng giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

**Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban :** Được trình bày tại mục 3

**Các đơn vị trực thuộc:** Được trình bày tại mục 3

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài, những công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài, những công ty mà Công ty cổ phần Sợi Phú Bài đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:**

**Công ty mẹ:**

Tên Công ty: Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Địa chỉ: 25 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ngày thành lập: 29/04/1995

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100100008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 27/10/2010, Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06/10/2021.



Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh sợi, dệt vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm.

Tỷ lệ đã sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại SPB: 53,845%

Công ty con: Không có

**5.2 Những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, công ty liên kết:** Không có

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty**

Quá trình tăng vốn kể từ khi thành lập đến nay: Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Sợi Phú Bài có **04** lần tăng vốn.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ thực góp tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau phát hành (Đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Thành lập			6.000.000.000	Thành lập công ty CP	Theo quy định của công ty cổ phần. Giấy chứng nhận ĐKDN số 3300352720 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003;
1	28/06/2007	2.100.000.000	8.100.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phần và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần.	- Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 30/06/2007. - Nghị quyết HĐQT ngày 14/08/2007.
2	24/12/2010	6.000.000.000	14.100.000.000	Phát hành hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần.	- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

3	31/10/2015	35.900.000.000	50.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. - Nghị quyết HĐQT ngày 12/11/2015;
4	24/02/2020	50.000.000.000	95.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 01/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 02/01/2020; - Báo cáo kết quả chào bán ra công chúng số 136/SPB ngày 07/04/2020;

(Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

❖ Ý kiến của Kiểm toán viên trong báo cáo kiểm toán độc lập số 658/2021/BC-AAC ngày 13/04/2021:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình sử dụng vốn (của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 trên sơ sở giải ngân thực tế như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 của Công ty thông qua.

#### 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có



## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 8.1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 9.500.000 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (tính theo mệnh giá): 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng)
- Thông tin về cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất 21/06/2022 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>153</b>	<b>9.500.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>100</b>
	Cá nhân	150	2.058.589	20.585.890	21,67
	Tổ chức	03	7.441.411	74.414.110	78,33
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>153</b>	<b>9.500.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

### 8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

### 8.3. Các loại chứng khoán khác: Không có

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định pháp luật: Căn cứ theo công văn số 5985/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 06/09/2017, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài được xác định ở mức 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của công ty gần nhất ngày 21/06/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty là 0%.

## 10. Hoạt động kinh doanh.

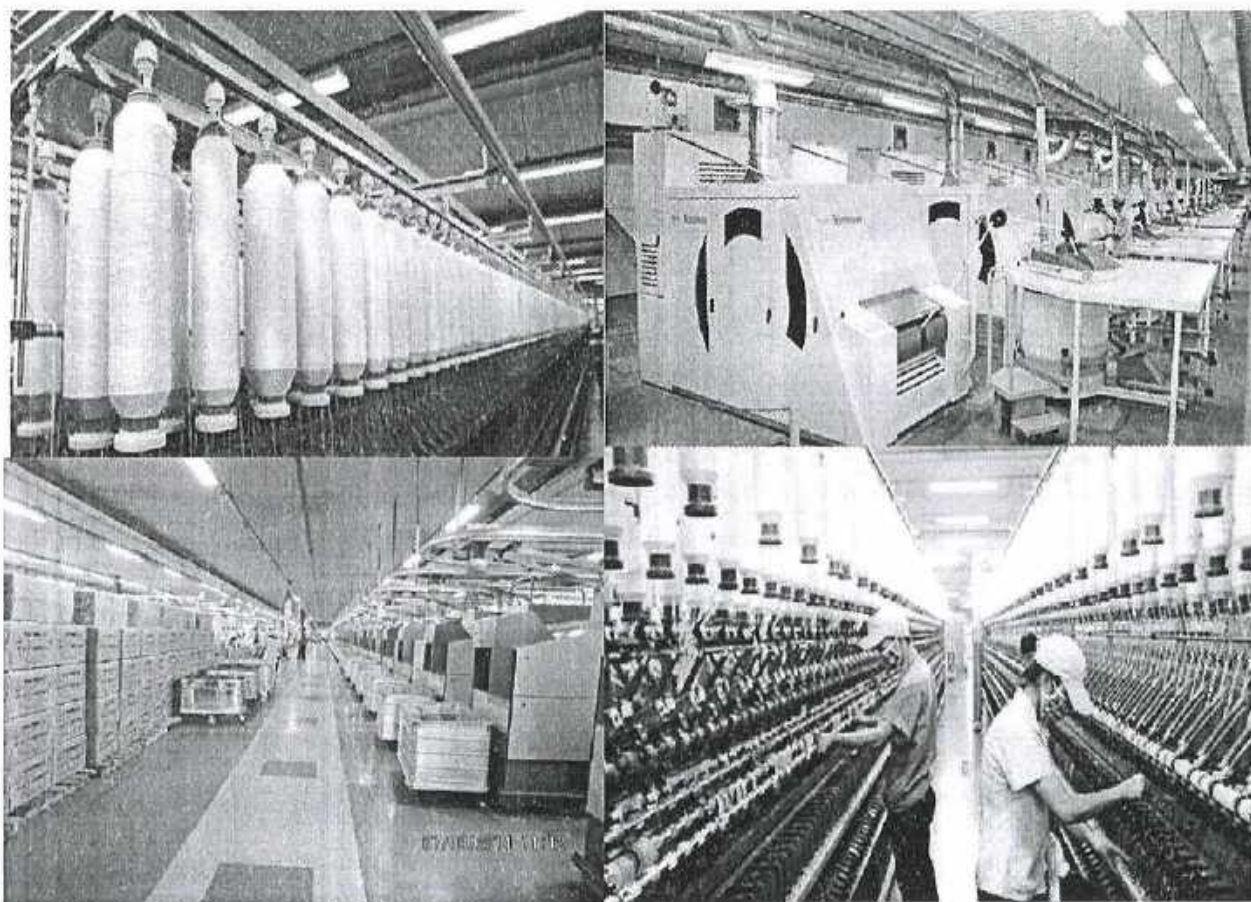
### 10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

Công ty cổ phần Sợi Phú Bài chuyên sản xuất Sợi các loại cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu, kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành kéo Sợi.

Những sản phẩm chính của Công ty là Sợi 100% cotton và sợi pha TC, CVC chải thô và chải kỹ, sợi TR, sợi pha Cotton/Modal và 100% Modal.

**Sản lượng và chất lượng sợi:** luôn duy trì ở mức cao, hiệu suất khai thác máy sợi con đạt trên 95% và khá ổn định. Các loại sợi thành phẩm đạt chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.

✚ Một số hình ảnh về nhà máy sản xuất:



✚ Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh :

Công ty là một đơn vị sản xuất ổn định, trong năm đều hoạt động tối đa công suất nên không có hoạt động mùa vụ.

✚ Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ :



**Cơ cấu mặt hàng năm 2021:**

TT	Thành phẩm	Đơn vị	Sản lượng năm 2021
1	Sợi T/C các loại	Tấn	5.235
2	Sợi CVC các loại	Tấn	7.361
3	Sợi Cotton các loại	Tấn	1.588
4	Sợi TR	Tấn	118
5	Sợi PE	Tấn	2.016
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>Tấn</b>	<b>16.318</b>

*Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài*

Trong sản xuất, Công ty thực hiện chủ trương quản lý và khai thác tốt các máy móc thiết bị đã đầu tư, nâng cao hiệu suất thiết bị đạt công suất thiết kế với các sản phẩm phù hợp với thị trường, chất lượng bảo đảm đáp ứng yêu cầu khách hàng trong và ngoài nước. Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất (điện, nước, nguyên phụ liệu, vật tư...) được quan tâm hàng đầu. Hơn nữa Công ty không ngừng nghiên cứu cải tiến, đề ra các phương án nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và hiệu quả làm việc của máy móc, thiết bị đồng thời tiết kiệm chi phí sản xuất.

Công ty thường xuyên tổ chức thực hiện tốt công tác bán hàng và các khâu chuẩn bị, đảm bảo giữ vững được khách hàng truyền thống ở các nước: Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Nhật Bản, Philippines, Mỹ, ..v.v.. và mở rộng tìm kiếm khách hàng mới để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty đã tận dụng linh hoạt, có hiệu quả những ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh-xuất nhập khẩu.

Trong các năm qua, tên Công ty và sản phẩm sợi của Công ty đã và đang được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao, khẳng định đẳng cấp về thương hiệu Sợi Phú Bài trên thị trường.

Các dịch vụ đặc thù của Công ty đã tạo ra cơ cấu doanh thu, lợi nhuận và chi phí như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Doanh thu bán thành phẩm	685.070	95,41%	1.089.060	96,79%	1.300.932	96,05%

2	Doanh thu khác	31.734	4,42%	35.969	3,20%	53.026	3,92%
3	Dịch vụ gia công	975	0,14%	151	0,01%	455	0,03%
<b>Tổng cộng</b>		<b>718.019</b>	<b>100%</b>	<b>1.125.180</b>	<b>100%</b>	<b>1.354.413</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Các dịch vụ đặc thù của Công ty đã tạo ra cơ cấu lợi nhuận gộp như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Từ bán thành phẩm	55.290	96,50%	163.019	99,91%	87.919	99,50%
2	Từ doanh thu khác	844	1,47%	-	0,00%	9	0,01%
3	Từ dịch vụ gia công	919	1,60%	141	0,09%	433	0,49%
<b>Tổng cộng</b>		<b>57.293</b>	<b>100,00%</b>	<b>163.160</b>	<b>100,00%</b>	<b>88.361</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

- Tổng Doanh thu (DT) năm 2021 tăng 423.4 tỷ đồng (tương ứng tăng 58.1%), trong đó DT bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhiều nhất, hơn 407 tỷ đồng, nguyên nhân là vì nhu cầu thị trường tăng, sợi bán ra với giá tốt hơn hẳn so với các năm trước, đồng thời dự án nhà máy mới chính thức đi vào hoạt động đã giúp chỉ tiêu này tăng 128.3 tỷ đồng. DT hoạt động tài chính cũng tăng nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong Tổng DT, tăng 17.7 tỷ đồng (tương ứng tăng 209.4%), nguyên nhân chính là từ Lãi do chênh lệch tỷ giá tăng đến 18.4 tỷ đồng.

- Giá Bông mua vào bình quân (BQ) tăng từ 37,163 đ/kg (năm 2020) lên 47,632 đ/kg (năm 2021), tăng 28%. Giá Xơ mua vào BQ tăng từ 19,286 đ/kg (năm 2020) lên 24,768 đ/kg (năm 2021), tăng 28%. Trong khi đó, giá Sợi bán ra BQ tăng từ 50,121 đ/kg (năm 2020) lên đến 71,176 đ/kg (năm 2021), tăng đến 42%. Mức tăng của giá Sợi bán ra cao hơn hẳn so với Nguyên liệu chính mua vào là nguyên nhân chính giúp Lợi nhuận từ HDKD tăng 83.6 tỷ đồng (tăng 1,061.8%) so với năm 2020. Cùng với Lợi nhuận tài chính tăng 15.3 tỷ đồng (do Lãi từ chênh lệch tỷ giá tăng), Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2021 đã đạt 106.8 tỷ đồng, tăng 97.7 tỷ (tương ứng tăng 1078.9%) so với năm 2020.

## 10.2. Tài sản

❖ Theo Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài đến 31/12/2021, tài sản lớn thuộc sở hữu của công ty bao gồm:



Tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2021:

Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Nhà cửa, vật kiến trúc	139.701.158.930	45.339.206.142	94.361.952.788
- Máy móc và thiết bị	717.053.680.207	367.842.857.470	349.210.822.737
- Phương tiện vận chuyển	23.474.869.522	22.582.211.763	892.657.759
- Thiết bị văn phòng	308.928.892	276.764.609	32.164.283
<b>Tổng cộng</b>	<b>880.538.637.551</b>	<b>436.041.039.984</b>	<b>444.497.597.567</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 361.396 triệu đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 436.248 triệu đồng.

❖ Theo Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài đến 31/12/2022, tài sản lớn thuộc sở hữu của công ty bao gồm:

Tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2022:

Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Nhà cửa, vật kiến trúc	139.701.158.930	49.622.821.128	90.078.337.802
- Máy móc thiết bị	722.968.445.504	399.496.830.377	323.471.615.127
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	23.474.869.522	23.432.917.025	41.952.497
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	308.928.892	308.928.892	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>886.453.402.848</b>	<b>472.861.497.422</b>	<b>413.591.905.426</b>

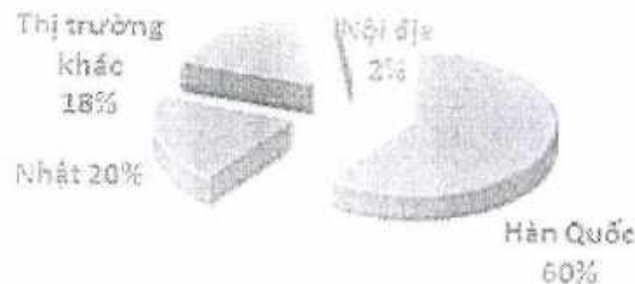
(Nguồn: Báo cáo tài chính quyết toán năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 430.279 triệu đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 414.170 triệu đồng.

### 10.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động chủ yếu xuất sang thị trường các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu + Thổ Nhĩ Kỳ và Philippines.

- Thị trường nội địa: chiếm 2%
- Thị trường xuất khẩu: chiếm 98% sản lượng sản xuất (kể cả xuất khẩu tại chỗ); Trong đó:



Trong năm 2021, các đơn hàng xuất khẩu của Công ty tập trung chủ yếu ở các thị trường: Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Philippines, Trung Quốc, Nam Mỹ... Trong đó:

+ Thị trường Hàn Quốc (Chiếm 60%): Mặt hàng chủ yếu của thị trường này là sợi CVC chải kỹ và sợi 100% cotton chải thô.

+ Thị trường Nhật Bản (Chiếm 20%): Mặt hàng chính là sợi TC chải kỹ và sợi xe luôn được yêu cầu chất lượng tốt và ổn định.

+ Thị trường xuất khẩu khác (Indonesia, Philippines, Trung Quốc, Nam Mỹ...): 18%.

#### **10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**

Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư bổ sung thiết bị, giá trị là 6,82 tỷ đồng:

- 02 máy Sợi Thô Hicorp CMT Model FA494-144, 144 cọc/máy (Nhà chế tạo: Hicorp Machinery (Qingdao) Co.,Ltd. – Trung Quốc; Năm sản xuất 2021): Đã lắp đặt và đưa vào sử dụng từ giữa tháng 8/2021

Công ty đã thanh lý hai máy Sợi Thô Saurer model 668 đã qua sử dụng nhiều năm và đã hết khấu hao.

- 01 máy đánh ống tự động Murata model Process Coner II Qpro Ex (Nhà chế tạo: Murata Machinery, Ltd. – Nhật Bản; Năm sản xuất: 2021), có đầu cắt lọc Uster Quantum 4 loại xơ ngoại lai và PP của Uster Technologies AG (Thụy Sĩ): Đã lắp đặt và đưa vào sử dụng từ cuối tháng 10/2021.

#### **10.5. Các hợp đồng lớn :**

Thông tin các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong năm 2020-2021 và đến thời điểm hiện tại :



STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong HĐ	Mối quan hệ với người nội bộ (*)	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
1	254PB20	1,041,039.98	16/10/2020	Tháng 12/2020 Tháng 1,2,3/2021	Sợi CVCN, CVCD từ xơ tái chế	COLOR AND TOUCH CO., LTD	Không có	Không có
3	289PB20	892,860.00	27/11/2020	Tháng 4,5,6,7/2021	Sợi CVCN từ xơ tái chế	COLOR AND TOUCH CO., LTD	Không có	Không có
2	41PB21	1,083,010.00	05/03/2021	Tháng 6,7,8,9,10/2021	Sợi CVCN từ xơ tái chế	COLOR AND TOUCH CO., LTD	Không có	Không có
4	60PB21A	1,191,586.00	20/04/2021	Tháng 10,11,12/2021 Tháng 1,2/2022	Sợi CVCN từ xơ tái chế	COLOR AND TOUCH CO., LTD	Không có	Không có
5	172PB21	771,600.00	03/09/2021	Tháng 9,10,11/2021 Tháng 1/2022	Sợi CVCN từ xơ tái chế	DAENONG CORPORATION	Không có	Không có

( Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

**10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của SPB từ năm 2020, 2021 và đến thời điểm hiện tại:**

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu bán/doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ (*)
1	DEVCOT S.A	14.148.927,64 USD	Liên tục cho đến nay	Nguyên liệu bông (cotton)	Không
2	TAINAN SPINNING Co, LTD	9.131.974,76 USD	Liên tục cho đến nay	Nguyên liệu xơ Polyester	Không
3	CAM NEGOCE DIVISION COTON	7.184.730,65 USD	Liên tục cho đến nay	Nguyên liệu bông (cotton)	Không
4	COLOR AND TOUCH CO., LTD	9.512.167,70 USD	Liên tục cho đến nay	Sợi CVC chải kỹ và chải thô	Không
5	ILSHIN SPINNING CO., LTD	6.795.298,81 USD	Liên tục cho đến nay	Sợi CVC, TC chải kỹ và chải thô	Không
6	TOYOSHIMA & CO., LTD.	4.967.833,27 USD	Liên tục cho đến nay	Sợi TC chải kỹ	Không

(Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Trong 02 năm 2020, 2021 và đến thời điểm hiện tại, Công ty có ký kết hợp đồng với các đối tượng có liên quan như Công ty mẹ là Tập đoàn dệt may Việt Nam, Công ty cổ phần Dệt May Huế, Công ty CP Dệt May Hòa Thọ, Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3, Công ty cổ phần Vinatex Phú Hưng được trình bày tại Thuyết minh số 34 BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán. Đây là những hợp đồng dịch vụ thông thường, giá trị rất nhỏ so với các đối tác lớn của Công ty nên Công ty không trình bày vào bảng 10.5 và 10.6.

#### 10.7. Vị thế Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Với quy mô đầu tư ban đầu là 30.000 cọc sợi vào năm 2002, đến năm 2006 năng lực của Công ty đã tăng lên 50.000 cọc, dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại của hãng Trutzschler, Volkman - Đức, của hãng Rieter, SSM - Thụy Sĩ, của hãng Murata, Toyota - Nhật Bản và của Trung Quốc, hiệu suất khai thác thiết bị duy trì đạt 90%



công suất thiết kế, sản lượng bình quân khoảng 1.000 tấn/tháng. Mặc dù ra đời sau so với các doanh nghiệp khác trong Ngành, nhưng Sợi Phú Bài không ngừng phát triển qua từng năm và đã từng bước tạo dựng được vị thế trong ngành Dệt May Việt Nam. Sản phẩm của Công ty được khách hàng trong và ngoài nước tin dùng.

Hai thập kỷ xây dựng và trưởng thành, có thể nói Công ty đã thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối phát triển cũng như tiếp nhận có hiệu quả các chính sách ưu đãi của Nhà nước và Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cán bộ công nhân viên của Công ty nhiệt tình năng động, sáng tạo trong công việc, nhanh nhạy tiếp thu công nghệ mới, cần cù chịu khó vượt qua mọi khó khăn, luôn hoàn thành công việc được giao.

Hơn nữa, từ Quý IV/2021 Công ty đưa nhà máy sợi 30.240 cọc sợi đi vào hoạt động và khai thác. Hầu hết máy móc thiết bị trên dây chuyền kéo sợi được Công ty đầu tư đồng bộ với những tính năng công nghệ tự động hóa tiên tiến nhất hiện nay của các nhà chế tạo có danh tiếng (như: Bông - Chải của Trutzschler – Đức; Ghép - Cuộn củi - Chải kỹ - Sợi con của Rieter – Thụy Sĩ; Máy Sợi thô - Line Thô của Hicorp – Trung Quốc; Máy Đánh ống của Murata – Nhật Bản, ...). Ngay sau khi chính thức đưa vào vận hành khai thác, nhà máy sợi mới đã nhanh chóng hoạt động ổn định, sản phẩm sợi có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu cao của khách hàng.

Ngoài ra, Công ty cũng sẵn sàng nắm bắt cơ hội đón đầu các Hiệp định Kinh tế như CPTPP, AHKFTA, ... tạo đà đẩy mạnh hơn nữa hoạt động sản xuất và kinh doanh trong những năm sắp đến.

Sợi Phú Bài đã khẳng định được vị thế, mức độ cạnh tranh của mình trong ngành dệt may Việt Nam cũng như trên thị trường xuất khẩu thế giới. Tạo dựng hình ảnh, thương hiệu và chỗ đứng nhất định đối với khách hàng quốc tế. Lợi thế rõ nhất là tạo được những sản phẩm chủ lực có năng suất và chất lượng tương đối cao, tạo được uy tín đối với khách hàng. Có cơ sở hạ tầng khá đồng bộ, trang thiết bị được đổi mới với công nghệ tiên tiến và hiện đại hoá.

Thông tin về thị phần của SPB trong ngành: công ty không có số liệu cụ thể để so sánh thị phần của SPB so với các doanh nghiệp trong ngành.

Năm 2022, Hoạt động chính của SPB là hoạt động sản xuất sợi, do đó các công ty được lựa chọn để so sánh là những doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may có mô hình kinh doanh tương tự với SPB, đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch để so sánh về hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính với SPB.

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã CK	Tên công ty	Sản giao dịch	VĐL	VCSH	TTS	DTT	LNST	LNST/DTT (%)	LNST/VCSH (%)
SPB	Công ty cổ phần Sợi Phú Bài	UPCOM	95	233	950	1.125	83	7,38%	35,62%
DM7	Công ty cổ phần Dệt may 7	UPCOM	154	260	472	826	50	6,05%	19,23%
HCB	Công ty cổ phần Dệt may 29/3	UPCOM	51	134	678	840	12	1,43%	8,96%
HSM	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội	UPCOM	205	590	2.017	1.655	60	3,63%	10,17%
HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	UPCOM	236	653	2.340	3.863	201	5,20%	30,78%
NDT	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Nam Định	UPCOM	136	287	1.183	1.450	83	5,72%	28,92%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất (nếu có) kiểm toán năm 2021 của các công ty)

Tổng tài sản và doanh thu thuần của SPB trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành. Xét trong các công ty so sánh, SPB có tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ở mức cao nhất vào khoảng 35,62% trong năm 2021, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần ở mức cao vào khoảng 7,38% trong năm 2021.

#### \* Triển vọng phát triển của ngành trong năm 2022

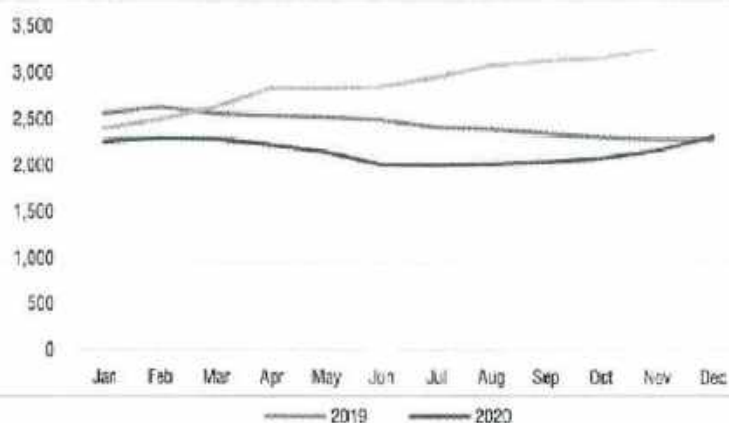
Dệt may là một trong những ngành sản xuất chủ lực của nền kinh tế, chiếm từ 12 - 16% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Năm 2021, dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, như đứt gãy nguồn cung nguyên liệu, thu hẹp thị trường tiêu thụ, song với sự chủ động, linh hoạt trong phương thức sản xuất, kinh doanh, ngành Dệt may đã từng bước vượt qua khó khăn.

VITAS dự báo kim ngạch xuất khẩu năm 2022 đạt 43 tỷ USD (+10% so với cùng kỳ).

Ngành sợi bông, sau khi tăng trưởng nhanh trong năm 2021, sẽ dần tìm được điểm cân bằng trong năm 2022. Giá bông đầu vào sẽ tiếp tục tăng mạnh trong 2 quý tới, nhưng khả năng cao sẽ điều chỉnh vào nửa cuối năm 2022.



### Giá xuất khẩu sợi của Việt Nam (USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

### Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bộ Công Thương gần đây đã áp thuế nhập khẩu 5 năm đối với sợi polyester nhập khẩu (loại POY, DTY và FDY) có hiệu lực từ ngày 16/10/2021 - Trung Quốc (17,5%); Ấn Độ (54,9%); Indonesia (21,9%); và Malaysia (21,5%). Điều này sẽ có lợi cho hầu hết các công ty sản xuất sợi trong nước.

Nhìn lại trước đó, sau gần hai năm gián đoạn, ngành dệt may toàn cầu đã bắt đầu tìm lại được vị thế, được thúc đẩy bởi sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại điện tử. Bất chấp những khó khăn liên tục xảy ra, nhu cầu đã quay đầu trong nửa cuối năm 2021. Tại Mỹ, nhu cầu bị dồn nén đã dẫn đến sự bùng nổ tăng trưởng. Một số thương hiệu đạt kết quả khả quan hơn so

với thị trường bị chi phối bởi quần áo thể thao và hàng cao cấp. McKinsey ước tính doanh thu thời trang toàn cầu năm 2021 đạt 96% mức năm 2019.

Tại Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may ước tính đạt 39 tỷ USD (+11,2% so với cùng kỳ và +0,3% so với năm 2019), đây là kết quả đáng kể mặc dù có sự gián đoạn kéo dài do chính sách giãn cách xã hội trong quý 3/2021. Tăng trưởng bình quân trong 5 năm trước dịch Covid-19 được duy trì ở mức 10%.

Bên cạnh đó, ngành dệt may Việt Nam năm 2022 còn được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố tích cực. Cụ thể, Hiệp định EVFTA, CPTPP sẽ giúp thị phần dệt may của Việt Nam tại Mỹ, EU và Mỹ mở rộng. Hơn nữa, xu hướng dịch chuyển nguồn cung ứng dệt may thế giới ra khỏi Trung Quốc, còn Việt Nam là một trong những điểm đến của các nhà nhập khẩu, hãng bán lẻ.

Các chuyên gia dự báo, năm 2022 tổng kim ngạch thương mại dệt may toàn cầu sẽ hồi phục hoàn toàn với khoảng trên 700 tỷ USD. Đây là cơ hội cho ngành dệt may Việt Nam nối tiếp đà tăng trưởng, hướng tới mục tiêu xuất khẩu đạt trên 40 tỷ. Tuy nhiên, do đặc thù của ngành là thâm dụng lao động và phụ thuộc nhiều vào chuỗi cung ứng, vì vậy, song song với việc chủ động nguyên liệu sản xuất, các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chủ động và linh hoạt xây dựng các phương án sản xuất để không bị đứt gãy các đơn hàng xuất khẩu trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19.

#### **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới**

Xét về năng lực của Doanh nghiệp, Công ty có đủ các điều kiện về quản trị, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm để cạnh tranh với sản phẩm của các công ty cùng ngành hàng đầu trong nước; và đáp ứng đủ tiêu chuẩn để duy trì ổn định nguồn khách hàng nước ngoài.

Hiện tại, sản phẩm của Công ty được xuất khẩu với khoảng hơn 95% tổng sản lượng hàng năm do nhu cầu về sợi chất lượng cao trên thị trường quốc tế cao hơn thị trường nội địa. Trên thực tế, tại Việt Nam, nguồn cung về sợi đang không đáp ứng đủ nguồn cầu, nên Sợi Phú Bài không gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt với các công ty cùng ngành. Sắp tới, khi các doanh nghiệp FDI chuyển dịch sản xuất vào Việt Nam, nhu cầu về sợi chất lượng cao của thị trường nội địa tăng lên, Sợi Phú Bài dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng thị phần tại thị trường nội địa. Bên cạnh đó, trong tương lai, Công ty có định hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh dọc chuỗi cung ứng ngành dệt may theo cả hai chiều lên và xuống. Cụ thể, công ty đang chuẩn bị đầu tư Dự án mở rộng 01 nhà máy kéo sợi mới quy mô khoảng 6 vạn cọc.

Với những lợi thế sẵn có và định hướng kinh doanh mở rộng, Sợi Phú Bài dự kiến sẽ tận dụng triệt để những lợi thế mà xu hướng phát triển ngành dệt may Thế giới, chính sách của



Nhà Nước Việt Nam đối với ngành dệt may và sự phát triển ngành Dệt may Việt Nam mang lại.

#### 10.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, Công ty cổ phần sợi Phú Bài cũng luôn quan tâm tới hoạt động Marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách Marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản phẩm sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu của Công ty, qua đó sẽ thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số giải pháp như:

- ✦ Luôn giữ mối quan hệ với khách hàng truyền thống, bên cạnh đó, phòng kinh doanh luôn hướng đến việc tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng mới.
- ✦ Thông qua các bạn hàng, đối tác, thực hiện marketing trong chính quá trình bán hàng và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng hậu cung cấp dịch vụ nhằm không ngừng khẳng định và nâng cao hình ảnh của Công ty trong ngành Dệt May Việt Nam và khu vực ...
- ✦ Ban lãnh đạo xây dựng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý tại các thời điểm khác nhau, có các chính sách khuyến khích bán hàng..
- ✦ Về quảng cáo: Sử dụng internet như công ty xây dựng website, tăng cường quảng bá hình ảnh và sản phẩm của Công ty trên website, quảng cáo trên tạp chí ngành, In catalogue.
- ✦ Tham gia một số hội nghị, hội thảo ngành nghề, tham gia làm thành viên trên các diễn đàn ...

#### 10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế, bản quyền: Không có

Biểu tượng logo Công ty:



*Phu Bai Spinning*  
**SỢI PHÚ BÀI**

#### **10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển trong năm 2020, 2021 và đến thời điểm hiện tại.**

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của công ty chủ yếu ở việc phát triển các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng trong nước và xuất khẩu. Công ty liên tục tìm hiểu và cập nhật sản phẩm mới được ưa chuộng ở thị trường các nước phát triển. Bên cạnh đó công ty liên tục đổi mới máy móc, công nghệ để tăng năng suất, giảm chi phí và cải thiện chất lượng đầu ra của sản phẩm.

Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của SPB: Được xác định là động lực và tiền đề giúp thương hiệu Sợi Phú Bài phát triển và khẳng định giá trị tên tuổi trong ngành dệt may, hoạt động R&D luôn được lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm. Dưới áp lực cạnh tranh về giá, chất lượng, giữa các nhà cung cấp sản phẩm cùng ngành trên thế giới ngày càng nhiều, công ty đã luôn đưa ra những cải tiến kịp thời nhằm tăng suất lao động, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm đầu ra. Nhờ vậy, doanh thu bán hàng của công ty được duy trì ổn định và bền vững qua các năm.

#### **10.11. Chiến lược kinh doanh**

Kiên định với Tầm nhìn và Chiến lược dài hạn đã đặt ra, thương hiệu Sợi Phú Bài ngày càng khẳng định vị thế Thương hiệu Việt uy tín hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sợi tại Việt Nam. Lộ trình chiến lược của Sợi Phú Bài được tóm tắt qua 2 giai đoạn, trong đó :

- Giai đoạn 1 (từ năm 2003- 2021) : năng lực sản xuất 8 vạn cọc sợi, tập trung phát triển tại các thị trường lớn, truyền thống như Hàn Quốc, Nhật Bản... Để thực hiện chiến lược kinh doanh này, Công ty dự kiến sử dụng nguồn vốn từ vốn tự có dự kiến: 140 tỷ đồng; Vốn vay Ngân hàng thương mại: 332 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2022- 2030) : đưa số cọc sợi sản xuất lên 10 đến 15 vạn cọc vào năm 2030 và hướng đến các chuỗi cung ứng dệt may lớn trên thế giới. Mỗi thị trường mới mà Sợi Phú Bài phát triển đến đều có chung một định hướng là đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng bằng tất cả các giải pháp. Để thực hiện chiến lược kinh doanh này, Công ty dự kiến sử dụng nguồn vốn từ vốn tự có dự kiến: 330 tỷ đồng; Vốn vay Ngân hàng thương mại: 770 tỷ đồng.

- Bên cạnh nguồn vốn thì nguồn lực con người là yếu tố cần thiết để thực thi chiến lược nêu trên. Công ty luôn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sẵn có, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý chủ chốt, nâng cao tay nghề cho công nhân, có chính sách lương thưởng phù hợp, chính sách tuyển dụng cán bộ cao cấp.. đủ khả năng thực thi những chiến lược đã đề ra.



**10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan:** Không có

#### **11. Chính sách đối với người lao động**

Tính đến 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty là 757 người, trong đó có 322 nữ và 435 nam. Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

Phân loại lao động	Tại ngày 31/12/2022	
	Số lượng	Tỷ lệ(%)
<b>I. Theo trình Độ Lao động</b>	<b>757</b>	<b>100</b>
1. Trình độ Đại học và trên Đại Học	47	6,21
2. Trình độ cao đẳng	41	5,42
3. Trình độ trung cấp	85	11,23
4. Lao động khác ( PTTH + THCS )	584	77,14
<b>II. Theo tính chất của hợp đồng lao động</b>	<b>757</b>	<b>100</b>
1. Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	0	0,00
2. Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	168	22,19
3. Hợp đồng không xác định thời hạn	589	77,81

*Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài*

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, bảo hộ lao động... được quan tâm thực hiện tốt.

**Chế độ làm việc:** Không quá 8 giờ/ ngày, 48 giờ/ tuần theo chế độ 3 ca hoặc theo giờ hành chính, đảm bảo đủ ngày công kế hoạch trong 1 tháng là 26 công/ tháng sau khi trừ đi các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành. Trong trường hợp tăng ca, làm thêm giờ Công ty sẽ thỏa thuận với người lao động. Việc tăng ca làm thêm giờ thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành. Công ty luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

**Nghỉ phép, lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng công ty thoáng mát, Công ty cấp đồng phục cho CBCNV, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty cam kết xây

dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

Đảm bảo việc làm cho người lao động: Để giải quyết việc làm cho hơn 850 lao động, Ban tổng giám đốc Công ty luôn tìm kiếm những đơn hàng ổn định, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.

Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV đúng chế độ và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng tháng, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh, thưởng đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến công việc trong Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, hàng năm Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho toàn bộ CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần.

Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên: Công đoàn và đoàn thanh niên công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Thường xuyên tổ chức đi tham quan, sinh hoạt, học tập ... nhân các ngày lễ lớn trong năm, khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

Công ty Cổ Phần Sợi Phú Bài cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

Chính sách tạo nguồn nhân lực:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các



tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học...Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

**Đào tạo:** Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này. Công ty kết hợp chặt chẽ giữa vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty tài trợ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập.

## **12. Chính sách cổ tức**

Cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Căn cứ vào kế hoạch chi trả cổ tức đã được Đại hội cổ đông thường niên Công ty thông qua, Công ty tiến hành chi trả cổ tức theo đúng định kỳ, cụ thể:

Năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông là 5% trên vốn điều lệ.

Tỷ lệ cổ tức năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua là: 30% trên vốn điều lệ, trong đó: 20% bằng tiền mặt và 10% sẽ bằng cổ phiếu.

## **13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

### **13.1 Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2019**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thông tin</b>
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	10.000 VND/Cổ phần
4	Số lượng cổ phiếu phát hành	4.500.000 Cổ phiếu
5	Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá	45.000.000.000 VND
6	Giá chào bán	16.000 VND/Cổ phiếu
7	Tổng số lượng vốn huy động	63.887.916.000 đồng VND
8	Ngày bắt đầu chào bán	22/01/2020
9	Ngày hoàn thành đợt chào bán	30/03/2020

- |    |                       |  |
|----|-----------------------|--|
| 10 | Hình thức chào bán    | <p>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Số lượng 499.964 Cổ phiếu;</p> <p>Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Số lượng 3.274.653 Cổ phiếu;</p> <p>Chào bán cho cổ đông khác theo Nghị quyết số 108/NQ-HDQT ngày 18/03/2020: Số lượng 725.383 Cổ phiếu.</p>   |
| 11 | Tỷ lệ thực hiện quyền | <p>Tỷ lệ thực hiện 10:1 (đối với chi trả cổ tức bằng cổ phiếu)</p> <p>Tỷ lệ thực hiện 5:4 (đối với cổ đông hiện hữu)</p>   |
| 12 | Phương án sử dụng vốn | <p>Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 95.000.000.000 VND theo kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 148/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019 và Bản cáo bạch ngày 02/01/2020 đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước phê duyệt là: Bổ sung Vốn lưu động và Vốn đối ứng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.</p> |

### 13.2 Tình hình sử dụng vốn

Ngày 29/04/2020, ngân hàng đã chuyển 64.019.978.176 đồng từ tài khoản phong tỏa sang tài khoản thanh toán của Công ty (Trong đó: tiền thu được từ đợt phát hành là 64.000.576.000 đồng, số còn lại 19.402.176 đồng là lãi tiền gửi phát sinh của tài khoản phong tỏa trừ đi các chi phí ngân hàng).

Như vậy, sau đợt phát hành, tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty tăng thêm 69.000.216.000 đồng. Trong đó: vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 45.000.000.000 đồng (bao gồm: tăng từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu là 4.999.640.000 đồng và tăng từ chào bán thu tiền là 40.000.360.000 đồng) và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm 24.000.216.000 đồng.

Căn cứ vào phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 về mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành là dùng để bổ sung vốn lưu động và vốn đối ứng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi, Công ty đã tiến hành giải ngân. Tình hình thực hiện giải ngân từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 gồm các nội dung cụ thể như sau:



TT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư	Tình hình thực hiện
1	Thanh toán mua nguyên liệu bông, xơ	45.000.216.000	45.000.216.000
2	Chi phí nhà xưởng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi	17.000.000.000	17.000.000.000
3	Một phần chi phí máy móc thiết bị cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>69.000.216.000</b>	<b>69.000.216.000</b>

Đến ngày 31/12/2020, vốn đã sử dụng là 69.000.216.000 đồng, việc sử dụng vốn phù hợp với mục đích huy động vốn đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

#### **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành**

Tại điểm h khoản 2 Điều 27 - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính có yếu tố gây nhầm lẫn, chính vì thế, Điều lệ Công ty tại điểm h khoản 2 Điều 29 là chưa phù hợp với điểm h khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (viết tắt là Luật DN). Hội đồng quản trị Công ty cam kết sẽ thực hiện chỉnh sửa lại Điều lệ Công ty tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất và cam kết trong thời gian từ nay đến lúc sửa đổi Điều lệ sẽ thực hiện theo đúng quy định tại Điều 153 Luật DN :

"Quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty: ..Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14."

#### **15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có.

#### **16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty đã có công văn số 267/SPB ngày 03/08/2022 cam kết với UBCKNN về việc Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Trong năm 2021, mặc dù tình hình phát triển kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ có sự quan tâm động viên, quản lý chặt chẽ của Ban lãnh đạo điều hành Công ty, sự nỗ lực phấn đấu tích cực của toàn thể cán bộ công nhân viên, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện nay đang có những bước phát triển đáng kể: duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng, đẩy mạnh khả năng kinh doanh bán hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đạt các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020	Năm 2022
Tổng giá trị tài sản	583.137.463.267	950.398.612.521	62,98%	935.518.816.945
Doanh thu thuần	718.019.437.586	1.125.179.891.751	56,71%	1.354.412.848.408
Lợi nhuận từ HĐKD	7.806.075.180	106.710.217.976	1267,01%	12.574.280.209
Lợi nhuận khác	1.252.557.984	76.707.490	-93,88%	(574.231.682)
Lợi nhuận trước thuế	9.058.633.164	106.786.925.466	1078,84%	12.000.048.527
Lợi nhuận sau thuế	7.230.676.226	83.544.755.316	1055,42%	10.176.704.388
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65,69%	34,11%	-48,07%	-
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	5%	30%	500%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, 2021 và Báo cáo tài chính quyết toán năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

❖ Các chỉ tiêu khác (theo đặc điểm Ngành Dệt May mà Công ty đang hoạt động) :  
Không có

#### 1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020, 2021

✦ Thuận lợi:



- ✓ Công ty cổ phần Sợi Phú Bài có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dệt may, là một thương hiệu uy tín được đánh giá cao bởi khách hàng. Công ty vẫn luôn chú trọng trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm với phương châm lấy chữ tín làm đầu.
- ✓ Nhà máy được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ với kết cấu nhà xưởng.
- ✓ Bộ máy quản lý của Công ty ổn định, điều hành hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu năm với Công ty.
- ✓ Công tác An toàn vệ sinh môi trường đảm bảo phục vụ sản xuất. Toàn bộ khuôn viên sân vườn của Công ty luôn được chăm sóc và giữ gìn sạch đẹp, tươi mát.

#### ✚ **Khó khăn:**

- ✓ Đại dịch Covid-19 bùng phát và nhanh chóng lan ra toàn cầu gây ra một cuộc khủng hoảng y tế thế giới sâu rộng. Dưới tác động của đại dịch đã làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- ✓ Sự tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã tạo ra những cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp xuất khẩu.
- ✓ Chính sách pháp luật của nhà nước luôn thay đổi, điều chỉnh đã tác động không nhỏ đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- ✓ Công ty cũng như nhiều doanh nghiệp Việt Nam khác đang phải đối mặt với nhiều thách thức từ việc các chi phí tăng cao, như: tiền lương, bảo hiểm xã hội, tiền điện tăng; các phí, phụ phí, vận tải ..., kết hợp với cạnh tranh lao động ngày càng gay gắt là những nguyên nhân ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty.

#### ✚ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:**

- Năm 2022 được đánh dấu bởi lạm phát gia tăng đối với cả nguyên liệu và thành phẩm. Tình trạng thiếu hụt nguồn cung bông do thiên tai thời tiết ở Pakistan, Mỹ và các nơi khác sẽ chỉ thúc đẩy giá bông tiếp tục tăng cao. Tuy nhiên, nhu cầu ngành dệt may vẫn suy giảm nên giá sợi vẫn tiếp tục giảm. Ngoài ra, những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể là những yếu tố bất khả kháng như: đại dịch bùng phát mạnh mẽ trở lại với biến chủng mới, thiên tai, chiến tranh hay suy thoái kinh tế toàn cầu... tuy nhiên, khả năng xảy ra là rất thấp.
- Thị trường Hàn Quốc (là thị trường truyền thống và chủ lực của Công ty) có dấu hiệu mua sợi trở lại nhưng gặp phải cú sốc giảm giá bông nên đã có dấu hiệu chững lại.
- Lượng tồn kho tiếp tục gia tăng trong những tháng tới. Vấn đề khó khăn trước mắt là kho bãi để lưu giữ sợi.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Vốn điều lệ của Công ty tính đến 31/12/2020 là: 95.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ của Công ty tính đến 31/12/2021 là: 95.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ của Công ty tính đến 31/12/2022 là: 95.000.000.000 đồng

Kể từ lúc hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chủ yếu xoay vòng vốn kinh doanh (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay) để mua sắm, đầu tư thiết bị, và tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên tắc hạch toán tài sản cố định: theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá).

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-25
Máy móc thiết bị	5-10
Phương tiện vận chuyển	3-6
Thiết bị văn phòng	3-5

( Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ Công nhân viên Công ty cổ phần Sợi Phú Bài năm 2021 (tiền lương và tiền thưởng): 10,2 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập chung tốt so với một số doanh nghiệp cùng ngành trong cùng địa bàn.



Tình hình công nợ hiện nay:

**Các khoản phải thu**

Đơn vị: VND

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>168.541.519.778</b>	<b>201.647.811.404</b>	<b>168.003.530.341</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	34.669.458.666	78.778.535.172	56.684.363.484
Trả trước cho người bán ngắn hạn	53.470.988.293	870.433.176	7.592.466.656
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	80.401.072.819	121.998.843.056	103.726.700.201

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, 2021 và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

**Các khoản phải trả**

Đơn vị: VND

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>241.179.612.068</b>	<b>382.698.968.199</b>	<b>384.611.218.216</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	88.332.340.048	212.405.567.313	70.826.805.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.491.200.496	872.662.155	875.051.599
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	168.635.668	7.469.030.942	623.483.383
Phải trả người lao động	10.880.254.352	25.271.326.960	21.079.955.317
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.507.321.345	3.646.776.453	2.923.563.170
Phải trả ngắn hạn khác	8.839.543.421	18.030.919.309	3.393.332.889
Vay ngắn hạn	119.186.608.511	106.140.760.889	270.162.567.859
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.773.708.227	8.861.924.178	14.726.458.249
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>185.240.535.242</b>	<b>333.841.357.276</b>	<b>324.849.634.990</b>
Phải trả người bán dài hạn	162.314.525.145	189.941.248.653	-
Vay dài hạn	22.926.010.097	143.900.108.623	324.849.634.990

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, 2021 và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Tổng dư nợ vay:

**Tình hình các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
<b>1. Vay ngắn hạn</b>	<b>119.186.608.511</b>	<b>106.140.760.889</b>	<b>270.162.567.859</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>116.526.131.291</i>	<i>106.140.760.889</i>	<i>270.162.567.859</i>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	49.316.212.536	26.443.970.856	145.250.729.631
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3.852.711.023	15.273.379.176	9.067.225.406

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	35.274.781.827	55.283.955.425	50.655.223.143
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển BIDV	28.082.425.905	9.139.455.432	65.189.389.679
+ Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	0	0	0
<b>Vay dài hạn đến thời hạn trả</b>	<b>2.660.477.220</b>	<b>-</b>	<b>9.950.748.125</b>
<b>2. Vay dài hạn</b>	<b>25.586.487.317</b>	<b>143.900.108.623</b>	<b>324.849.634.990</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	24.830.120.854	143.900.108.623	324.849.634.990
+ Ngân hàng TMCP Công thương	756.366.463	-	-
Trong đó: Vay DH đến hạn trả trong vòng 01 năm (được thể hiện ở mục 1)	-	-	9.950.748.125

( Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020,2021 và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện tốt. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2020 và năm 2021, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn hoàn thành các khoản nộp đúng qui định và không nợ bất kỳ các nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước. Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cụ thể như sau:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	150.321.108	112.426.595	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	7.144.322.489	-
Thuế thu nhập cá nhân	18.314.560	212.281.858	623.483.383
<b>Cộng</b>	<b>168.635.668</b>	<b>7.469.030.942</b>	<b>623.483.383</b>

( Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020,2021 và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Trích lập các Quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ thể hiện tại báo cáo tài chính các giai đoạn như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Các quỹ	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1.	Quỹ đầu tư phát triển	30.197.063.731	31.023.955.731	68.451.731.553
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.773.708.227	8.861.924.178	14.726.458.249



3.	Các quỹ khác thuộc VCSH	360.000	360.000	9.500.360.000
	<b>Cộng</b>	<b>38.971.131.958</b>	<b>39.886.239.909</b>	<b>92.678.549.802</b>

( Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020,2021 và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

## 2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ / Nợ ngắn hạn	lần	1,42	1,32	1,30
+ Hệ số thanh toán nhanh: ( TSLĐ - Hàng TK ) / Nợ ngắn hạn	lần	0,79	0,57	0,46
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	lần	0,73	0,75	0,77
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	2,72	3,06	3,33
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	vòng	1,71	1,47	1,44
+ Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	vòng	2,57	2,65	2,66
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn HB / Hàng TK bình quân	vòng	5,13	4,36	4,09
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): LNST/ Doanh thu thuần	%	1,01%	7,43%	0,75%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): LNST/ Vốn chủ sở hữu BQ	%	5,84%	42,78%	4,52%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): LNST/ Tổng tài sản BQ	%	1,72%	10,90%	1,1%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng	655	8.620	1.071

( Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty đã kiểm toán năm 2020,2021 và BCTC quyết toán năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có. Ban lãnh đạo Công ty luôn tập trung kiểm soát chặt chẽ, cân đối dòng tiền đảm bảo tình hình tài chính luôn ổn định, hiệu quả.

### 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

\*Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 21-04-00031-22-1 ngày 14/03/2022 của Công ty TNHH KPMG.

*“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

\*Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 20-02-00398-21-1 ngày 23/03/2021 của Công ty TNHH KPMG.

*“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

### 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng		
	Năm 2021	Năm 2022	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	1.125.179.891.751	1.400.000.000.000	24,42%
Lợi nhuận sau thuế	83.544.755.316	30.000.000.000	-64,09%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,43%	2,14%	-71,20%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	42,78%	20,48%	-52,12%
Tỷ lệ cổ tức	30%	30%	

(Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài)

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:

Kế hoạch SXKD năm 2022 của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 trên cơ sở tờ trình của HĐQT.



Đối với kế hoạch năm 2023 : Sau khi có báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán và ý kiến chỉ đạo của tập đoàn, Hội đồng quản trị công ty sẽ xây dựng kế hoạch và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Giai đoạn 03 năm 2019-2021 là giai đoạn mang tính bước ngoặt của Công ty khi tiến hành một loạt các thay đổi quan trọng trong mô hình quản trị, đầu tư dự án.....Đối với kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn này, Sợi Phú Bài sẽ tập trung khai thác tối đa công suất của nhà máy hiện tại và đưa vào hoạt động nhà máy sợi mới theo đúng tiến độ.

Năm 2022, việc đưa nhà máy Sợi 30.240 cọc sợi đi vào hoạt động dẫn đến công suất được nâng lên từ 50.000 cọc sợi thành 80.000 cọc sợi, sản lượng tăng tương ứng từ 1.000 tấn sợi/tháng thành 1.450 tấn sợi /tháng.

Như vậy, dự kiến trong năm 2022 Sợi Phú Bài tiêu thụ được khoảng 17.180 tấn sợi các loại với doanh số khoảng 1.400 tỷ đồng.

STT	Nội dung	ĐVT	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2022
1	Sản lượng bán	Tấn	4.630	3.920	3.960	4.670	17.180
2	Doanh thu	Tỷ đồng	398	346	325	331	1.400
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	48	18	-12	-14	40

Trước tình hình kinh tế thế giới nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng đang còn nhiều bất ổn, Ban giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 tương đối thận trọng so với năm 2021. Chỉ tiêu doanh thu thuần năm 2022 tăng 24,42% so với năm 2021, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm 52,12% so với năm 2021, vì các nguyên nhân chính sau: Dịch bệnh Covid 19 vẫn là nguyên nhân khó lường, vẫn là yếu tố tiếp tục tác động tới thị trường, nhu cầu, giá bán; Cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, chính sách zero covid của Trung Quốc làm cho thị trường tiêu thụ sợi khó khăn hơn; Tồn kho sợi ngày càng nhiều; Giá nguyên liệu, các chi phí đầu vào tăng cao, trong khi đó giá bán sợi sụt giảm quá nhanh và quá mạnh, thị trường cạnh tranh diễn ra khốc liệt gây áp lực bán hàng lớn từ các nhà máy sợi và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị và ban giám đốc Công ty sẽ:

- Về sản xuất:

- + Giữ vững chất lượng sản phẩm và quản trị chi phí sản xuất chặt chẽ nhằm tăng lợi nhuận.
- + Nhà máy sản xuất sẵn sàng linh hoạt cơ cấu và chuyển đổi mặt hàng theo tình hình thị trường

+ Có kế hoạch dự phòng về nguyên liệu, vật tư phụ tùng thiết bị đảm bảo phục vụ sản xuất.

- Về thị trường tiêu thụ:

+ Linh hoạt và có phương án thay thế giữa các đơn hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra.

+ Linh hoạt giữa đơn hàng xuất khẩu và đơn hàng xuất khẩu tại chỗ nhằm đối phó với tình trạng thiếu hụt container có thể tiếp diễn phức tạp hơn trong thời gian tới.

+ Duy trì năng lực sản xuất và đẩy nhanh tiến độ giao hàng. Việc duy trì đơn hàng và giữ chân khách hàng luôn được đặt lên ưu tiên hàng đầu.

+ Khai thác tối đa mặt hàng sợi sản xuất từ bông BCI & xo tái chế đang là xu thế của thế giới nhằm hướng đến yếu tố thân thiện với môi trường, đề cao sức khỏe con người và phát triển bền vững, mặt khác tìm kiếm và hướng đến sản xuất các mặt hàng khác biệt để giảm thiểu áp lực cạnh tranh.

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm và phát triển thêm các khách hàng ở thị trường khác, tránh việc quá phụ thuộc vào 01 thị trường nhất định nhằm ngăn chặn kịp thời những rủi ro có thể xảy đến.

- Về con người:

+ Chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, bố trí đúng người đúng việc.

+ Duy trì hợp lý số lượng tồn kho về nguyên phụ liệu, thành phẩm, vật tư – phụ tùng thay thế và dự phòng.

- Về công tác đầu tư: Đầu tư bổ sung thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình thực tế đối với kế hoạch kinh doanh năm 2022 : Sau khi có báo cáo tài chính quyết toán năm, doanh thu năm 2022 đã đạt được 96,74% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 40% so với kế hoạch mà Hội đồng quản trị đã xây dựng được ĐHCĐ thông qua. Sau khi nhà máy sợi mới được hoạt động, sản lượng Công ty đã tăng từ 1.000 tấn lên 1.500 tấn. Doanh thu gần đạt kế hoạch xây dựng nhưng lợi nhuận giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do giá nguyên vật liệu trong năm 2022 tăng quá cao so với năm 2021, giá nguyên liệu bình quân tăng 1 USD/1 ký bông (Từ 2,0 USD/kg bông năm 2021 tăng lên hơn 3,1 USD/kg bông trong năm 2022). Trong khi đó, nhu cầu thị trường sợi giảm mạnh, cạnh tranh cao cho nên doanh nghiệp không thể tăng giá bán. Chính vì thế, kéo theo lợi nhuận giảm trong năm 2022. Đây là tình hình chung của các doanh nghiệp trong ngành Sợi trong năm 2022.

Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài.

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Sợi Phú Bài xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2022 rất thận trọng. Các nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là khá



sát với thực tế, nhưng chưa lường hết được sự biến động của giá nguyên vật liệu trong năm 2022. Trước tình hình khó khăn chung của ngành sợi, chi phí nguyên vật liệu tăng cao, dẫn đến giá vốn hàng bán tăng cao trong khi đó giá bán hàng hóa lại không tăng được do cầu thị trường giảm mạnh, kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng, cụ thể: doanh thu năm 2022 đã đạt được 96,74% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 40% so với kế hoạch. Tuy nhiên, trong năm 2022, Ban lãnh đạo Công ty có sự quyết tâm cao trong công tác kinh doanh, quán triệt các khoản chi phí bất hợp lý, đặc biệt chi phí quản lý doanh nghiệp. Do đó, với thể mạnh về kinh nghiệm sản xuất, quản lý nhân công, chi phí, bên cạnh thị phần tốt, khách hàng gắn bó lâu dài.... doanh nghiệp sẽ khắc phục được những khó khăn đã nêu ở trên trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Quý IV/2021, Công ty đã đưa vào hoạt động thêm 01 nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi, nâng công suất sản lượng hàng hóa có thể đạt 1.500 tấn/ năm nên doanh nghiệp còn có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. Những nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

## **VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

### **1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ số cổ phần của cổ đông sáng lập nắm giữ (nếu có) không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **2. Thông tin về cổ đông lớn**

#### **\* Cổ đông lớn Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

1. Tên Cổ đông: **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

2. ĐKKD số: 0100100008 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 27/10/2010, thay đổi lần thứ 08 ngày 06/10/2021.

3. Địa chỉ: 25 Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

4. Vốn điều lệ: 5.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng)

5. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Hữu Hiếu Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

6. Người đại diện theo ủy quyền (UQ) tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

Ông Cao Hữu Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Số lượng CP được UQ : 2.375.000 cp

Bà Trần Thị Kim Chi Chức vụ : Thành viên HĐQT Số lượng CP được UQ: 1.790.313 cp

Ông Trần Đình Hiệp Chức vụ: Thành viên HĐQT Số lượng CP được UQ : 950.000 cp

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn : 19.998 cổ phần, chiếm tỷ lệ 33,33% vốn điều lệ;

+ Tại thời điểm hiện tại : 5.115.313 cổ phần, chiếm tỷ lệ 53,85% Vốn điều lệ;

+ Dự kiến sau đợt chào bán : 8.076.810 cổ phần, chiếm tỷ lệ 53,85% Vốn điều lệ.

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của người có liên quan cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

Họ và tên người có liên quan với cổ đông lớn	Chức vụ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ hiện tại		Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ dự kiến sau chào bán	
		Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
Cao Hữu Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0	2.375.000	25	3.750.000	25
Trần Thị Kim Chi	TV HĐQT - TGD	0	0	2.003.114	21,09	3.162.812	21,09
Sở hữu cá nhân		0	0	212.801	2,24	336.002	2,24
Sở hữu đại diện		0	0	1.790.313	18,85	2.826.810	18,85
Trần Đình Hiệp	TV HĐQT – Phó TGD	0	0	1.120.000	11,79	1.768.421	11,79
Sở hữu cá nhân		0	0	170.000	1,79	268.421	1,79
Sở hữu đại diện		0	0	950.000	10	1.500.000	10

9. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa SPB với Tập đoàn Dệt may Việt Nam, người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn Dệt may Việt Nam sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của SPB và những người có liên quan:

+ Đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam: Các hợp đồng hàng năm giữa SPB và Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Hợp đồng dịch vụ về việc quảng cáo trên Tạp chí Dệt May & Thời trang Việt Nam được trình bày tại Thuyết minh số 34 BCTC kiểm toán hàng năm của SPB.

Năm	Năm 2020	Năm 2021
Loại giao dịch	Mua dịch vụ	Mua dịch vụ
Giá trị giao dịch (VND)	51.809.524	130.000.000
Các điều khoản quan trọng khác	Không có	Không có
Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Người đại diện theo PL của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Người đại diện theo PL của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

+ Những người có liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam: Không có



10. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài (nếu có):

- + Cổ tức nhận được trong năm 2020 : 2.153.816.000 đồng
- + Cổ tức nhận được trong năm 2021 : 2.557.656.500 đồng
- + Cổ tức nhận được trong năm 2022 : 10.230.626.000 đồng

11. Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành mà cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

11.1. Tên của doanh nghiệp: **Công ty CP Dệt May Huế (HDM)**

Hoạt động chính của doanh nghiệp: SXKD sợi, vải, hàng may mặc.

Phân khúc khách hàng mục tiêu: hàng may mặc: Mỹ, Nhật Bản, EU, Đài Loan, Hàn Quốc; sản phẩm sợi: Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha, Nam Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia.

Địa bàn hoạt động: tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sản phẩm, dịch vụ: sợi, hàng may mặc.

Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp:

Cổ đông lớn SPB và Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại HDM	Tỷ lệ sở hữu CP/phần vốn góp (%)	Chức vụ đang nắm giữ tại HDM
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	Công ty mẹ	9.265.244	60,86	-
<b>Ông Nguyễn Đức Trị</b>	Phó TGD của Công ty mẹ	<b>3.036.250</b>	<b>19,94</b>	Chủ tịch HĐQT
<i>Sở hữu cá nhân</i>		36.250	0,24	
<i>Sở hữu đại diện</i>		3.000.000	19,7	

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Tập đoàn Dệt May Việt Nam công khai các lợi ích liên quan đối với HDM; thông báo cho SPB tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của SPB mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

11.2. Tên của doanh nghiệp: **Tổng công ty CP Dệt May Hòa Thọ (HTG)**

Hoạt động chính của doanh nghiệp: SXKD sợi, hàng may mặc.

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Hàng may mặc: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada. Sản phẩm sợi: Bồ Đào Nha, Đức, Tây Ban Nha Ai Cập, EU, Hàn Quốc...

Địa bàn hoạt động: Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi.

Sản phẩm, dịch vụ: Sợi, hàng may mặc.

Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp:

Cổ đông lớn SPB và Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại HTG	Tỷ lệ sở hữu CP/phần vốn góp (%)	Chức vụ đang nắm giữ tại HTG
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	Công ty mẹ	18.561.838	61,87	-
<b>Ông Phạm Văn Tân</b>	Phó TGD của Công ty mẹ	<b>114.930</b>	<b>0,38</b>	Không có
<i>Sở hữu cá nhân</i>		114.930	0,38	
<i>Sở hữu đại diện</i>		0	0	
<b>Ông Nguyễn Đức Trị</b>	Phó TGD của Công ty mẹ	<b>9.936.910</b>	<b>33,12</b>	Chủ tịch HĐQT
<i>Sở hữu cá nhân</i>		935.988	3,12	
<i>Sở hữu đại diện</i>		9.000.922	30	
<b>Ông Nguyễn Ngọc Cách</b>	KTT của Công ty mẹ	<b>11.050</b>	<b>0,04</b>	Không có
<i>Sở hữu cá nhân</i>		11.050	0,04	
<i>Sở hữu đại diện</i>		0	0	

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Tập đoàn Dệt May Việt Nam công khai các lợi ích liên quan đối với HTG; thông báo cho SPB tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của SPB mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

### 11.3. Tên doanh nghiệp: **Tổng công ty CP Dệt May Nam Định (NDT)**

Hoạt động chính của doanh nghiệp: SXKD sợi, vải, khăn, hàng may mặc.

Phân khúc khách hàng mục tiêu: sản phẩm sợi: Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Bangladesh; Sản phẩm khăn: Nhật Bản; Hàng may mặc: Mỹ, EU, Hàn Quốc, Canada.

Địa bàn hoạt động: tỉnh Nam Định.

Sản phẩm, dịch vụ: sợi, vải, khăn, hàng may mặc.

Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp:

Cổ đông lớn SPB và Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại NDT	Tỷ lệ sở hữu CP/phần vốn góp (%)	Chức vụ đang nắm giữ tại NDT
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	Công ty mẹ	8.394.655	53,67	-
<b>Ông Phạm Văn Tân</b>	Phó TGD của Công ty mẹ	<b>1.678.931</b>	<b>20,00</b>	Chủ tịch HĐQT
<i>Sở hữu cá nhân</i>		0	0	
<i>Sở hữu đại diện</i>		1.678.931	20,00	
<b>Ông Phạm Xuân Trình</b>	GĐĐH của Công ty mẹ	<b>0</b>	<b>0</b>	Thành viên HĐQT
<i>Sở hữu cá nhân</i>		0	0	



Sở hữu đại diện		0	0	
-----------------	--	---	---	--

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Tập đoàn Dệt May Việt Nam công khai các lợi ích liên quan đối với NDT; thông báo cho SPB tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của SPB mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

#### 11.4. Tên doanh nghiệp: **Tổng công ty CP Phong Phú (PPH)**

Hoạt động chính của doanh nghiệp: SXKD sợi chỉ may, hàng gia dụng, khăn bông.

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc.

Địa bàn hoạt động: Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh; 04 chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Lâm Đồng.

Sản phẩm, dịch vụ: Sợi chỉ may, hàng gia dụng, khăn bông, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp:

Cổ đông lớn SPB và Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PPH	Tỷ lệ sở hữu CP/phần vốn góp (%)	Chức vụ đang nắm giữ tại PPH
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	Công ty mẹ	37.408.796	50,10	-
<b>Ông Lê Tiến Trường</b>	Chủ tịch HĐQT của Công ty mẹ	<b>45.610</b>	<b>0,006</b>	Không có
Sở hữu cá nhân		45.610	0,006	
Sở hữu đại diện		0	0	
<b>Ông Trần Quang Nghị</b>	Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty mẹ	<b>18.867.723</b>	<b>25,27</b>	Chủ tịch HĐQT
Sở hữu cá nhân		200.000	0,27	
Sở hữu đại diện		18.667.723	25	
<b>Ông Phạm Xuân Trình</b>	GĐĐH của Công ty mẹ	<b>482.900</b>	<b>0.647</b>	Thành viên HĐQT
Sở hữu cá nhân		482.900	0.647	
Sở hữu đại diện		0	0	

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Tập đoàn Dệt May Việt Nam công khai các lợi ích liên quan đối với PPH; thông báo cho SPB tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của SPB mà Tập đoàn có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

#### 11.5. Tên doanh nghiệp: **Tổng công ty Việt Thắng - CTCP (TVT)**

Hoạt động chính của doanh nghiệp: SXKD bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc.

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc.

Địa bàn hoạt động: Thành phố Hồ Chí Minh

Sản phẩm, dịch vụ: Sợi, vải mộc, vải thành phẩm, sản phẩm may mặc.

Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp:

Cổ đông lớn SPB và Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại TVT	Tỷ lệ sở hữu CP/phần vốn góp (%)	Chức vụ đang nắm giữ tại TVT
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	Công ty mẹ	9.855.000	46,93	-
<b>Ông Lê Tiến Trường</b>	Chủ tịch HĐQT của	<b>6.300.000</b>	<b>30</b>	Chủ tịch HĐQT
<i>Sở hữu cá nhân</i>	Công ty mẹ	0	0	
<i>Sở hữu đại diện</i>		6.300.000	30	
<b>Ông Nguyễn Ngọc Cách</b>	KTT của Công ty mẹ	<b>4.050</b>	<b>0,019</b>	Không có
<i>Sở hữu cá nhân</i>		4.050	0,019	
<i>Sở hữu đại diện</i>		0	0	

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Tập đoàn Dệt May Việt Nam công khai các lợi ích liên quan đối với TVT; thông báo cho SPB tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của SPB mà Tập đoàn có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

**\* Cổ đông lớn Công ty cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Nghệ An**

1. Tên Cổ đông: Công ty cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Nghệ An

2. ĐKKD số: 2901628481 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 03/06/2013, thay đổi lần thứ 2 ngày 29/05/2015.

3. Địa chỉ: Khu kinh tế Đông Nam, xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

4. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn)

5. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Hùng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

6. Người đại diện theo ủy quyền tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Ông Trương Văn Hiền Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An. Số lượng cổ phần được ủy quyền đại diện : 1.905.000 cổ phần.

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn : 1.680.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,69% vốn điều lệ;

+ Tại thời điểm hiện tại : 1.905.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,05% Vốn điều lệ;

+ Dự kiến sau đợt chào bán : 3.007.895 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,05% Vốn điều lệ.



8. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của người có liên quan cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

Họ và tên người có liên quan với cổ đông lớn	Quan hệ với cổ đông lớn	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ hiện tại		Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ dự kiến sau chào bán	
		Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
Trương Văn Hiền	Ủy viên HĐQT	1.680.500	17,69	1.905.000	20,05	3.007.895	20,05

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài (nếu có): Không có

10. Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành mà cổ đông lớn có lợi ích liên quan: Không có

### 3 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng

#### 3.1 Hội đồng Quản trị

- i. Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Cao Hữu Hiếu
- ii. Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc: Bà Trần Thị Kim Chi
- iii. Ủy viên Hội đồng quản trị: Ông Trần Đình Hiệp
- iv. Ủy viên Hội đồng quản trị: Ông Trương Văn Hiền
- v. Ủy viên Hội đồng quản trị: Bà Lê Thị Quê Hương

#### 3.2 Ban Kiểm soát

- i. Trưởng Ban kiểm soát: Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi
- ii. Thành viên Ban kiểm soát: Bà Phạm Thị Vân Hà
- iii. Thành viên Ban kiểm soát: Ông Võ Hoàng Phụng

#### 3.3 Ban Tổng Giám đốc

- i. Tổng Giám đốc: Bà Trần Thị Kim Chi
- ii. Phó Tổng Giám đốc: Ông Lê Hồng Quân

- iv. Phó Tổng Giám đốc: Ông Trần Đình Hiệp
- v. Phó Tổng Giám đốc: Bà Lê Thị Quê Hương

### 3.4 Kế toán trưởng

- i. Kế toán trưởng Bà Hoàng Thái Trúc

### 3.5 Lý lịch cá nhân các thành viên Ban lãnh đạo

#### 3.5.1 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

##### I. Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: Cao Hữu Hiếu
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh: 08/04/1975
4. Nơi sinh: Phú Thọ
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P10, Dãy 69, Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 025075000138 , Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Ngày cấp: 25/04/2021
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913596982
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sỹ Công nghệ Vật liệu Dệt
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Tập Đoàn Dệt May Việt Nam.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1999-03/2001	Viện nghiên Cứu Dệt May	Chuyên viên
04/2001-12/2005	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Chuyên viên Ban KTĐT
12/2005-12/2007	Trung tâm XLNT-KCN Dệt May Phố Nối	Phó Giám đốc
01/2008-08/2010	Trung tâm XLNT-KCN Dệt May Phố Nối	Giám đốc
09/2010-02/2011	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Chuyên viên Ban KTĐT
03/2011-04/2012	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Phó Ban KTĐT
05/2012-11/2012	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Phó Ban Đầu tư



12/2012-12/2017	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Trưởng Ban Đầu tư
01/2018-12/2019	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Giám đốc Điều hành
01/2020-10/2021	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
10/2021 đến nay	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Tổng Giám đốc
04/2020 đến nay	Công ty CP Sợi Phú Bài	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện: 2.375.000 cổ phần, chiếm 25% Vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: Không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (*loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận*): Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 116.666.667 đồng

- Năm 2021 : 200.000.000 đồng

- 04 tháng 2022 : 111.111.111 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có.

## **II. Bà Trần Thị Kim Chi – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**

1. Họ và tên: Trần Thị Kim Chi
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh: 03/09/1967
4. Nơi sinh: Xã Quảng Lộc, Huyện Quảng Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 1 Lê Hồng Sơn, Phường Xuân Phú, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
7. CMND/ Căn cước: 046167006084 , Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội , Ngày cấp: 31/12/2021
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0914351822
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế, Chuyên ngành: Kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
05/1988 – 03/1993	Nhà máy Sợi Huế	Nhân viên phòng Kế toán
04/1993 – 12/1998	Công ty Dệt Huế	Nhân viên phòng Kế toán
01/1999 – 02/2003	Công ty Dệt May Huế	Nhân viên Kế toán phòng Tài vụ
03/2003 – 09/2004	Công ty CP Sợi Phú Bài	Nhân viên Kế toán phòng Tài vụ
10/2004 – 01/2008	Công ty CP Sợi Phú Bài	Chuyên viên phòng Kế toán - Tài chính
02/2008 – 12/2011	Công ty CP Sợi Phú Bài	Phó phòng Kế toán - Tài chính
01/2012 – 11/2012	Công ty CP Sợi Phú Bài	Trưởng phòng Kế toán - Tài chính
12/2012 – 20/01/2016	Công ty CP Sợi Phú Bài	Phó Tổng Giám đốc
21/01/2016 – 08/06/2016	Công ty CP Sợi Phú Bài	Tổng Giám đốc
09/06/2016 đến nay	Công ty CP Sợi Phú Bài	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có



14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: . 212.801 cổ phần, chiếm 2,24% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 1.790.313 cổ phần, chiếm 18,845% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: 2.223 cổ phần, chiếm 0,023% Vốn điều lệ.

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Chức vụ tại SPB
01	Trần Văn Tấn	Chồng	2.223	0,023%	Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 811.662.615 đồng
- Năm 2021 : 1.058.324.355 đồng
- 04 tháng 2022 : 199.720.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

### **III. Ông Trần Đình Hiệp – Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng giám đốc**

1. Họ và tên: Trần Đình Hiệp

2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh: 06/04/1984
4. Nơi sinh: Bắc Giang
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn 7, Số 285 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
7. CMND/CCCD số: 024084000863 , Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội , Ngày cấp: 06/09/2020.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0966366866
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sỹ, Chuyên ngành: Xây dựng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2009 – 03/2010	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án (Nay là Ban Kế hoạch Đầu tư)
03/2010 – 11/2010	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng phòng – Trưởng phòng Quản lý dự án – BĐH Dự án Nhà máy Xơ Sợi Polyester Đình Vũ.
11/2010 – 05/2014	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn thiết kế và Ứng dụng kỹ thuật PVC
05/2014 – 02/2015	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc Ban điều hành Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester/Gói thầu CVL6 Dự án LHD Nghi Sơn
03/2015 – 01/2016	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Phó Ban Phụ trách Dự án Quế Sơn
01/2016 – 02/2018	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư
03/2018 – 04/2022	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Phó Tổng Giám đốc
22/04/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc



13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 170.000 cổ phần, chiếm 1,79% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 950.000 cổ phần, chiếm 10% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 513.751.786 đồng
- Năm 2021 : 504.233.068 đồng
- 04 tháng 2022 : 118.252.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

#### **IV. Ông Trương Văn Hiến - Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: Trương Văn Hiến

2. Giới tính : Nam

3. Ngày sinh: 20/12/1955
4. Nơi sinh: Nghệ An
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 11A5, đường Đặng Thái Thân, P. Cửa Nam, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An.
7. CMND/CCCD số: 180056302, Nơi cấp: Nghệ An, Ngày cấp: 27/09/2007
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913272258
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Thành viên Hội đồng Quản trị
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty CP Vật tư Nông Nghiệp Nghệ An.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản Đắk Lắk.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương thực Vật Tư Nông nghiệp Đắk Lắk.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông công nghiệp 3/2.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1973-12/1977	Trạm phân đạm Cấp II Đà Nẵng	Cán bộ kinh doanh
01/1978-6/1984	Công ty vật tư Nông nghiệp Nghệ Tĩnh	Cán bộ kinh doanh
07/1984-11/1987	Công ty vật tư Nông nghiệp Nghệ Tĩnh	Phó phòng Tài vụ
12/1987-12/1989	Công ty vật tư Nông nghiệp Nghệ Tĩnh	Phó giám đốc
01/1990-04/2005	Công ty vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Bí thư Đảng ủy kiêm Giám đốc
05/2005-03/2013	Tổng Công ty CP vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Bí thư Đảng ủy, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
04/2013-05/2015	Tổng Công ty CP vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Bí thư Đảng ủy, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
	Công ty CP Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
06/2015-09/2018	Tổng Công ty CP vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
	Công ty CP Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Khoáng sản Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
10/2018-04/2022	Tổng Công ty CP vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc



05/2022 đến nay	Công ty CP Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Khoáng sản Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Nông Công nghiệp 3/2	Chủ tịch HĐQT
	Tổng Công ty CP vật tư Nông nghiệp Nghệ An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
	Công ty CP Lương thực vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Khoáng sản Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Nông Công nghiệp 3/2	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Sợi Phú Bài	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 1.905.000 cổ phần, chiếm 20,05% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 0 đồng

- Năm 2021 : 0 đồng

- 04 tháng 2022 : 0 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

**V. Bà Lê Thị Quê Hương- Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng giám đốc**

1. Họ và tên: Lê Thị Quê Hương

2. Giới tính : Nữ

3. Ngày sinh: 10/10/1978

4. Nơi sinh: Xã Phú Đa, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. CMND/CCCD số: 046178002835, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội, Ngày cấp: 31/12/2021.

8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0988660055

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành: Kinh doanh ngoại thương.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2001 – 02/2003	Công ty Dệt May Huế	Nhân viên Ban Dự án Phú Bài
03/2003 – 10/2009	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Nhân viên Phòng Kế hoạch–Kinh doanh–Xuất nhập khẩu
11/2009 – 06/2014	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch–Kinh doanh–Xuất nhập khẩu
07/2014 – 02/2018	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Trưởng Phòng Kế hoạch–Kinh doanh–Xuất nhập khẩu



03/2018 – 04/2022	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Phó Tổng Giám đốc
22/04/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 2.087 cổ phần, chiếm 0,022% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: 1.287 cổ phần, chiếm 0,014% Vốn điều lệ.

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Chức vụ tại SPB
01	Nguyễn Xuân Ánh	Chồng	1.287	0,014%	Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 469.325.994 đồng
- Năm 2021 : 513.073.920 đồng
- 04 tháng 2022 : 123.874.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

### 3.5.2 Lý lịch thành viên Ban kiểm soát:

#### I. Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi – Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Mai Chi
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh: 15/12/1992
4. Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 390 Đinh Tiên Hoàng, P.Thuận Lộc, TP.Huế, Tỉnh TT Huế.
7. Số hộ chiếu: C3478139, Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất Nhập Cảnh, Ngày cấp: 04/07/2017.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0904006797
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Trưởng Ban kiểm soát.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/12/2014 – 31/05/2015	Công ty CP Sợi Phú Bài	Học việc
01/06/2015 – 22/04/2018	Công ty CP Sợi Phú Bài	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán
23/04/2018 – nay	Công ty CP Sợi Phú Bài	Trưởng Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: Không có
16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:



+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 98.239.000 đồng
- Năm 2021 : 97.036.000 đồng
- 04 tháng 2022 : 43.801.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

## **II. Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Phạm Thị Vân Hà
2. Giới tính : nữ
3. Ngày sinh: 16/09/1982
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 34A Ngõ Kim Ngưu, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
7. CMND/CCCD: 001182035787, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QL hành chính về trật tự xã hội, Ngày cấp: 24/03/2021.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0976881816
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Thành viên Ban kiểm soát.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên BKS Công ty Cp Dệt May Huế
- Thành viên BKS Công ty Cp Vinatex Phú Hưng
- Thành viên BKS Công ty Cp Dệt Vĩnh Phú

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2011	Công ty CP Hợp tác lao động và thương mại	Chuyên viên
2011-2020	Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
Tháng 11/2017 - nay	Công ty cổ phần Dệt Vĩnh Phú	Thành viên Ban kiểm soát
Tháng 4/2018 - nay	Công ty cổ phần Dệt May Huế	Thành viên Ban kiểm soát
2020 – nay	Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	Chuyên viên Ban Tổng hợp pháp chế - Thư ký cơ quan điều hành
Tháng 04/2022 - nay	Công ty cổ phần Vinatex Phú Hưng Công ty cổ phần Sợi Phú Bài	Thành viên Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những



người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)... ) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 0 đồng

- Năm 2021 : 0 đồng

- 04 tháng 2022 : 0 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

### **III. Ông Võ Hoàng Phụng – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Võ Hoàng Phụng

2. Giới tính : Nam

3. Ngày sinh: 03/04/1992

4. Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 23 Nguyễn Bính, P. Xuân Phú, Tp. Huế.

7. CMND/CCCD: 046092017248 , Nơi cấp: Cục Cảnh sát QL hành chính về trật tự xã hội , Ngày cấp: 02/10/2021.

8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0983608755

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sỹ kế toán.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng tài chính Kế toán Công ty CP Dệt May Huế.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

09/2017-12/2018	Công ty TNHH KPMG	Trợ lý Kiểm toán viên
12/2018-02/2022	Công ty CP Dệt May Huế	Trưởng ban kiểm soát nội bộ
03/2022 đến nay	Công ty CP Dệt May Huế	Phó phòng TCKT
04/2019 đến nay	Công ty Cp Sợi Phú Bài	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (*loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận*): Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 20.000.000 đồng
- Năm 2021 : 66.000.000 đồng
- 04 tháng 2022 : 10.000.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác



hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

### 3.5.3 Lý lịch Ban giám đốc

- ✦ Bà Trần Thị Kim Chi– Tổng giám đốc.
- ✦ Ông Trần Đình Hiệp – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Bà Lê Thị Quê Hương– Phó Tổng Giám đốc.

( Lý lịch chi tiết của từng thành viên xem tại mục lý lịch của thành viên Hội đồng Quản trị)

#### ✦ Ông Lê Hồng Quân - Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Lê Hồng Quân

2. Giới tính : Nam

3. Ngày sinh: 02/07/1974

4. Nơi sinh: Xã Nghĩa Ninh, Thị xã Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Vinh Vệ, Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. CMND/CCCD: 044074012972 , Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội , Ngày cấp: 05/12/2021

8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0945550933

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư, Chuyên ngành: Điện tử Viễn thông

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: phó Tổng giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1996 – 02/2003	Công ty Dệt May Huế	Công nhân kỹ thuật Điện Công nghiệp
03/2003 – 03/2010	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Nhân viên Phòng Điện
04/2010 – 08/2010	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Trưởng Trưởng Kỹ thuật – Điều hành Sản xuất
09/2010 – 11/2012	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Giám đốc Nhà máy Sợi 1
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 2.223 cổ phần, chiếm 0,023% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 548.912.159 đồng
- Năm 2021 : 593.728.310 đồng
- 04 tháng 2022 : 142.633.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

✚ **Bà Hoàng Thái Trúc – Kế toán Trưởng**

1. Họ và tên: Hoàng Thái Trúc
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh: 27/06/1984



4. Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 93 Ngự Bình, P. An Cựu, Tp. Huế.

7. CMND/CCCD: 191490502, Nơi cấp: CA Tỉnh Thừa Thiên Huế, Ngày cấp: 16/03/2016

8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0914159213

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế, Chuyên ngành: Kế toán

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: Kế toán trưởng

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Sợi Phú Bài 2

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2009 – T03/2012	Công ty CP Sợi Phú Bài	Nhân viên P. Kế toán – Tài chính
T4/2012 – T12/2014	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	Phụ trách Kế toán
T01/2015 – T12/2015	Công ty CP Sợi Phú Bài	Phó phòng Kế toán
T01/2016 – T12/2021	Công ty CP Sợi Phú Bài	Trưởng phòng Kế toán
T01/2022 đến nay	Công ty CP Sợi Phú Bài	Kế toán trưởng
T04/2018 đến nay	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

14. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

- Sở hữu cá nhân: 39.582 cổ phần, chiếm 0,42% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: 92.182 cổ phần, chiếm 0,97% Vốn điều lệ.

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ khác của SPB:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Chức vụ tại SPB
01	Hoàng Đăng Phước	Chồng	110	0,0012%	Không
02	Phạm Thị Bình	Mẹ	110	0,0012%	Không
03	Hoàng Thái Phương	Em trai	52.549	0,5531%	Không
04	Hoàng Thị Thu Trang	Em gái	39.413	0,4149%	Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài: không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Sợi Phú Bài:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2020 : 297.411.541 đồng
- Năm 2021 : 351.915.293 đồng
- 04 tháng 2022 : 99.114.000 đồng

18. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

19. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

## **VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN**

### **1. Loại cổ phiếu:**

Cổ phiếu phổ thông

### **2. Mệnh giá:**

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu

### **3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành và chào bán:**

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành và chào bán là: **5.500.000 cổ phiếu, trong đó:**

- + Phát hành 950.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 (tương ứng với 10% vốn điều lệ)
- + Chào bán thêm 4.550.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tương ứng với 47,89% vốn điều lệ)

### **4. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành và chào bán tính theo mệnh giá: 55.000.000.000 đồng**



##### 5. Giá chào bán dự kiến: 20.000 đồng/ cổ phiếu

##### 6. Phương pháp tính giá:

###### *So sánh với giá trị sổ sách:*

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác	233.857.927.047
--	-----------------

$$\text{Giá sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}} = \frac{233.857.927.047}{9.500.000} = 24.617 \text{ đồng}$$

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân	9.500.000
---	-----------

*So sánh với giá thị trường:* Giá thị trường của cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài bình quân 30 phiên (từ ngày 24/06/2022 đến 04/08/2022) là 38.400 đồng/ cổ phiếu.

Đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, những cổ đông gắn bó lâu dài với công ty, cùng góp tay chung sức đưa công ty ngày càng phát triển nên HĐQT đề xuất mức giá chào bán là: 20.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

##### 7. Phương thức phân phối:

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10: 1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 10 quyền thì nhận được 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 190: 91. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 190 quyền thì nhận quyền mua được 91 cổ phiếu mới chào bán, với giá 20.000 đồng/ cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

+ Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 299 cổ phiếu. Cổ đông A sẽ được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu là  $299 * 1/10 = 29,9$  cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu tương ứng:  $299 * 91/190 = 143,2$  cổ phiếu. Như vậy, cổ đông trên sẽ được nhận 29 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và nhận quyền mua thêm 143 cổ phiếu với mức giá 20.000 đồng/ cổ phiếu.

Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phần không chào bán hết: Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có). Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và/hoặc số cổ phiếu còn dư không bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền, sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (CĐHH).

Công ty cam kết sẽ tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

#### **8. Đăng ký mua cổ phiếu:**

Công ty sẽ thông báo cụ thể khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận cho phép phát hành cổ phiếu ra công chúng.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

- Thời hạn: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không có.

- Phương thức đăng ký mua cổ phiếu: kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa đăng ký lưu ký chứng khoán đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại công ty và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.

- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu:

+ Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.



+ Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại các công ty chứng khoán: Việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại trụ sở Công ty cổ phần Sợi Phú Bài.

## **9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu**

Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được công bố chính thức khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN.

Sau khi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được UBCKNN xem xét, cấp giấy chứng nhận, trong thời hạn 07 ngày làm việc sau đó, công ty sẽ thực hiện công bố thông tin về đợt chào bán trên trang website Công ty, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (nơi cổ phiếu SPB đang đăng ký giao dịch) và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD sẽ gửi danh sách phân bổ quyền đến Công ty và các thành viên lưu ký. HĐQT Công ty (đối với cổ đông chưa lưu ký) hoặc Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản sẽ thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách nêu trên số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ, số lượng cổ phiếu được mua thêm, thời hạn đăng ký mua cổ phần, thời hạn chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác, thời hạn nộp tiền mua cổ phiếu.

Nếu phiếu đăng ký mua CP hoặc phiếu chuyển quyền ưu tiên mua CP không được gửi về Công ty hoặc Công ty chứng khoán đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.

Sau khi việc phát hành cho cổ đông hiện hữu kết thúc, trong vòng 10 ngày làm việc tiếp theo, căn cứ vào báo cáo thực hiện quyền của VSD gửi và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và/hoặc cổ phiếu không được cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hết, HĐQT sẽ phân phối cho cổ đông khác theo những điều kiện phù hợp, với giá không thấp hơn so với giá phát hành cho cổ đông hiện tại. Thời gian đăng ký và nộp tiền trong vòng 03 -15 ngày làm việc tiếp theo.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ gửi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN kèm theo bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán.

Thời gian chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành, Công ty sẽ thực hiện chuyển giao cổ phiếu cho các nhà đầu tư chưa lưu ký. Đối với nhà đầu tư đã lưu ký, sau khi công ty thực hiện thủ tục lưu

ký bổ sung phần cổ phiếu phát hành thêm, cổ phiếu sẽ về tài khoản của nhà đầu tư theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được công bố chính thức khi công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN. Sau đây là bảng lịch trình dự kiến. Lịch trình trên được tính theo ngày làm việc.

STT	Trình tự thủ tục	Thời gian dự kiến
1.	Tổ chức phát hành nộp Hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng lên UBCKNN và chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu.	
2.	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán cổ phiếu	Giả định là thời điểm D
3.	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.	$D1 = D + 7$
4.	Chốt danh sách cổ đông và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến từng cổ đông.	$D2 = D1 + 12$
5.	Cổ đông trong danh sách chốt quyền mua cổ phiếu sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu. Chuyển nhượng quyền mua.	$D3 = D2 + 20$
6.	Xử lý cổ phiếu lẻ/ cổ phiếu không bán hết	$D4 = D3 + 20$
7.	Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN	$D5 = D4 + 10$
8.	Chuyển giao cổ phiếu cho các cổ đông đăng ký mua	$D6 = D5 + 30$

#### **10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Cổ đông có tên trong danh sách tại thời điểm chốt quyền mua nếu không mua thì có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền mua cổ phần của mình cho đối tượng khác. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho bên thứ 3.

Về phương án phân phối cổ phiếu cho đối tượng khác trong trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ (cổ phiếu làm tròn xuống và không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu), công ty cam kết sẽ tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.



### **11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
- Tài khoản số: 1028994129 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Huế.

### **12. Hủy bỏ đợt chào bán**

Không có

### **13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

Căn cứ công văn số 5985/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 06/09/2017, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài được xác định ở mức 49%. Từ năm 2017 đến thời điểm hiện nay, Công ty không thực hiện thay đổi về ngành nghề kinh doanh nên không có sự thay đổi về TLSHNN tối đa tại Công ty.

Căn cứ vào Danh sách chốt cổ đông SPB gần nhất vào ngày 21/06/2022 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, Công ty hiện không có cổ đông nước ngoài.

Đối với việc phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong đợt này: Sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận hồ sơ, Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phiếu mới chào bán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Dự kiến thực hiện từ Quý II/2022. Trung tâm lưu ký đã khóa room nhà đầu tư nước ngoài tối đa 49%, đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.

Đối với trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu: Hội đồng quản trị công ty cam kết sẽ không chào bán cho đối tượng là cá nhân/tổ chức nước ngoài vượt quá tỷ lệ 49%, đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.

### **14. Các loại thuế có liên quan**

#### **a. Đối với trường hợp chuyển nhượng chứng khoán:**

+ Thuế suất đối với thu nhập chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

+ Thu nhập từ cổ tức: Theo thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần 5%. Trường hợp nhà đầu tư

nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

+ Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

#### **b. Đối với hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài**

Thuế giá trị gia tăng: Hiện tại, Công ty áp dụng thuế suất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không có

Ngoài ra, phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy sợi 3 được miễn thuế 02 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2022), và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2026)

Các loại thuế khác được áp dụng theo luật thuế hiện hành Việt Nam.

#### **15. Thông tin về các cam kết**

Công ty cam kết về việc thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

#### **16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**

Không có

### **VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Công ty cổ phần Sợi Phú Bài phát hành và chào bán 5.500.000 (trong đó, phát hành 950.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và chào bán 4.550.000 cổ phiếu thêm cho cổ đông hiện hữu với mức giá 20.000 đồng/cổ phiếu) để bổ sung vốn lưu động, mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I-II/2023.

Nguồn vốn lớn hơn cho phép Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty giảm bớt việc phụ thuộc vào nguồn vốn vay, có đủ năng lực tài chính để đầu tư máy móc, thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khách hàng; tạo điều kiện cho



Công ty có thể nắm bắt được những cơ hội kinh doanh tốt. Bên cạnh đó, với nguồn vốn chủ sở hữu lớn hơn góp phần giúp cho doanh nghiệp dễ tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng hơn khi cần thiết, nâng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

#### **IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 với mục đích giảm bớt áp lực vốn, tương xứng với quy mô phát triển và doanh thu của doanh nghiệp, tăng vị thế, phát triển thương hiệu. Số vốn tăng thêm là 9.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động, mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I-II/2023.

Đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, căn cứ vào mức giá xác định bán cho các đối tượng là 20.000 đồng/cổ phiếu, nếu bán được toàn bộ thì sẽ thu được dự kiến 91.000.000.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I-II/2023.

STT	Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành và chào bán	Số tiền (VNĐ)	Thời gian sử dụng nguồn vốn dự kiến	
			Thời gian bắt đầu sử dụng	Thời gian kết thúc sử dụng
1	Tiền nguyên liệu bông, xơ đến Quý I/2023 – Quý II/2023	100.500.000.000	Sau khi UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả đợt chào bán	Quý II/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100.500.000.000</b>		

Trong Quý I, II/2022, chi phí nguyên vật liệu bông xơ được Công ty sử dụng tại mỗi Quý là hơn 200 tỷ đồng. Công ty thường xuyên sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh tình hình lãi suất tăng cao, ngân hàng siết chặt tín dụng, việc vay vốn ngày càng khó khăn. Hơn nữa, quý IV/2021, Công ty đưa vào hoạt động thêm 01 nhà máy sợi mới nâng công suất lên 1.500 tấn/năm và doanh thu toàn công ty lên trên 1.200 tỷ đồng nhưng vốn chủ sở hữu chỉ 95 tỷ nên không đủ nguồn để quay vòng vốn kinh doanh. Đây là cơ sở để Công ty đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn lưu động mua nguyên vật liệu bông xơ để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 trong Quý I, II/2023.

Một số hợp đồng mua nguyên liệu bông xơ mà Công ty đã ký kết trong Quý IV/2022 và Quý I/2023, sẽ đến hạn thanh toán sau khi hàng về trong Quý I-II/2023 như sau:

DVT : 1.000 USD

STT	TÊN BÔNG	TYPE	SỐ LƯỢNG	GIÁ (USD/KG)	NHÀ CUNG CẤP	HỢP ĐỒNG	NGÀY	NGÀY GIAO	NGÀY VỀ CẢNG	NGÀY VỀ KHO	GIÁ TRỊ HÀNG HÓA
1	Australia 29GPT	37	200	2.16	Harris cotton	HAR2254	06/12/2022	30/01/2023	14/03/2023	21/03/2023	432.00
2	Brazil	1.1/8	200	2.100	TOYO	K342	13/12/2022	30/01/2023	25/02/2023	04/03/2023	420.00
3	Uganda	1.1/8	190	2.140	DEVCOIT	DEV 11453	23/12/2022	31/01/2023	04/03/2023	11/03/2023	406.60
4	Brazil BCI	1.1/8	200	2.230	CAM NEGOCE	V221229-2	29/12/2022	31/01/2023	13/02/2023	20/02/2023	446.00
5	Mali- KATIC	1.1/8	200	2.120	DEVCOIT	DEV11460	29/12/2022	31/01/2023	10/03/2023	17/03/2023	424.00
6	Brazil	1.1/8	200	2.150	LDC	E0-S10412	05/01/2023	28/02/2023	18/03/2023	25/03/2023	430.00
7	MALI	1.1/8	200	2.140	LDC	E0-S10413	05/01/2023	28/02/2023	25/02/2023	04/03/2023	428.00
8	MALI JULIS	1.1/8	150	2.175	LDC	E0-S10437	13/01/2023	15/02/2023	06/04/2023	13/04/2023	326.25
9	MALI - LIBA C	1.1/8	400	2.165	LDC	E0-S10462	30/01/2023	28/02/2023	15/03/2023	22/03/2023	866.00
10	BRAZIL MID BCI	1.1/8	200	2.230	VITERRA	VTBV2302553	01/02/2023	28/02/2023	19/04/2023	26/04/2023	446.00
11	BRAZIL MID BCI	1.1/8	200	2.240	VITERRA		02/02/2023	28/02/2023	19/04/2023	26/04/2023	448.00
12	Mali- LIBA	1.1/8	175	2.190	CAM NEGOCE	V230202-1	02/02/2023	03/02/2023	30/03/2023	06/04/2023	383.25
13	BRAZIL MID BCI	1.1/8	400	2.240	VITERRA		02/02/2023	28/02/2023	19/04/2023	26/04/2023	896.00
Tổng			2.915								6.532

Với tỷ giá USD/VND = 23.500 thì Tổng giá trị hàng hóa phải thanh toán trong Quý I, II/2023 là : 6.532.000 \* 23.500 = 153.502.000.000 VNĐ.

Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc ưu tiên mục đích sử dụng vốn cho hiệu quả, cận đối tiến độ triển khai, tạm thời vay vốn ngân hàng để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tỷ lệ chào bán dự kiến sẽ đạt trên 70%, do



cổ đông lớn là Tập đoàn Dệt may Việt Nam và một số cổ đông lớn khác đã thống nhất thông qua việc góp vốn vào Công ty cổ phần Sợi Phú Bài trong đợt tăng vốn này.

Cam kết sử dụng vốn: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sử dụng vốn một cách minh bạch, công khai nhằm mang lại hiệu quả và sinh lợi cao nhất.

## **X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. Tổ chức tư vấn**

#### **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262

Website : [www.vCBS.com.vn](http://www.vCBS.com.vn)

Chi nhánh : 251 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

### **2. Tổ chức kiểm toán**

#### **CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại : 02439 461 600 Fax: 02439 461 601

Website : [www.kpmg.com](http://www.kpmg.com)

### **3. Ý kiến của VCBS về đợt phát hành và chào bán cổ phiếu của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài**

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty chứng khoán NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã thu thập được về Công ty cổ phần Sợi Phú Bài và đợt phát hành và chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, VCBS có một số nhận định như sau:

Việc phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đợt này là để tăng quy mô vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động cho công ty. Đây là kế hoạch tăng vốn và sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc cân nhắc kỹ và đệ trình cho các cổ đông xem xét tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Tổng giá trị số vốn phát hành đợt này là 100.500.000.000 đồng. Đây là số vốn cần huy động khá lớn, tuy nhiên khả năng thành công cao do được chào bán cho cổ đông hiện hữu, những cổ đông đã đồng lòng góp vốn vào việc xây dựng và phát triển công ty. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu chỉ 20.000 đồng/ cổ phiếu, trong khi giá trị sổ sách tại 31/12/2021 là: 24.617 đồng/ cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại 31/12/2022 là : 22.748 đồng/ cổ phiếu. Giá thị trường của cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài bình quân 30 phiên (từ ngày 15/12/2022 đến 07/02/2023) là 27.800 đồng/ cổ phiếu.

Như vậy, bên cạnh một số rủi ro không thể tránh khỏi của đợt chào bán như chào bán không thành công hay cổ phiếu bị pha loãng sau phát hành... thì việc gia tăng nguồn vốn trong đợt chào bán lần này là một bước tiến cần thiết và phù hợp cho Công ty để triển khai các kế hoạch phát triển đã được Đại hội cổ đông thông qua.

<b>XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>
---

Không có.



**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
CHÀO BÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 02 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CAO HỮU HIẾU**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRẦN THỊ KIM CHI**

**HOÀNG THÁI TRÚC**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**GIÁM ĐỐC VCBS - CN ĐÀ NẴNG**



**PHẠM KIM NGỌC**

## **X. PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1 : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 ngày 04/05/2020;**

**Phụ lục 2 : Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán, cụ thể :**

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 22/04/2022 (Nghị quyết thông qua toàn văn các nội dung tại ĐHĐCĐ)

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 136/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022 (Nghị quyết thông qua nội dung phương án tăng vốn điều lệ)

+ Tờ trình số 124/TTr-HĐQT ngày 22/04/2022 về Phương án chia cổ tức và Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021;

+ Tờ trình số 126/TTr-HĐQT ngày 22/04/2022 về phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2022;

**Phụ lục 3 : Quyết định HĐQT triển khai đợt chào bán, cụ thể :**

+ Quyết định số 237/NQ-HĐQT ngày 15/7/2022 về việc cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu chào bán thêm;

+ Quyết định số 279/NQ-HĐQT ngày 11/8/2022 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán, triển khai phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và thời gian dự kiến;

**Phụ lục 4 : Báo cáo tài chính, cụ thể :**

+ BCTC được kiểm toán năm 2020 của SPB;

+ BCTC được kiểm toán năm 2021 của SPB;

+ BCTC Quyết toán năm 2022 (chưa kiểm toán)

**Phụ lục 5 : Điều lệ tổ chức và hoạt động ban hành ngày 23/04/2021;**

**Phụ lục 6 : Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2020 của SPB được kiểm toán;**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3300352720**

*Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 01 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 04 tháng 05 năm 2020*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU BAI SPINNING MILL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHU BAI SJSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam*

Điện thoại: 054.3863240

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 95.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.500.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ KIM CHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 190913822

Ngày cấp: 13/09/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5/2 Phan Văn Trị, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 5/2 Phan Văn Trị, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 8.035 Quyển số: /-SCT/BS

08-06-2022

**TRƯỞNG PHÒNG**



*Nguyễn Thị Phương Đông* *Lê Thị Hồng Mai*

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 23/04/2021;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 22/04/2022;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về Tình hình hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch, nhiệm vụ hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty CP Sợi Phú Bài (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

*a) Một số chỉ tiêu Kết quả SXKD Công ty đã thực hiện năm 2021:*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	TH năm 2021	So sánh (%) TH 2021/ KH 2021
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	826,15	1.074,72	130%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.948	16.318	117%
	+ Cty Sợi Phú Bài	Tấn		14.302	
	+ CN NM Sợi Phú Xuyên	Tấn		2.016	
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	816,75	1.151,68	141%
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	34,12	43,66	128%
5	Số lượng lao động	Người		880	
6	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) tại Công ty CP Sợi Phú Bài	Triệu đồng		10,2	
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,5	106,78	1.017%
8	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18	24,75	137,5%
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6%/VĐL	30%/VĐL	500%

*b) Một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch SXKD năm 2022:*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2022
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1.380



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2022
2	Sản lượng sản xuất	Tấn sợi	19.500
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	1.400
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	54,5
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	20
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30%/VĐL (95 tỷ đồng)
8	Kế hoạch vốn sử dụng trong năm 2022 cho thay thế, sửa chữa lớn và dự phòng	Khoảng 5% trên doanh thu	

**Điều 2:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 (kèm theo Báo cáo chi tiết)

**Điều 3:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Báo cáo Tài chính Công ty năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (có Báo cáo Tài chính kèm theo).

**Điều 4:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021 (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

**Điều 5:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Phương án chia cổ tức và Phân phối lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2021 của Công ty. Cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1/	Lợi nhuận sau thuế năm 2021:	83.544.755.316	
a-	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	74.855.551.643	
b-	Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá của Dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi chưa thực hiện	8.689.203.673	
2/	Phương án phân phối lợi nhuận:	74.855.551.643	
a -	Chia cổ tức năm 2021 cho các cổ đông:	28.500.000.000	30% / Vốn điều lệ
	<b>Trong đó:</b>		
	- Bằng tiền:	19.000.000.000	- Tiền: 20% / VĐL
	- Bằng cổ phiếu	9.500.000.000	- CP: 10% / VĐL
b -	Trích Quỹ đầu tư phát triển:	37.427.775.822	50% / LNST từ hoạt động SXKD
c -	Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty năm 2021:	2.994.222.066	4% / LNST từ hoạt động SXKD
d -	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	5.933.553.755	Chia đều cho 02 quỹ

\* Thời gian chi trả cổ tức: Trước ngày 30/06/2022.



**Điều 6:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Tiền thù lao của HĐQT và BKS Công ty; Tiền lương cho Ban Lãnh đạo Công ty; Quỹ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho CBCNV Công ty trong năm 2022

a) Giữ nguyên tiền lương, thù lao công việc hàng tháng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

+ Tiền thù lao thành viên Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng.

- Ủy viên HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

+ Tiền lương và thù lao thành viên Ban kiểm soát:

- Tiền lương Trưởng BKS: 7.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao Ủy viên BKS: 3.000.000 đồng/tháng.

b) Tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng cho Ban Lãnh đạo Công ty:

+ Tổng Giám đốc: không quá 100 triệu đồng/tháng.

+ Các Phó Tổng giám đốc: không quá 70 triệu đồng/tháng.

+ Kế toán trưởng: không quá 50 triệu đồng/tháng.

\* Các mức tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên cho Ban Lãnh đạo Công ty sẽ được cập nhật theo các quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước về thay đổi chế độ tiền lương, bảo hiểm và các khoản phụ cấp khác.

c) Giữ nguyên tỷ lệ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trên doanh thu bán sợi và gia công sợi là 15%.

\* Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc phân phối và thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho toàn thể CBCNV Công ty từ chi phí SXKD hàng tháng hoặc Quỹ tiền lương, thưởng và Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

❖ **Ghi chú:**

+ Mức lương, thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên là không bao gồm thuế thu nhập cá nhân.

+ Ngoài số tiền thu nhập hàng tháng nêu trên, Công ty thanh toán thêm các khoản tiền khác (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân), như: tiền thưởng Lễ Tết, tiền lương tháng thứ 13 theo quyết định của Công ty.

+ Thuế thu nhập cá nhân do Công ty chịu chi phí.

**Điều 7:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua chủ trương: Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, hoặc một tổ chức kiểm toán độc lập khác có uy tín.

**Điều 8:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty CP Sợi Phú Bài (Có kèm Báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành)

+ Tổng giá trị trước thuế : 429.425.145.682 đồng

+ Thuế giá trị gia tăng : 43.225.047.097 đồng

+ Tổng giá trị sau thuế : 472.650.192.779 đồng.

**Điều 9:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua chủ trương Đầu tư Dự án nhà máy kéo sợi mới 5 vạn cọc:

+ Mục đích: nhằm thực hiện chiến lược đầu tư phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2022 – 2027.



+ Hình thức tổ chức: Công ty CP Sợi Phú Bài trực tiếp đầu tư hoặc tham gia góp vốn để thành lập 01 công ty cổ phần kéo sợi mới do Công ty CP Sợi Phú Bài chi phối với tỷ lệ vốn góp tối đa là 51% - 75% trên Vốn điều lệ của công ty cổ phần kéo sợi mới.

+ Địa điểm đầu tư: Công ty thuê khoảng 10 - 12 ha đất tại địa điểm thích hợp ở gần các nhà máy sợi hiện hữu của Công ty, thuận lợi trong giao thông. Thời hạn thuê đất: trong khoảng 45 - 47 năm, trả tiền 1 lần với giá trị khoảng 100 - 120 tỷ đồng.

❖ Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm nghiên cứu, khảo sát tìm kiếm địa điểm đầu tư, tiến hành thực hiện các thủ tục chuẩn bị dự án đầu tư nêu trên.

**Điều 10:** Đại hội tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ V: 2022 - 2027:

**10.1-** Đại hội biểu quyết với 100% thông qua Quy chế bầu cử bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ V: 2022 - 2027 (theo nội dung Quy chế bầu cử kèm theo).

**10.2-** Đại hội biểu quyết với 100% thông qua Danh sách Ứng cử viên tham gia bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ V: 2022 - 2027, như sau:

a) Danh sách Ứng viên tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty: **05** Thành viên

- 1- Ông: Cao Hữu Hiếu
- 2- Bà: Trần Thị Kim Chi
- 3- Ông: Trần Đình Hiệp
- 4- Ông: Trương Văn Hiền
- 5- Bà: Lê Thị Quê Hương

b) Danh sách Ứng viên tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty: **03** Thành viên

- 1- Bà: Phạm Thị Vân Hà
- 2- Bà: Nguyễn Ngọc Mai Chi
- 3- Ông: Võ Hoàng Phụng

**10.3-** Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, nhiệm kỳ V: 2022 - 2027, như sau:

a) Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: **05** Thành viên

- 1- Ông: Cao Hữu Hiếu
- 2- Ông: Trương Văn Hiền
- 3- Bà: Trần Thị Kim Chi
- 4- Ông: Trần Đình Hiệp
- 5- Bà: Lê Thị Quê Hương

b) Danh sách Thành viên Ban kiểm soát Công ty: **03** Thành viên

- 1- Bà: Phạm Thị Vân Hà
- 2- Bà: Nguyễn Ngọc Mai Chi
- 3- Ông: Võ Hoàng Phụng

**Điều 11: Tổ chức thực hiện**

**11.1-** Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2022 giao cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng thông qua theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

11.2- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thống nhất thông qua với tỷ lệ tán thành 100% có quyền biểu quyết và có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2022.

11.3- Nghị quyết này được thông báo đến cổ đông trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi kết thúc Đại hội.

**\* Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT HN;
- UBCKNN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website: [www.phubaispinning.com](http://www.phubaispinning.com);
- Lưu VT, KT-TC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**CAO HỮU HIẾU**



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 23/04/2021;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 22/04/2022;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua toàn văn Phương án Tăng Vốn điều lệ Công ty trong năm 2022 (theo nội dung Tờ trình số 126/TT-DHĐCĐ ngày 22/04/2022).

Một số nội dung chính, như sau:

**1. Thông tin chung về đợt tăng vốn :**

- + Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước đợt tăng vốn: 9.500.000 cổ phiếu
- + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng)
- + Số cổ phiếu dự kiến tăng thêm: 5.500.000 cổ phiếu; Trong đó, phát hành 950.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 và chào bán thêm 4.550.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

+ Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương ứng 15.000.000 cổ phiếu

**2. Đối tượng phát hành và chào bán, khối lượng, giá cho từng nhóm đối tượng:**

**2.1 Đối tượng:** cổ đông hiện hữu theo danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền (quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

**2.2 Nguồn vốn để phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu:** Căn cứ trên Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2021, nguồn vốn để phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021.

**2.3 Giá chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:** 20.000 đồng/ 01 cổ phiếu

**2.4 Cách xác định giá chào bán:** Chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn Điều lệ

**2.5 Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn:** Chi tiết được trình bày tại Phương án tăng Vốn điều lệ

**3. Thời điểm tăng vốn:** Dự kiến Quý II và Quý III/2022, sau khi được sự chấp thuận từ phía Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN).

**4. Tỷ lệ thực hiện quyền :**

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10 : 1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 10 quyền thì nhận được 01 cổ phiếu mới phát



hành. Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 190 : 91. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 190 quyền thì nhận quyền mua được 91 cổ phiếu mới chào bán, với giá 20.000 đồng/ cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

**5. Xử lý cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống và cổ phần không chào bán hết :**

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có). Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và/hoặc số cổ phiếu còn dư không bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền, sẽ được HĐQT Công ty phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (CĐHH). Công ty cam kết sẽ tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

6. **Đăng ký mua cổ phiếu:** Công ty sẽ thông báo cụ thể khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận cho phép chào bán cổ phiếu ra công chúng.

7. **Phương thức thanh toán :** Chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn Điều lệ

8. **Chuyển nhượng quyền mua:** Chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn Điều lệ

9. **Quyền lợi của người mua cổ phiếu:** Chi tiết được trình bày tại P/a tăng vốn Điều lệ

10. **Điều kiện hủy bỏ đợt chào bán:** Không có điều kiện hủy bỏ đợt chào bán

11. **Các loại thuế có liên quan (nếu có):** Thực hiện theo quy định của pháp luật Nhà nước hiện hành.

**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN:**

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 với mục đích giảm bớt áp lực vốn, tương xứng với quy mô phát triển và doanh thu của doanh nghiệp, tăng vị thế, phát triển thương hiệu. Số vốn tăng thêm là 9.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng bổ sung Vốn lưu động, mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I - II/2023.

Đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Căn cứ vào mức giá xác định bán cho các đối tượng là 20.000 đồng/cổ phiếu, nếu bán được toàn bộ thì sẽ thu được dự kiến 91.000.000.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích: “Bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I - II/2023”.

Cam kết sử dụng vốn: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sử dụng vốn một cách minh bạch, công khai nhằm mang lại hiệu quả và sinh lợi cao nhất.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thay đổi phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% tổng số vốn thu được từ đợt phát hành và chào bán. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành và chào bán sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

**THÔNG QUA VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG CỔ PHIẾU MỚI PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI:**

Công ty cam kết đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu mới phát hành và chào bán thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kết quả phát hành và chào bán.



**THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO VIỆC PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÁP  
ỨNG QUY ĐỊNH VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI:**

Căn cứ công văn số 5985/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 06/09/2017, tỷ lệ sở hữu nước ngoài (TLSHNN) tối đa tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài được xác định ở mức 49%. Từ năm 2017 đến thời điểm hiện nay, Công ty không thực hiện thay đổi về ngành nghề kinh doanh nên không có sự thay đổi về TLSHNN tối đa tại Công ty. Căn cứ vào Danh sách chốt cổ đông SPB tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 31/03/2022, Công ty hiện không có cổ đông nước ngoài. Tỷ lệ: 0%

Đối với việc phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong đợt này: Sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận hồ sơ, Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phiếu mới chào bán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Dự kiến thực hiện từ Quý II/2022. Trung tâm Lưu ký đã khóa room nhà đầu tư nước ngoài tối đa 49% nên việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ không vượt tỷ lệ tối đa.

Đối với trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu: Hội đồng quản trị Công ty cam kết sẽ không chào bán cho đối tượng là cổ đông nước ngoài vượt quá tỷ lệ 49%, đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thông qua Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài nếu có yêu cầu từ phía UBCKNN.

**CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:**

+ Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu phát hành và chào bán mới: Không có.

+ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành và chào bán thêm cổ phiếu SPB cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành, phương án xử lý cổ phiếu lẻ và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.

+ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc Sửa đổi Điều lệ Công ty để ghi Tăng Vốn điều lệ theo kết quả phát hành và chào bán; thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi Vốn điều lệ và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu mới phát hành và chào bán sau khi hoàn tất đợt tăng vốn.

+ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty toàn quyền quyết định các thủ tục, công việc cần thiết khác cho việc tăng vốn phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 2: Tổ chức thực hiện**

2.1- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2022 giao cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nội dung đã được Đại hội đồng thông qua nêu trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

2.2- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua với tỷ lệ tán thành 100% có quyền biểu quyết và có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2022.

2.3- Nghị quyết này được thông báo đến cổ đông trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi kết thúc Đại hội.

\* Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN;
- UBCKNN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website: [www.phubaispinning.com](http://www.phubaispinning.com);
- Lưu VT, KT-TC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



CAO HỮU HIẾU





**TỜ TRÌNH**

**V/v: Phương án chia cổ tức và Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;
- Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Phương án chia cổ tức và Phân phối lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2021 của Công ty. Cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1/	Lợi nhuận sau thuế năm 2021:	83.544.755.316	
a-	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	74.855.551.643	
b-	Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá của Dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi chưa thực hiện	8.689.203.673	
2/	Phương án phân phối lợi nhuận:	74.855.551.643	
a -	Chia cổ tức năm 2021 cho các cổ đông:	28.500.000.000	30% / Vốn điều lệ
	<b>Trong đó:</b>		
	- Bằng tiền:	19.000.000.000	- Tiền: 20% / VDL
	- Bằng cổ phiếu	9.500.000.000	- CP: 10% / VDL
b -	Trích Quỹ đầu tư phát triển:	37.427.775.822	50% / LNST
c -	Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty năm 2021:	2.994.222.066	4% / LNST
d -	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	5.933.553.755	Chia đều cho 02 quỹ

\* Thời gian chi trả cổ tức: Trước ngày 30/06/2022.

Trân trọng kính trình./.

\* Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, KT-TC.



CAO HỮU HIẾU

**TỜ TRÌNH**  
**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRONG NĂM 2022**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTY CP SỢI PHÚ BÀI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;

Hội đồng quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Phương án Tăng Vốn điều lệ Công ty trong năm 2022. Nội dung cụ thể như sau:

**I. KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:**

**1. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ :**

- + Nguồn vốn lớn hơn cho phép Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty giảm bớt việc phụ thuộc vào nguồn vốn vay, có đủ năng lực tài chính để bổ sung Vốn lưu động mua nguyên liệu bông xơ và để đầu tư mới/đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khách hàng; tạo điều kiện cho Công ty có thể nắm bắt được những cơ hội kinh doanh tốt.
- + Bên cạnh đó, với nguồn vốn chủ sở hữu lớn hơn góp phần giúp cho doanh nghiệp dễ tiếp cận nguồn vốn vay của Ngân hàng hơn khi cần thiết.

**2. Thông tin chung về đợt tăng vốn :**

- + Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại: 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng)
- + Số lượng cổ phiếu trước đợt tăng vốn: 9.500.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước đợt tăng vốn: 9.500.000 cổ phiếu
- + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng)
- + Số cổ phiếu dự kiến tăng thêm: 5.500.000 cổ phiếu; Trong đó, phát hành 950.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 và chào bán thêm 4.550.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)
- + Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- + Số lượng cổ phiếu dự kiến sau đợt tăng vốn: 15.000.000 cổ phiếu



**3. Đối tượng phát hành và chào bán, khối lượng, giá cho từng nhóm đối tượng.**

**3.1 Đối tượng:** cổ đông hiện hữu theo danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền (quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

**3.2 Nguồn vốn để phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu:** Căn cứ trên Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2021, nguồn vốn để phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021.

**3.3 Giá chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:** 20.000 đồng/ 01 cổ phiếu

**3.4 Cách xác định giá chào bán :**

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài tại thời điểm 31/12/2021 như sau :

Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác	233.858.287.047
--	-----------------

$$\text{Giá sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}} = \frac{233.858.287.047}{9.500.000} = 24.617 \text{ đồng}$$

Trước khi phân phối Lợi nhuận sau thuế (LNST) và các quỹ năm 2021 thì giá trị sổ sách của Công ty tại 31/12/2021 là 24.617 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, sau khi phân phối LNST và các quỹ năm 2021 theo dự kiến trình ĐHĐCĐ thì giá trị sổ sách cổ phiếu sẽ giảm xuống đáng kể. Bên cạnh đó, đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, những cổ đông muốn gắn bó lâu dài với Công ty, cùng chung tay góp sức đưa Công ty ngày càng phát triển nên HĐQT đề xuất mức giá chào bán là: 20.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

**▪ Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn:**

Sau khi tăng vốn thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên, sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm : (i) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

**(i) Xét về pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết :** Khi Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Phương án tăng vốn, trong đó, có phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết (gồm: số cổ phiếu chào bán do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống) sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Như vậy, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ bị thay đổi nếu tình hình nhiều cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua/ hoặc chuyển nhượng quyền mua cho một hoặc một nhóm người (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).

**(ii) Xét về sự pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần** thì sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm 2022 ước tính là cao hơn so với năm 2021, nhưng chỉ số EPS của năm 2022 thấp hơn EPS của năm 2021 (tốc độ tăng trưởng EPS âm), làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.



(iii) Xét về mức độ pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần thì tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt tăng vốn thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

(iv) Xét về pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu chào bán thêm: Giá giao dịch của cổ phiếu SPB sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu chào bán thêm theo công thức của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Đây là những yếu tố rủi ro của việc phát hành và chào bán cổ phần để tăng thêm Vốn điều lệ. Nhưng nếu xét về bản chất thì thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn để sản xuất kinh doanh, việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cho cổ đông hiện hữu có làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu nhưng trong bối cảnh vay vốn ngân hàng không dễ, lãi suất tăng cao thì việc tăng vốn là một hướng đi hoàn toàn hợp lý. Nếu doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, các dự án khả thi thành công, thì cũng sẽ nhanh chóng làm tăng giá trị cổ phiếu hơn.

4. Thời điểm tăng vốn: Dự kiến Quý II và Quý III/2022, sau khi được sự chấp thuận từ phía Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN).

#### 5. Tỷ lệ thực hiện quyền:

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10 : 1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 10 quyền thì nhận được 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 190 : 91. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 190 quyền thì nhận quyền mua được 91 cổ phiếu mới chào bán, với giá 20.000 đồng/ cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 299 cổ phiếu. Cổ đông A sẽ được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu là  $299 * 1/10 = 29,9$  cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu tương ứng:  $299 * 91/190 = 143,205$  cổ phiếu. Như vậy, cổ đông trên sẽ được nhận 29 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và nhận quyền mua thêm 143 cổ phiếu với mức giá 20.000 đồng/ cổ phiếu.

#### 6. Xử lý cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống và cổ phần không chào bán hết:

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có). Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và/hoặc số cổ phiếu còn dư không bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền, sẽ được HĐQT Công ty phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (CĐHH).

Công ty cam kết sẽ tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

7. Đăng ký mua cổ phiếu: Công ty sẽ thông báo cụ thể khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận cho phép chào bán cổ phiếu ra công chúng.

8. Phương thức thanh toán: Đối với cổ đông đã lưu ký sẽ theo thông báo của Công ty chứng khoán, nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký. Đối với cổ đông chưa lưu ký: theo thông báo của Công ty cổ phần Sợi Phú Bài. Tất cả số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được nộp vào tài

3527

NG T  
PHÁ  
PHÚ I

ỦY T



khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán mà Công ty đã công bố tại Bản cáo bạch.

9. **Chuyển nhượng quyền mua:** Cổ đông có tên trong danh sách tại thời điểm chốt quyền mua cổ phiếu, nếu không mua thì có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền mua của mình cho các đối tượng khác. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho bên thứ 3. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.

Trong trường hợp các cổ đông chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho nhà đầu tư/ cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư/ cổ đông đó vượt qua các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư/ cổ đông đó phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

10. **Quyền lợi của người mua cổ phiếu:** Cổ phiếu của đợt chào bán là cổ phiếu phổ thông, được tự do chuyển nhượng, được hưởng đầy đủ các quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu các đợt chào bán kế tiếp và hưởng các quyền lợi liên quan khác tương tự như các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

11. **Điều kiện hủy bỏ đợt chào bán:** Không có điều kiện hủy bỏ đợt chào bán

12. **Các loại thuế có liên quan (nếu có):** Thực hiện theo quy định của pháp luật Nhà nước hiện hành.

## II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN:

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 với mục đích giảm bớt áp lực vốn, tương xứng với quy mô phát triển và doanh thu của doanh nghiệp, tăng vị thế, phát triển thương hiệu. Số vốn tăng thêm là 9.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng bổ sung Vốn lưu động, mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I - II/2023.

Đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Căn cứ vào mức giá xác định bán cho các đối tượng là 20.000 đồng/cổ phiếu, nếu bán được toàn bộ thì sẽ thu được dự kiến 91.000.000.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích: “Bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I - II/2023”.

STT	Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành và chào bán	Số tiền (VNĐ)	Thời gian sử dụng nguồn vốn dự kiến	
			Thời gian bắt đầu sử dụng	Thời gian kết thúc sử dụng
1	Tiền nguyên liệu bông, xơ đến Quý I/2023 – Quý II/2023	100.500.000.000	Sau khi UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả đợt chào bán	Quý II/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100.500.000.000</b>		

Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty sẽ cân nhắc ưu tiên mục đích sử dụng vốn cho hiệu quả, cân đối tiến độ triển khai, tạm thời vay vốn ngân hàng để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tỷ lệ chào bán dự kiến sẽ đạt trên 70%, do cổ đông lớn là Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số cổ đông lớn khác đã thống nhất thông qua việc góp vốn vào Công ty cổ phần Sợi Phú Bài trong đợt tăng vốn này.



Cam kết sử dụng vốn: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sử dụng vốn một cách minh bạch, công khai nhằm mang lại hiệu quả và sinh lợi cao nhất.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thay đổi phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% tổng số vốn thu được từ đợt phát hành và chào bán. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành và chào bán sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

### **III. THÔNG QUA VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG CỔ PHIẾU MỚI PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty cam kết đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu mới phát hành và chào bán thêm trên Sổ giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kết quả phát hành và chào bán. Cụ thể:

+ Sau khi kết thúc đợt tăng vốn và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kết quả, Công ty cổ phần Sợi Phú Bài sẽ thực hiện đăng ký lưu ký toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành và chào bán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

+ Khi được chấp thuận lưu ký bổ sung của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty cổ phần Sợi Phú Bài sẽ thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu trên lên Sổ giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM).

### **IV. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO VIỆC PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÁP ỨNG QUY ĐỊNH VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ công văn số 5985/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 06/09/2017, tỷ lệ sở hữu nước ngoài (TLSHNN) tối đa tại Công ty cổ phần Sợi Phú Bài được xác định ở mức 49%. Từ năm 2017 đến thời điểm hiện nay, Công ty không thực hiện thay đổi về ngành nghề kinh doanh nên không có sự thay đổi về TLSHNN tối đa tại Công ty.

Căn cứ vào Danh sách chốt cổ đông SPB tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 31/03/2022, Công ty hiện không có cổ đông nước ngoài. Tỷ lệ: 0%

Đối với việc phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong đợt này: Sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận hồ sơ, Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phiếu mới chào bán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Dự kiến thực hiện từ Quý II/2022. Trung tâm Lưu ký đã khóa room nhà đầu tư nước ngoài tối đa 49% nên việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ không vượt tỷ lệ tối đa.

Đối với trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu: Hội đồng quản trị Công ty cam kết sẽ không chào bán cho đối tượng là cổ đông nước ngoài vượt quá tỷ lệ 49%, đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thông qua Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài nếu có yêu cầu từ phía UBCKNN.

### **V. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:**

+ Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu phát hành và chào bán mới: Không có.



6

**QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

*Về việc: Cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu chào bán thêm*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 22/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua toàn văn Phương án Tăng Vốn điều lệ Công ty trong năm 2022;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 23/04/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 15/07/2022;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Hội đồng quản trị Công ty cam kết Đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu mới chào bán trên hệ thống giao dịch UPCOM trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận kết quả chào bán:

Sau khi kết thúc đợt phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chào bán, Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài sẽ thực hiện đăng ký lưu ký toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành và chào bán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

Khi được chấp thuận lưu ký bổ sung của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài sẽ thực hiện đăng ký giao dịch toàn bộ số cổ phiếu trên lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM).

**Điều 2:** Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo kết quả thực hiện cho các cổ đông hiện hữu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất của Công ty.

**Điều 3: Hiệu lực - Tổ chức thực hiện**

- Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ký.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Phụ trách các phòng ban, đơn vị chức năng nghiệp vụ có liên quan trong Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**\* Nơi nhận:**

- HDQT, BKS Công ty;
- Như Điều 3;
- P. KT-TC; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**CAO HUU HIEU**



**QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

*Về việc: Thông qua Hồ sơ Đăng ký chào bán cổ phiếu*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 23/04/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 22/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thông qua toàn văn Phương án Tăng Vốn điều lệ Công ty trong năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 15/07/2022;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Hội đồng quản trị Công ty đồng ý 100% thông qua bộ hồ sơ phát hành và chào bán 5.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty, bao gồm:

1- Hồ sơ pháp lý phát hành và chào bán cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN):

- Giấy đăng ký chào bán;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ lần đầu đến lần thay đổi gần nhất;
- Nghị quyết số 136/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 22/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.
- Báo cáo Tài chính của Công ty trong 02 năm gần nhất 2020, năm 2021 được kiểm toán;
- Báo cáo Tài chính Quý II/2022 của Công ty;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Bản cáo bạch;
- Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu với Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS);
- Văn bản cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Quyết định của HĐQT Công ty cam kết đăng ký giao dịch cổ phiếu chào bán thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán;



- Quyết định của HĐQT Công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Các hồ sơ khác theo yêu cầu sửa đổi, bổ sung từ phía Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

## 2- Triển khai Phương án chào bán:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán: Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành và chào bán là: 5.500.000 cổ phiếu; trong đó:

+ Phát hành 950.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 (tương ứng với 10% vốn điều lệ)

+ Chào bán thêm 4.550.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tương ứng với 47,89% vốn điều lệ)

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 20.000 đồng/cổ phiếu

- Tỷ lệ thực hiện quyền:

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10 : 1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 10 quyền thì nhận được 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

+ Tỷ lệ thực hiện quyền đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 190: 91. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 190 quyền thì nhận quyền mua được 91 cổ phiếu mới chào bán, với giá 20.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 299 cổ phiếu. Cổ đông A sẽ được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu là  $299 \times 1/10 = 29,9$  cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu tương ứng:  $299 \times 91/190 = 143,2$  cổ phiếu. Như vậy, cổ đông trên sẽ được nhận 29 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và nhận quyền mua thêm 143 cổ phiếu với mức giá 20.000 đồng/cổ phiếu.

- Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không bán hết: Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có). Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và/hoặc số cổ phiếu còn dư không bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền, sẽ được HĐQT Công ty phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- Về phương án phân phối cổ phiếu cho đối tượng khác trong trường hợp không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phiếu lẻ, Công ty cam kết sẽ tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- Phương thức thanh toán tiền của đợt chào bán: đối với cổ đông đã lưu ký sẽ theo thông báo của công ty chứng khoán, nơi cổ đông có mở tài khoản lưu ký. Đối với cổ đông chưa lưu ký: theo thông báo của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài. Tất cả



số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được nộp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán mà Công ty đã công bố tại Bản cáo bạch.

- Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 với mục đích giảm bớt áp lực vốn, tương xứng với quy mô phát triển và doanh thu của doanh nghiệp, tăng vị thế, phát triển thương hiệu. Số vốn tăng thêm là 9.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động, mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I - II/2023.

Đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Căn cứ vào mức giá xác định bán cho các đối tượng là 20.000 đồng/cổ phiếu, nếu bán được toàn bộ thì sẽ thu được dự kiến 91.000.000.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu bông xơ đến Quý I - II/2023.

STT	Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành và chào bán	Số tiền (VNĐ)	Thời gian sử dụng nguồn vốn dự kiến	
			Thời gian bắt đầu sử dụng	Thời gian kết thúc sử dụng
1	Tiền nguyên liệu bông, xơ đến Quý I/2023 – Quý II/2023	100.500.000.000	Sau khi UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả đợt chào bán	Quý II/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100.500.000.000</b>		

- Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty sẽ cân nhắc ưu tiên mục đích sử dụng vốn cho hiệu quả, cân đối tiến độ triển khai, tạm thời vay vốn ngân hàng để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tỷ lệ chào bán dự kiến sẽ đạt trên 70%, do cổ đông lớn là Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số cổ đông lớn khác đã thống nhất thông qua việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài trong đợt tăng vốn này. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sử dụng vốn một cách minh bạch, công khai nhằm mang lại hiệu quả và sinh lợi cao nhất.

- Thời gian chào bán: Quý III/2022, sau khi được sự chấp thuận từ phía UBCKNN.

- Thời gian hoàn tất đợt chào bán: Dự kiến Quý IV/2022;

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài sẽ thực hiện đăng ký lưu ký toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Khi được chấp thuận lưu ký tập trung của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài sẽ thực hiện đăng ký giao dịch toàn bộ số cổ phiếu trên lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM).

HĐQT Công ty sẽ thực hiện việc Sửa đổi Điều lệ Công ty để ghi tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi Vốn điều lệ và thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Thời gian hoàn tất bộ hồ sơ pháp lý phát hành và chào bán cổ phiếu: Dự kiến trong Quý III/2022

4- Thời gian dự kiến chào bán và thời điểm hoàn tất việc chào bán:

a) Thời gian chào bán: Dự kiến Quý III/2022, sau khi được sự chấp thuận từ phía UBCKNN.

b) Thời gian hoàn tất đợt chào bán: Dự kiến Quý IV/2022.

**Điều 2: Hiệu lực - Tổ chức thực hiện**

Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Phụ trách các phòng ban, đơn vị chức năng nghiệp vụ có liên quan trong Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*\* Nơi nhận:*

- HĐQT, BKS Công ty;
- Như Điều 2;
- P. KT-TC; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**CAO HỮU HIẾU**





CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Gồm các biểu:

- |                                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán         | (Mẫu số B01-DN) |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số B02-DN) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ   | (Mẫu số B03-DN) |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>513 138 555 971</b>	<b>505 531 236 433</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1 869 728 575</b>	<b>4 688 101 326</b>
1. Tiền	111	V.01	1 869 728 575	4 688 101 326
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>168 003 530 341</b>	<b>201 647 811 404</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		56 684 363 484	78 778 533 172
2. Trả trước cho người bán	132		7 592 466 656	870 433 176
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03		
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	103 726 700 201	121 998 843 056
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>329 950 862 866</b>	<b>288 769 640 114</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	371 768 292 656	288 769 640 114
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41,817,429,790)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13 314 434 189</b>	<b>10 425 683 589</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 732 992 968	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10 379 938 495	10 425 683 589
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.05	1 201 502 726	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>422 380 260 974</b>	<b>444 867 376 088</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5 098 665 000</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		5 098 665 000	
3. Vốn kinh doanh ở đơn trực thuộc	213	V.06		
4. Phải trả nội bộ dài hạn	214	V.06		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.07		
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.08</b>	<b>413 829 070 275</b>	<b>444 795 315 143</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		413 591 905 426	444 497 597 567
- Nguyên giá	222		886 453 402 848	880 538 637 551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(472,861,497,422)	(436,041,039,984)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			



- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	237 164 849	297 717 576
- Nguyên giá	228		549 040 000	549 040 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311,875,151)	(251,322,424)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	1 075 000 000	1 075 000 000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(1,075,000,000)	(1,075,000,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3 452 525 699</b>	<b>72 060 945</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	3 452 525 699	72 060 945
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>935 518 816 945</b>	<b>950 398 612 521</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>719 411 601 331</b>	<b>716 540 325 474</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>394 561 966 341</b>	<b>382 698 968 198</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		70 826 805 750	212 405 567 312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		875 051 599	872 662 155
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	623 483 383	7 469 030 942
4. Phải trả người lao động	314		21 079 955 317	25 271 326 960
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2 923 563 170	3 646 776 453
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3 393 332 889	18 030 919 309
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	270 162 567 859	106 140 760 889
10. Vay dài hạn đến hạn trả			9 950 748 125	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14 726 458 249	8 861 924 178
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>324 849 634 990</b>	<b>333 841 357 276</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			189 941 248 653
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.19		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	V.20		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.20		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21		
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		324 849 634 990	143 900 108 623
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			

10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>216 107 215 614</b>	<b>233 858 287 047</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>216 107 215 614</b>	<b>233 858 287 047</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95 000 000 000	95 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24 289 216 000	24 289 216 000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9 500 360 000	360 000
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		68 451 731 553	31 023 955 731
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18 865 908 061	83 544 755 316
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		8 689 203 673	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10 176 704 388	83 544 755 316
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431	<b>V.23</b>		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>935 518 816 945</b>	<b>950 398 612 521</b>
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>	<b>000</b>			
1. Tài sản thuê ngoài	N01			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	N06			

LẬP BIỂU

TP KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thái Trúc

Hoàng Thái Trúc



Trần Thị Kim Chi



## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022

Mã	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	1356 402 818 727	1125 179 981 751
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1 989 970 319	
04	- Chiết khấu thương mại			
05	- Giảm giá hàng bán			
06	- Hàng bán bị trả lại		1 989 970 319	
07	- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		1354 412 848 408	1125 179 981 751
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	1266 051 599 441	962 020 368 236
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		88 361 248 967	163 159 613 515
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	38 314 410 162	26 082 168 238
22	7. Chi phí tài chính	VI.28	35 309 796 565	10 861 495 636
23	- Trọng đo: Lãi vay phải trả		24 434 241 252	5 729 921 188
24	8. Chi phí bán hàng		57 033 868 410	41 434 915 355
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		21 757 713 945	30 235 152 786
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		12 574 280 209	106 710 217 976
31	11. Thu nhập khác		1 135 970 008	417 795 495
32	12. Chi phí khác		1 710 201 690	341 088 005
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(574,231,682)	76 707 490
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		12 000 048 527	106 786 925 466
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	5 203 808 893	21 258 749 582
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30	(3,380,464,754)	1 983 420 568
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		10 176 704 385	83 544 755 316
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1 071	8 620
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Lập biểu

TP Kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2022  
Tổng giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SỢI PHÚ BÀI  
T.X. HƯƠNG THỦY - TỈNH L. QUÊ  
Trần Thị Kim Chi

Hoàng Thái Trúc

Hoàng Thái Trúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2022***( Theo phương pháp trực tiếp )*

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	NĂM 2022	NĂM 2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,385,209,287,744	1,181,213,750,905
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(334,886,637,224)	(332,396,764,836)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(129,439,516,206)	(111,599,687,534)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(21,451,521,441)	(5,114,444,586)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(13,549,634,108)	(14,000,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6,013,910,392	7,003,087,065
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(25,398,253,345)	(39,582,683,620)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>865,587,635,812</b>	<b>685,523,257,394</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	(7,561,608,646)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26,788,564,893	5,372,338,994
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>26,788,564,893</b>	<b>(2,189,269,652)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	184,817,105,295	199,812,824,950
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,084,055,738,188)	(901,043,116,695)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18,781,556,000)	(4,697,685,675)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(918,020,188,893)</b>	<b>(705,927,977,420)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(25,643,988,188)</b>	<b>7,453,767,523</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4,688,101,326</b>	<b>2,690,679,789</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(26,432,777)</b>	<b>(74,986,408)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1,869,728,575</b>	<b>4,688,101,326</b>

LẬP BIỂU

T.P KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thái Trúc

Hoàng Thái Trúc



Trần Thị Kim Chi



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI :

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài được thành lập theo quyết định 1185/QĐ - HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dệt May Việt nam về việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và theo Biên bản thỏa thuận ngày 24/12/2002 giữa các cổ đông sáng lập.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3103000053 ngày 14/1/2003 do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 3300352720, ngày 24/12/2010. Thay đổi lần thứ 8 ngày 05/04/2020.

Giấy chứng nhận đầu tư số : 31321000019 ngày 27 tháng 4 năm 2009

số : 31321000019 ngày 01 tháng 6 năm 2009

#### Hội đồng quản trị :

Ông Cao Hữu Hiếu	Chủ tịch	
Ông Bùi Nguyên Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2022
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	
Bà Lê Thị Quê Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022
Ông Trần Đình Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022
Ông Trương Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022

#### Ban Tổng Giám Đốc :

Bà Trần Thị Kim Chi	Tổng giám đốc
Bà Lê Thị Quê Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký : Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

#### Ngành, nghề kinh doanh :

- Sản xuất sợi (sản xuất kinh doanh sợi, dệt vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thiết bị điện, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị ngành sợi, dệt, nhuộm)
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)(sản xuất kinh doanh áo quần may sẵn).

#### 1.2 CHI NHÁNH:

- Chi nhánh Nhà máy sợi Phú Xuyên - Công ty CP Sợi Phú Bài (gọi tắt là chi nhánh) là chi nhánh của Công ty CP Sợi Phú Bài được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số: 3300352720-001, ngày 16 tháng 11 năm 2012, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Ngành, nghề kinh doanh :**

- Sản xuất sợi (sản xuất kinh doanh sợi, dệt vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thiết bị điện, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị ngành sợi, dệt, nhuộm)
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)(sản xuất kinh doanh áo quần may sẵn).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết : bán buôn nguyên phụ liệu may mặc, bông, xơ, sợi các loại; sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm.

- Nhà xưởng của Chi nhánh đặt tại : Km 35. quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên do Công ty CP Sợi Phú Bài kiểm soát được lập đến ngày 31/12 hàng năm.

**Niên độ kế toán :**

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

**III- TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU :**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán :**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**- Tiền và các khoản tương đương tiền :**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

**- Các khoản đầu tư:**



Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liệt kê một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**- Các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi

**- Hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**- Tài sản cố định hữu hình :**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

**- Khấu hao :**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng được ước tính như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc : 6 - 25 năm

Máy móc, thiết bị nhà máy 5 vạn: 5 -10 năm

Máy móc, thiết bị nhà máy 3 vạn mới: 10 -12 năm

Phương tiện vận tải: 3 - 6 năm

Thiết bị văn phòng : 3 - 5 năm

**- Tài sản cố định vô hình :**

**Phần mềm máy vi tính :**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**- Chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**- Thuế :**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế suất áp dụng đối với hoạt động sản xuất sợi :

- Đối với dây chuyền 30.000 cọc sợi : Thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm kể từ năm 2003 là năm bắt đầu hoạt động kinh doanh. Ưu đãi về miễn giảm thuế TNDN : Miễn thuế 3 năm : năm 2004, 2005, 2006, giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm: từ năm 2007 đến 2013.

- Đối với dây chuyền 20.000 cọc sợi là dự án đầu tư mở rộng : Thuế suất thuế TNDN là 15%. Miễn thuế 1 năm : năm 2006, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm: từ năm 2007 đến 2010.

- Đối với đầu tư bổ sung thiết bị kéo sợi và các trang thiết bị phục vụ sản xuất cho dây chuyền 50.000 cọc sợi : không được ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số : 130/2008/TT-BTC, ngày 26/12/2008.

Đối với nhà máy 30.240 cọc sợi mới đưa vào sử dụng trong năm 2021: Thuế suất thuế TNDN là 20%. Miễn thuế 02 năm: 2021, 2022, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm: từ 2023 đến 2026 theo thông tư 78/2014/TT-BTC, 18/06/2014.

- **Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài Công ty, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

- **Ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- **Ngoại tệ :**



Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Việt Nam đồng theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu (chi phí) tài chính trong kỳ.

Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi đơn vị giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**- Ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI  
KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
<b>1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	44,596,400	429,322,484
- Tiền gửi ngân hàng	1,825,132,175	4,258,778,842
<b>Cộng</b>	<b>1,869,728,575</b>	<b>4,688,101,326</b>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Tiền gửi ngắn hạn Ngân hàng	0	0
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu, trái phiếu:	0	0
+ Về số lượng	0	0
+ Về giá trị	0	0
<b>Cộng</b>		
<b>3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Phải thu người lao động	157,966,315	122,033,045
- Ký cược, ký quỹ	64,250,000,000	77,450,000,000
- Phải thu từ thuế GTGT	35,178,113,852	42,683,016,880
- Phải thu về lãi tiền gửi	1,039,457,928	885,305,717
- Phải thu khác	3,101,162,106	858,487,414
<b>Cộng</b>	<b>103,726,700,201</b>	<b>121,998,843,056</b>
<b>4- Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Hàng mua đang đi trên đường	45,244,211,250	147,484,492,920
- Nguyên liệu, vật liệu	149,004,434,529	102,013,337,280
- Công cụ, dụng cụ	2,587,037	0
- Chi phí SX, KD dở dang	32,148,258,011	22,015,648,339
- Thành phẩm	145,368,801,829	17,256,161,575
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>371,768,292,656</b>	<b>288,769,640,114</b>
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho :	(41,817,429,790)	0
	<b>329,950,862,866</b>	<b>288,769,640,114</b>
Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau :		
	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Số dư đầu năm	0	0
Tăng dự phòng trong năm	0	0
Hoàn nhập dự phòng trong năm	0	0
Số dư cuối năm		
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :		
<b>5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước :</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	0	0
- Thuế TNDN nộp thừa	1,201,502,726	0



- Các khoản khác phải thu Nhà nước

Cộng

0

0

1,201,502,726

0

#### 6- Phải thu dài hạn khác

31/12/2022

31/12/2021

- Ký quỹ, ký cược dài hạn

0

0

- Các khoản tiền nhận ủy thác

0

0

- Cho vay không có lãi

0

0

- Phải thu dài hạn khác

0

0

Cộng

0

0

#### 7- Trả trước người bán dài hạn

0

0

- Trả trước tiền thuế đất

5,098,665,000

0

5,098,665,000

0

#### 8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

( Xem phụ lục 1)

( Xem phụ lục 1)

#### 9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

( Xem phụ lục 2)

( Xem phụ lục 2)

#### 10- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2022

31/12/2021

- Số dư đầu năm

0

199,776,093,433

- Tăng trong năm

0

230,028,971,166

- Số dư cuối năm

0

(429,805,064,599)

0

0

#### 11- Các khoản đầu tư dài hạn :

31/12/2022

31/12/2021

Công ty Cổ phần Sợi Đồng Phú

1,075,000,000

1,075,000,000

\* Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn :

(1,075,000,000)

(1,075,000,000)

Cộng

0

0

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau :

31/12/2022

31/12/2021

- Số dư đầu năm

0

0

- Tăng dự phòng trong năm

0

0

- Số dư cuối năm

0

0

#### 12- Chi phí trả trước ngắn hạn :

Năm 2022

Năm 2021

Chi phí trả trước ngắn hạn

1,732,992,968

0

Số dư cuối năm

1,732,992,968

0

#### 13- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

31/12/2022

31/12/2021

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

0

0

Tài sản cố định

0

0

Các khoản dự phòng và chi phí khác

3,452,525,699

72,060,945

Cộng

3,452,525,699

72,060,945

#### 14 - Vay và nợ ngắn hạn

31/12/2022

31/12/2021

- Vay ngắn hạn

270,162,567,859

106,140,760,889

- Nợ dài hạn đến hạn trả

9,950,748,125

0

Cộng

280,113,315,984

106,140,760,889

<b>15 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Thuế giá trị gia tăng	0	112,426,595
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	7,144,322,489
- Thuế thu nhập cá nhân	623,483,383	212,281,858
<b>Cộng</b>	<b>623,483,383</b>	<b>7,469,030,942</b>
<b>16- Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Lãi vay	785,354,379	147,793,452
- Chi phí tiền điện	0	1,700,000,000
- Chi phí phải trả khác	2,138,208,791	1,798,983,001
<b>Cộng</b>	<b>2,923,563,170</b>	<b>3,646,776,453</b>
<b>17 - Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Kinh phí công đoàn	359,118,096	733,221,026
- Bảo hiểm xã hội	265,996,676	0
- Đặt cọc dự thầu	699,000,000	0
- Tiền lương	1,766,688,975	15,783,442,885
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	302,529,142	1,514,255,398
<b>Cộng</b>	<b>3,393,332,889</b>	<b>18,030,919,309</b>
<b>18 - Phải trả dài hạn nội bộ</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Vay dài hạn nội bộ	0	0
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>19- Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
<b>a- Vay dài hạn</b>	<b>334,800,383,115</b>	<b>0</b>
- Vay Ngân hàng	334,800,383,115	0
<i>Trong đó: - Vay NH Ngoại thương Huế</i>	<i>334,800,383,115</i>	<i>143,900,108,623</i>
<b>Cộng</b>	<b>334,800,383,115</b>	<b>143,900,108,623</b>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	9,950,748,125	0
Hoàn trả sau 12 tháng	324,849,634,990	
<b>20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
<b>a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,452,525,699	72,060,945
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	0	0
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	0	0
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3,452,525,699</b>	<b>72,060,945</b>
<b>b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	0	0
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	0	0
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



**21- Vốn chủ sở hữu :****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :**

( Xem phụ lục 3)

( Xem phụ lục 3)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :**31/12/202231/12/2021

- Vốn góp của nhà nước

- Vốn góp của các đối tượng khác :

+ Công ty Dệt May Huế

4,210,980,000

4,210,980,000

+ Công ty CP Lương thực VTNN Nghệ An

19,050,000,000

19,050,000,000

+ Tập đoàn Dệt May Việt Nam

51,153,130,000

51,153,130,000

+ Các Cổ đông thể nhân

20,585,890,000

20,585,890,000

**Cộng**95,000,000,00095,000,000,000

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm :

0

0

\* Số lượng cổ phiếu quỹ :

0

0

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu  
phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Năm 2022Năm 2021

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

95,000,000,000

95,000,000,000

+ Vốn góp tăng trong năm

0

0

+ Vốn góp cuối năm

95,000,000,000

95,000,000,000

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

0

0

95,000,000,00095,000,000,000**d. Cổ tức**31/12/2022Năm 2021

- Tại cuộc họp ngày 22 tháng 04 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 19.000.000.000 đồng bằng tiền. Ngày 29 tháng 06 năm 2022 Công ty đã thực hiện chi trả cho cổ đông theo đúng số tiền ĐHCĐ đã thông qua.

- Khoản giá trị chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 theo tỷ lệ 10% V&L, tương đương 9.500.000.000 đồng, Công ty chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn. Do đó số dư này đang được công ty theo dõi trên khoản mục Vốn khác của chủ sở hữu cho đến khi hoàn thành thủ tục pháp lý.

**đ. Cổ phiếu**31/12/2022Năm 2021

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

9,500,000

9,500,000

+ Cổ phiếu ưu đãi

0

0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VNĐ/ cổ phiếu

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**31/12/202231/12/2021

- Quỹ đầu tư phát triển

68,451,731,553

31,023,955,731

- Quỹ dự phòng tài chính

0

0

- Vốn khác của chủ sở hữu

9,500,360,000

360,000

Đến ngày 31/12/2022, công ty đã thực hiện các khoản phân phối theo lợi nhuận của NQ ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua, bao gồm :

- Chi trả cổ tức bằng tiền : 19.000.000.000 đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển : 37.427.778.822 đồng

- Trích quỹ khen thưởng HĐQT, Ban điều hành : 2.994.222.066 đồng

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 5.933.553.755 đồng

- Khoản giá trị chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 theo tỷ lệ 10% V&L, tương đương 9.500.000.000 đồng, Công ty chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn. Do đó số dư này đang được công ty theo dõi trên khoản mục Vốn khác của chủ sở hữu cho đến khi hoàn thành thủ tục pháp lý.

**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**31/12/202231/12/2021

Số dư đầu năm

0

0

Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuận

0

0

Số dư cuối năm

0

0

**22- Nguồn kinh phí**31/12/202231/12/2021

- Nguồn kinh phí được cấp trong năm

0

0

- Chi sự nghiệp

0

0

- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	0	0
<b>23- Tài sản thuê ngoài</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
(1) - Giá trị tài sản thuê ngoài	0	0
- TSCĐ thuê ngoài	0	0
- Tài sản khác thuê ngoài	0	0
(2) - Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn	0	0
- Từ 1 năm trở xuống	0	0
- Trên 1 đến 5 năm	0	0
- Trên 5 năm	0	0

#### VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2021
<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)</b>	<b>1,356,402,818,727</b>	<b>1,125,179,981,751</b>
Trong đó :		
- Doanh thu bán hàng	1,356,402,818,727	1,125,179,981,751
+ Doanh thu bán hàng hoá	1,355,947,885,325	1,125,028,987,383
+ Doanh thu gia công	454,933,402	150,994,368
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0
- Doanh thu hợp đồng xây dựng ( Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)	0	0
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	0	0
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	0	0
<b>25 - Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)</b>	<b>(1,989,970,319)</b>	<b>0</b>
Trong đó :	0	0
+ Chiết khấu thương mại	0	0
+ Giảm giá hàng bán	0	0
+ Hàng bán bị trả lại	(1,989,970,319)	0
+ Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	0	0
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0
+ Thuế xuất khẩu	0	0
<b>26 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)</b>	<b>1,354,412,848,408</b>	<b>1,125,179,981,751</b>
Trong đó: + Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa		
+ Doanh thu thuần đối với dịch vụ		
<b>27- Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,266,029,200,152	962,010,516,296
- Giá vốn hàng hoá đã bán	0	0
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22,399,289	9,851,940
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1,266,051,599,441</b>	<b>962,020,368,236</b>
<b>28 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Thu nhập tiền lãi	2,760,669,616	2,329,486,697



- Cổ tức	0	0
- Lãi thanh lý khoản đầu tư	0	0
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	13.002.543,396
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.553.740,546	10.750.138,145
<b>Cộng</b>	<b>38,314,410,162</b>	<b>26,082,168,238</b>
<b>29- Chi phí tài chính</b>	<b><u>Năm 2022</u></b>	<b><u>Năm 2021</u></b>
- Lãi tiền vay	24,434,241,252	5,729,921,188
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,695,995,546	4,720,615,151
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	0
- Lãi trả chậm mua MMTB	7,179,559,767	410,959,297
- Dự phòng tổn thất đầu tư	0	0
<b>Cộng</b>	<b>35,309,796,565</b>	<b>10,861,495,636</b>
<b>30- Thu nhập khác</b>	<b><u>Năm 2022</u></b>	<b><u>Năm 2021</u></b>
- Thanh lý TSCĐ	1,135,970,008	417,795,495
- Thu nhập khác		
<b>Cộng</b>	<b>1,135,970,008</b>	<b>417,795,495</b>
<b>31- Chi phí khác</b>	<b><u>Năm 2022</u></b>	<b><u>Năm 2021</u></b>
- GTCL TSCĐ	1,710,201,690	341,088,005
- Chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b>1,710,201,690</b>	<b>341,088,005</b>
<b>32- Thuế thu nhập</b>	<b><u>Năm 2022</u></b>	<b><u>Năm 2021</u></b>
<b>a - Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5,203,808,893	21,258,749,582
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
<b>- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5,203,808,893</b>	<b>21,258,749,582</b>
<b>b - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
<b>(Mã số 52)</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	0	0
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3,380,464,754)	1,983,420,568
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	0	0
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>(3,380,464,754)</b>	<b>1,983,420,568</b>
<b>33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b><u>Năm 2022</u></b>	<b><u>Năm 2021</u></b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,051,351,437,140	682,323,909,637
- Chi phí nhân công	106,000,955,114	143,489,188,032
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	36,664,757,344	35,165,864,313
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100,319,315,692	173,495,695,307
- Chi phí khác bằng tiền	8,919,153,750	17,723,137,730
<b>Cộng</b>	<b>1,303,255,619,040</b>	<b>1,052,197,795,019</b>

VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

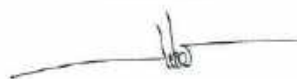
(Đơn vị tính : VND)

34 - Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	0	0
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính :	0	0
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:	0	0
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu :	0	0
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	0	0
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý:	0	0
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền:	0	0
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý:	0	0
- Phần giá trị tài sản ( Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ:	0	0
c - Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	0	0

VIII- Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.	0	0
2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	0	0
3- Thông tin về các bên liên quan	0	0
4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 " Báo cáo bộ phận "	0	0
5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)		
6 - Thông tin về hoạt động liên tục		
7- Những thông tin khác		

TP Kế toán



Hoàng Thái Trúc

Ngày 31 tháng 12 Năm 2022

Tổng Giám Đốc



Trần Thị Kim Chi



## 6- Tăng, giảm TSCĐ hữu hình :

Khóan mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I - Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	139,701,158,930	717,053,680,207	23,474,869,522	308,928,892	880,538,637,551
- Mua trong năm		5,914,765,297			5,914,765,297
- Chuyển từ CP XDCBDD					0
Số dư cuối năm	139,701,158,930	722,968,445,504	23,474,869,522	308,928,892	886,453,402,848
<b>II - Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	45,339,206,142	367,842,857,470	22,582,211,763	276,764,609	436,041,039,984
- KH trong năm	4,283,614,986	31,653,972,907	850,705,262	32,164,283	36,820,457,438
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	49,622,821,128	399,496,830,377	23,432,917,025	308,928,892	472,861,497,422
<b>III - Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	94,361,952,788	349,210,822,737	892,657,759	32,164,283	444,497,597,567
- Tại ngày cuối năm	90,078,337,802	323,471,615,127	41,952,497		413,591,905,426

## 7- Tăng, giảm TSCĐ vô hình :

Khóan mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				549,040,000	549,040,000
Số dư đầu năm	0	0	0	549,040,000	549,040,000
- Mua trong năm	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	0	0	0	549,040,000	549,040,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				311,875,151	311,875,151
Số dư đầu năm	0	0	0	251,322,424	251,322,424
- Khấu hao trong năm	0	0	0	60,552,727	60,552,727
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	0	0	0	311,875,151	311,875,151
<b>III - Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				237,164,849	237,164,849
- Tại ngày đầu năm	0	0	0	297,717,576	297,717,576
- Tại ngày cuối năm	0	0	0	237,164,849	237,164,849



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận Đầu tư số** 31321000019 **ngày** 1 tháng 6 năm 2009

**Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số** 3300352720 **ngày** 4 tháng 5 năm 2020

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300352720 ngày 4 tháng 5 năm 2020 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp và Giấy chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Cao Hữu Hiếu Ông Bùi Nguyên Tiến Bà Trần Thị Kim Chi	Chủ tịch Thành viên Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Bà Trần Thị Kim Chi Ông Lê Hồng Quân Ông Trần Đình Hiệp Bà Lê Thị Quê Hương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phú Bài Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên Km 35, Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thủy một Ban Giám đốc

Trần Thị Kim Chi  
Tổng Giám đốc

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 8630 Quyển số: / -SCT/BS

08-08-2022

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 3 năm 2022







KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ("Công ty") bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-04-00031-22-1



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thủy Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số 8031 Quyển số f - SCT/BS

08-08-2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG PHƯỜNG PHÚ BÀI**



*Nguyễn Thị Phương Đông*



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>505.531.236.433</b>	<b>342.095.524.969</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.688.101.326</b>	<b>2.690.679.789</b>
Tiền	111		4.688.101.326	2.690.679.789
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>201.647.811.404</b>	<b>168.541.519.778</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	78.778.535.172	34.669.458.666
Trả trước cho người bán	132	7	870.433.176	53.470.988.293
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	121.998.843.056	80.401.072.819
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>288.769.640.114</b>	<b>152.692.606.462</b>
Hàng tồn kho	141		288.769.640.114	152.692.606.462
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.425.683.589</b>	<b>18.170.718.940</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.740.371.413
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.425.683.589	16.315.920.434
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	-	114.427.093
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>444.867.376.088</b>	<b>241.041.938.298</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>444.795.315.143</b>	<b>38.259.420.875</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	444.497.597.567	38.259.420.875
Nguyên giá	222		880.538.637.551	439.169.918.970
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(436.041.039.984)	(400.910.498.095)
Tài sản cố định vô hình	227		297.717.576	-
Nguyên giá	228		549.040.000	216.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(251.322.424)	(216.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>199.776.093.433</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	199.776.093.433
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.075.000.000	1.075.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.075.000.000)	(1.075.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.060.945</b>	<b>3.006.423.990</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	950.942.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	72.060.945	2.055.481.513
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>950.398.612.521</b>	<b>583.137.463.267</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>716.540.325.474</b>	<b>426.420.147.310</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>382.698.968.198</b>	<b>241.179.612.068</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	212.405.567.312	88.332.340.048
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		872.662.155	3.491.200.496
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	7.469.030.942	168.635.668
Phải trả người lao động	314		25.271.326.960	10.880.254.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.646.776.453	1.507.321.345
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	18.030.919.309	8.839.543.421
Vay ngắn hạn	320	18(a)	106.140.760.889	119.186.608.511
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.861.924.178	8.773.708.227
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>333.841.357.276</b>	<b>185.240.535.242</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	189.941.248.653	162.314.525.145
Vay dài hạn	338	18(b)	143.900.108.623	22.926.010.097
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>233.858.287.047</b>	<b>156.717.315.957</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>233.858.287.047</b>	<b>156.717.315.957</b>
Vốn cổ phần	411	21	95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.289.216.000	24.289.216.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	31.023.955.731	30.197.063.731
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		360.000	360.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.544.755.316	7.230.676.226
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		83.544.755.316	7.230.676.226
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>950.398.612.521</b>	<b>583.137.463.267</b>

**CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 8632. Quyền số: SCT/BS

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

08-08-2022

Người lập:

Người duyệt:

**PHỤ TẠCH HUYỆN PHÚ BÀI**  
 Hoàng Thái Trục  
 Trưởng phòng Kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**  
 Trần Thị Kim Chi  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.125.179.981.751	718.019.437.586
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	962.020.368.236	660.726.315.771
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		163.159.613.515	57.293.121.815
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	26.082.168.238	8.430.685.213
Chi phí tài chính	22	28	10.861.495.636	8.499.970.872
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.729.921.188	4.839.781.343
Chi phí bán hàng	25	29	41.434.915.355	31.147.967.182
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	30.235.152.786	18.269.793.794
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		106.710.217.976	7.806.075.180
Thu nhập khác	31		417.795.495	1.839.150.324
Chi phí khác	32		341.088.005	586.592.340
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		76.707.490	1.252.557.984
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		106.786.925.466	9.058.633.164
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	21.258.749.582	1.385.572.907
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.983.420.568	442.384.031
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		83.544.755.316	7.230.676.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	8.620	655

**CHỨNG THỰC BẢN SẠO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 8033 Quyền số: -SCT/BS

08-08-2022

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:  **Hàng Thái Trúc**  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:  **Trần Thị Kim Chi**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>106.786.925.466</b>	<b>9.058.633.164</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		35.165.864.313	9.351.175.541
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại				
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.750.138.145)	1.697.382.173
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.329.486.697)	(3.014.843.743)
Chi phí lãi vay	06		5.729.921.188	4.839.781.343
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>08</b>		<b>134.603.086.125</b>	<b>21.932.128.478</b>
<b>những thay đổi vốn lưu động</b>				
Biến động các khoản phải thu	09		(26.691.947.854)	(41.059.167.307)
Biến động hàng tồn kho	10		(136.077.033.652)	(47.649.716.998)
Biến động các khoản phải trả và				
nợ phải trả khác	11		185.035.674.645	64.755.910.496
Biến động chi phí trả trước	12		2.691.313.890	(1.222.234.740)
			<b>159.561.093.154</b>	<b>(3.243.080.071)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.672.002.086)	(4.807.704.242)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.000.000.000)	(1.589.410.362)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.565.568.275)	(1.782.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>138.323.522.793</b>	<b>(11.422.594.675)</b>
<b>kinh doanh</b>				
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản				
cố định và tài sản dài hạn khác	21		(241.925.665.148)	(86.014.895.162)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.959.940.407	3.032.794.975
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>30</b>		<b>(239.965.724.741)</b>	<b>(82.982.100.187)</b>
<b>đầu tư</b>				

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	64.000.576.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.032.723.167.117	570.934.310.426
Tiền trả nợ gốc vay	34		(924.337.829.557)	(537.999.385.804)
Tiền trả cổ tức	36		(4.750.000.000)	(4.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>103.635.337.560</b>	<b>92.935.500.622</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.993.135.612</b>	<b>(1.469.194.240)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.690.679.789	4.159.518.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.285.925	355.299
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>4.688.101.326</b>	<b>2.690.679.789</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:

**CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Số chứng thực: 8034.....Quyển số:.....-SCT/BS

08-08-2022  
 Hoàng Thái Trúc  
 Trưởng phòng Kế toán

Trần Thị Kim Chi  
 Tổng Giám đốc

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**



*Nguyễn Thị Phương Đông*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 865 nhân viên (1/1/2021: 754 nhân viên).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam
- Hàn Quốc;
- Nhật Bản;
- Thổ Nhĩ Kỳ; và
- Các vùng địa lý khác.

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Tổng cộng VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>						
Tổng doanh thu của bộ phận	175.046.364.672	666.612.822.302	169.584.651.829	-	113.936.142.948	1.125.179.981.751
Kết quả kinh doanh của bộ phận	13.515.088.925	107.133.308.758	30.727.598.441	-	11.783.617.391	163.159.613.515
Chi phí không phân bổ (thuần)						(56.449.395.539)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						106.710.217.976
Thu nhập khác						417.795.495
Chi phí khác						(341.088.005)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(23.242.170.150)
Lợi nhuận thuần sau thuế						83.544.755.316

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Tổng cộng VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Tổng doanh thu của bộ phận	128.128.919.501	311.451.105.103	82.221.390.779	35.595.273.420	160.622.748.783	718.019.437.586
Kết quả kinh doanh của bộ phận	8.969.024.366	30.055.031.642	7.959.030.627	1.256.513.152	9.053.522.028	57.293.121.815
Chi phí không phân bổ (thuần)						(49.487.046.635)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						7.806.075.180
Thu nhập khác						1.839.150.324
Chi phí khác						(586.592.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.827.956.938)
Lợi nhuận thuần sau thuế						7.230.676.226



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Việt Nam VND</b>	<b>Hàn Quốc VND</b>	<b>Nhật Bản VND</b>	<b>Thổ Nhĩ Kỳ VND</b>	<b>Các vùng địa lý khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>						
Tài sản của bộ phận						79.648.968.348
Tài sản không phân bổ	658.081.875	61.751.768.117	5.089.241.004	-	12.149.877.352	870.749.644.173
<b>Tổng tài sản</b>						<b>950.398.612.521</b>
<b>Nợ phải trả không phân bổ</b>						<b>716.540.325.474</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>716.540.325.474</b>



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Tài sản của bộ phận	53.401.952.153	22.936.622.813	3.292.951.609	-	8.508.920.384	88.140.446.959
Tài sản không phân bổ						494.997.016.308
Tổng tài sản						583.137.463.267
Nợ phải trả không phân bổ						426.420.147.310
Tổng nợ phải trả						426.420.147.310



**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	429.322.484	108.005.633
Tiền gửi ngân hàng	4.258.778.842	2.582.674.156
	<u>4.688.101.326</u>	<u>2.690.679.789</u>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kyungbang Co., Ltd.	9.944.804.064	-
Toyoshima & Co., Ltd.	3.303.837.041	2.808.133.043
Ilshin Spinning Co., Ltd.	8.713.009.098	873.509.314
Color and Touch Co., Ltd.	8.775.468.892	9.439.233.696
Hansoll Textile Ltd.	6.649.363.926	-
Di Dong Il Corporation	5.521.254.834	1.053.226.541
PT. Win Textile	5.417.163.133	-
Dongyang Textile MFG. Co, Ltd	4.046.932.149	991.788.280
Các khách hàng khác	26.406.702.035	19.503.567.792
	<u>78.778.535.172</u>	<u>34.669.458.666</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021, toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	-	38.230.196.235
Công ty TNHH Hiệp Thành	-	3.997.526.450
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện Trường Thành	-	3.483.880.140
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật và Xây dựng Miền Trung	-	2.321.380.739
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Ân	-	1.425.000.000
Paul Reinhart AG	31.204.150	17.480.924
Khác	839.229.026	3.995.523.805
	<b>870.433.176</b>	<b>53.470.988.293</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Phải thu người lao động	122.033.045	122.033.045
Ký cược, ký quỹ (*)	77.450.000.000	74.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	885.305.717	515.759.427
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	42.683.016.880	5.204.242.815
Phải thu khác	858.487.414	559.037.532
	<b>121.998.843.056</b>	<b>80.401.072.819</b>

(\*) Ký quỹ, ký cược bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng để đảm bảo cho việc mở thư tín dụng của Công ty và được hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 5% (1/1/2021: từ 3,1% đến 5,1%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, có một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2021: 2.000 triệu VND) (Thuyết minh 18(a)).



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi đường	147.484.492.920	-	72.764.608.485	-
Nguyên vật liệu	102.013.337.280	-	59.162.484.866	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	863.636	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	22.015.648.339	-	9.030.447.893	-
Thành phẩm	17.256.161.575	-	11.734.201.582	-
	<b>288.769.640.114</b>	<b>-</b>	<b>152.692.606.462</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hàng tồn kho 288.770 triệu VND (1/1/2021: 152.692 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	44.425.508.834	371.756.537.594	22.678.943.650	308.928.892	439.169.918.970
Tăng trong năm	1.059.014.546	10.504.639.436	-	-	11.563.653.982
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	94.216.635.550	334.792.503.177	795.925.872	-	429.805.064.599
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>139.701.158.930</b>	<b>717.053.680.207</b>	<b>23.474.869.522</b>	<b>308.928.892</b>	<b>880.538.637.551</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	39.561.448.699	339.350.140.401	21.729.674.386	269.234.609	400.910.498.095
Khấu hao trong năm	5.777.757.443	28.492.717.069	852.537.377	7.530.000	35.130.541.889
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>45.339.206.142</b>	<b>367.842.857.470</b>	<b>22.582.211.763</b>	<b>276.764.609</b>	<b>436.041.039.984</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	4.864.060.135	32.406.397.193	949.269.264	39.694.283	38.259.420.875
Số dư cuối năm	94.361.952.788	349.210.822.737	892.657.759	32.164.283	444.497.597.567

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 361.396 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 352.546 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình bao gồm cả các tài sản của dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi với giá trị ghi sổ là 436.248 triệu VND (1/1/2021: 10.337 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(b)).



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số đầu năm	199.776.093.433	3.765.556.959
Tăng trong năm	230.028.971.166	196.010.536.474
Chuyển qua tài sản cố định hữu hình	(429.805.064.599)	-
Số cuối năm	-	199.776.093.433

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 thể hiện giá trị của dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 5.430 triệu VND (2020: 62 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

Địa chỉ	31/12/2021			Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2021			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần Sợi Đồng Phú	Hưng Yên	107.500	3,84%	1.075.000.000	(1.075.000.000)	107.500	3,84%	1.075.000.000	(1.075.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



### 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:		
▪ Chi phí phải trả và các khoản khác	72.060.945	2.055.481.513

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

#### (a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Maschinenfabrik Rieter Ag	138.965.472.646	145.969.349.838
Truetzschler GMBH & Co. Kg	50.975.776.007	-
Tainan Spinning Co, Ltd	41.562.944.640	4.738.645.800
Osc Cotton Trading Llc	40.718.508.581	7.785.150.250
Toyo Cotton Company	27.112.819.776	8.055.605.000
Louis Dreyfus Company Suisse SA	25.252.530.811	-
CDI Cotton Distributors Incorporated	22.328.967.232	32.582.020
Saurer Technologies Gmbh & Co. Kg Twisting Solutions	14.928.806.509	16.345.175.307
Devcot SA	7.666.371.217	9.895.992.108
Cam Negoce Division Cotton	132.068.707	18.732.940.306
Glencore Agriculture B.V	584.460	7.647.635.309
R1 International Pte Ltd	-	5.781.695.750
Fujian Jinlun Fiber Shareholding Company Limited	-	3.910.659.610
Tvc International Enterprise Co., Ltd.	-	2.928.642.591
Các nhà cung cấp khác	32.701.965.379	18.822.791.304
	402.346.815.965	250.646.865.193

#### (b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngắn hạn	212.405.567.312	88.332.340.048
Dài hạn	189.941.248.653	162.314.525.145
	402.346.815.965	250.646.865.193

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

**Giá gốc và số có khả năng trả nợ**  
**31/12/2021                      1/1/2021**  
**VND                                  VND**

**Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8-3

-                      106.278.532

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2021 VND</b>	<b>Số phải nộp trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp/bù trừ trong năm VND</b>	<b>31/12/2021 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	150.321.108	13.802.309.877	(13.840.204.390)	112.426.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.258.749.582	(14.114.427.093)	7.144.322.489
Thuế thu nhập cá nhân	18.314.560	838.086.241	(644.118.943)	212.281.858
Thuế nhập khẩu	-	855.130.437	(855.130.437)	-
Thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	<b>168.635.668</b>	<b>36.759.276.137</b>	<b>(29.458.880.863)</b>	<b>7.469.030.942</b>

**(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2021 VND</b>	<b>Số phải thu trong năm VND</b>	<b>Số đã cần trừ trong năm VND</b>	<b>31/12/2021 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.427.093	-	(114.427.093)	-



**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay phải trả	147.793.452	89.874.350
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	212.744.023
Tiền điện	1.700.000.000	320.892.724
Chi phí khác	1.798.983.001	883.810.248
	<u>3.646.776.453</u>	<u>1.507.321.345</u>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền thưởng kết quả công việc phải trả	15.783.442.885	6.971.271.668
Kinh phí công đoàn	733.221.026	708.917.230
Đặt cọc dự thầu xây dựng nhà máy sợi	-	680.000.000
Các khoản phải trả khác	1.514.255.398	479.354.523
	<u>18.030.919.309</u>	<u>8.839.543.421</u>

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	116.526.131.291	896.917.577.098	(906.845.860.844)	106.140.760.889
Vay dài hạn đến thời hạn trả (Thuyết minh 18(b))	2.660.477.220	-	(2.660.477.220)	-
	119.186.608.511	896.917.577.098	(909.506.338.064)	106.140.760.889

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) (i)	USD	3,50 %	26.443.970.856	49.316.212.536
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (i)	USD	3,20 %	15.273.379.176	3.852.711.023
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) (i)	USD	3,7 %	55.283.955.425	35.274.781.827
Các khoản vay từ Ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV (i)	USD	2,4% -3,9%	9.139.455.432	28.082.425.905
			106.140.760.889	116.526.131.291

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và hàng tồn kho (các Thuyết minh 6, 8 và 9).



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Vay dài hạn	143.900.108.623	25.586.487.317
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(2.660.477.220)
	<b>143.900.108.623</b>	<b>22.926.010.097</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Các khoản vay từ Vietcombank	VND	8,3%-9,6%	2023-2035	143.900.108.623	22.808.810.632
Các khoản vay từ Vietcombank	USD	6,8%	2024	-	2.021.310.222
Các khoản vay từ Viettinbank	VND	9,2%	2024	-	756.366.463
				<b>143.900.108.623</b>	<b>25.586.487.317</b>

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh 10).

Trong năm, Công ty đã trả trước hạn 14.831.491.493 VND nợ gốc vay dài hạn.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	8.773.708.227	8.928.531.678
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	1.653.784.226	1.627.576.549
Sử dụng trong năm	(1.565.568.275)	(1.782.400.000)
Số dư cuối năm	<b>8.861.924.178</b>	<b>8.773.708.227</b>

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	50.000.000.000	289.000.000	29.383.275.456	5.000.000.000	6.441.364.824	91.113.640.280
Phát hành cổ phiếu						
Tăng vốn cổ phần bằng quỹ	40.000.360.000	24.000.216.000	-	-	-	64.000.576.000
Khắc thuộc vốn chủ sở hữu						
Lợi nhuận thuần trong năm	4.999.640.000	-	-	(4.999.640.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng,	-	-	-	-	7.230.676.226	7.230.676.226
phúc lợi	-	-	-	-	(1.627.576.549)	(1.627.576.549)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	813.788.275	-	(813.788.275)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	95.000.000.000	24.289.216.000	30.197.063.731	360.000	7.230.676.226	156.717.315.957
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	83.544.755.316	83.544.755.316
Trích quỹ khen thưởng,	-	-	-	-	(1.653.784.226)	(1.653.784.226)
phúc lợi	-	-	-	-	(826.892.000)	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	826.892.000	-	(826.892.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(4.750.000.000)	(4.750.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	95.000.000.000	24.289.216.000	31.023.955.731	360.000	83.544.755.316	233.858.287.047



## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	9.500.000	95.000.000.000	9.500.000	95.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	95.000.000.000	9.500.000	95.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	95.000.000.000	9.500.000	95.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2021			1/1/2021		
	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành VND	%	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.115.313	51.153.130.000	53,85%	5.115.313	51.153.130.000	53,85%
Công ty Cổ phần Lương thực vật tư	1.680.500	16.805.000.000	17,69%	1.680.500	16.805.000.000	17,69%
Nông nghiệp Nghệ An	256.920	2.569.200.000	2,70%	256.920	2.569.200.000	2,70%
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	342.287	3.422.870.000	3,60%	342.287	3.422.870.000	3,60%
Ông Bùi Nguyễn Tiến	2.104.980	21.049.800.000	22,16%	2.104.980	21.049.800.000	22,16%
Các cổ đông khác						
	9.500.000	95.000.000.000	100%	9.500.000	95.000.000.000	100%



## 22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 4.750 triệu VND bằng tiền (2020: 4.000 triệu VND bằng tiền).

## 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	7.673.915.629	7.673.915.629
Trong vòng hai đến năm năm	3.479.662.516	10.283.662.516
Sau năm năm	21.022.961.034	21.892.876.663
	<u>32.176.539.179</u>	<u>39.850.454.808</u>

### (b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100.919	2.283.750.224	65.752	1.514.595.024
EUR	361	9.177.181	372	10.401.258
		<u>2.292.927.405</u>		<u>1.524.996.282</u>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2021 VND	2020 VND
Thành phẩm bán ra	1.089.059.999.433	685.070.665.366
Dịch vụ thương mại	35.968.987.950	31.973.722.354
Dịch vụ gia công	150.994.368	975.049.866
	<u>1.125.179.981.751</u>	<u>718.019.437.586</u>

**26. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	926.041.528.346	629.780.006.535
Dịch vụ thương mại	35.968.987.950	30.890.021.434
Dịch vụ gia công	9.851.940	56.287.802
	<u>962.020.368.236</u>	<u>660.726.315.771</u>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	2.329.486.697	3.014.843.743
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.002.543.396	5.415.841.470
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.750.138.145	-
	<u>26.082.168.238</u>	<u>8.430.685.213</u>

**28. Chi phí tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	5.729.921.188	4.839.781.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.720.615.151	1.634.039.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.697.382.173
Lãi thanh toán chậm mua tài sản cố định	410.959.297	328.767.444
	<u>10.861.495.636</u>	<u>8.499.970.872</u>



**29. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí bao bì đóng gói	9.363.419.126	6.856.608.065
Chi phí hoa hồng môi giới	9.900.316.048	6.305.809.918
Chi phí vận chuyển	15.916.951.189	8.153.946.917
Chi phí chứng từ, khai hải quan	6.254.228.992	9.830.932.282
Chi phí bán hàng khác	-	670.000
	<b>41.434.915.355</b>	<b>31.147.967.182</b>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	13.179.621.915	10.528.685.471
Chi phí khấu hao	4.856.547.207	1.444.148.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.386.589	3.054.341.171
Chi phí quản lý khác	11.755.597.075	3.242.618.940
	<b>30.235.152.786</b>	<b>18.269.793.794</b>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	682.323.909.637	472.265.739.424
Chi phí nhân viên	143.489.188.032	102.698.474.041
Chi phí khấu hao	35.165.864.313	9.351.175.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.495.695.307	106.919.847.459
Chi phí khác	17.723.137.730	10.648.769.079

## 32. Thuế thu nhập

### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	21.258.749.582	1.385.572.907
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	12.840.610	442.384.031
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.970.579.958	-
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>23.242.170.150</b>	<b>1.827.956.938</b>

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	106.786.925.466	9.058.633.164
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.357.385.093	1.811.726.633
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.965.314.631	373.295.549
Ưu đãi thuế từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy sợi 3	(5.468.859.824)	-
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	1.417.750.292	(357.065.244)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.970.579.958	-
	<b>23.242.170.150</b>	<b>1.827.956.938</b>

### (c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy sợi 3 được miễn thuế 2 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2026).

Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như áp dụng các ưu đãi thuế theo sự diễn giải của Công ty về các quy định về thuế TNDN hiện hành phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2021 (Số cổ phiếu)	2020 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	9.500.000	5.000.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	499.964
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	3.013.726
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	9.500.000	8.513.690

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2021	2020
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	83.544.755.316	7.230.676.226
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.653.784.226)	(1.653.784.226)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	81.890.971.090	5.576.892.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.620	655

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc cùng ngày có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích cho năm 2020.

**(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án lợi nhuận của năm 2020. Theo đó, Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 1.653.784.226 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần trước thuế thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2020 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2020 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	655	658

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	130.000.000	51.809.524
Trả cổ tức	2.557.656.500	2.153.816.000
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Mua dịch vụ	-	294.576.873
Mua hàng hóa	20.454.545	-
<i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.303.000.000	7.564.616.847
<i>Công ty Cổ Phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	68.418.675	80.452.015
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	925.019.962	700.623.025
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền thưởng	120.000.000	120.000.000
Thù lao	180.000.000	180.000.000
<b>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương	74.000.000	50.000.000
Thù lao	120.000.000	120.000.000
<b>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương	74.000.000	50.000.000
Thù lao	120.000.000	120.000.000
<b>Người quản lý khác</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.855.839.385	2.865.238.474



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, vào ngày 21 tháng 1 năm 2022, ở Công ty đã xảy ra một vụ hỏa hoạn tại kho bông của nhà máy. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình xử lý các thiệt hại và làm việc với bên bảo hiểm, và chưa thể xác định một cách đáng tin cậy mức độ thiệt hại của vụ hỏa hoạn.

### 36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Hoàng Thái Trúc  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐĂNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 8035 Tổng Giám đốc: SCT/BS

08-08-2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ



Nguyễn Thị Phương Đông



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020





**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận Đầu tư số** 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009

**Giấy chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số** 3300352720 ngày 4 tháng 5 năm 2020

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300352720 ngày 4 tháng 5 năm 2020 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp và Giấy chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Cao Hữu Hiếu Ông Lê Tiến Trường Ông Bùi Nguyên Tiến Bà Trần Thị Kim Chi	Chủ tịch (từ ngày 30 tháng 5 năm 2020) Chủ tịch (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020) Thành viên Thành viên
--------------------------	--	---

<b>Ban Giám đốc</b>	Bà Trần Thị Kim Chi Ông Lê Hồng Quân Ông Trần Đình Hiệp Bà Lê Thị Quê Hương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	--	--

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phú Bài Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế Việt Nam
-----------------------	---

<b>Chi nhánh</b>	Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên Km 35, Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội Việt Nam
------------------	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Trần Thị Kim Chi  
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2021





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ("Công ty") bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00398-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thủy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2019-007-1



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>342.095.524.969</b>	<b>216.408.407.110</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.690.679.789</b>	<b>4.159.518.730</b>
Tiền	111		2.690.679.789	4.159.518.730
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>168.541.519.778</b>	<b>100.596.333.087</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.669.458.666	39.497.015.532
Trả trước cho người bán	132	7	53.470.988.293	15.642.634.501
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	80.401.072.819	45.456.683.054
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>152.692.606.462</b>	<b>105.042.889.464</b>
Hàng tồn kho	141		152.692.606.462	105.042.889.464
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.170.718.940</b>	<b>6.609.665.829</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.740.371.413	1.069.463.643
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.315.920.434	5.540.202.186
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		114.427.093	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>241.041.938.298</b>	<b>38.875.818.243</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.259.420.875</b>	<b>32.212.780.233</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	38.259.420.875	32.212.780.233
Nguyên giá	222		439.169.918.970	427.893.095.636
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(400.910.498.095)	(395.680.315.403)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		216.000.000	216.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.000.000)	(216.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>199.776.093.433</b>	<b>3.765.556.959</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	199.776.093.433	3.765.556.959
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.075.000.000	1.075.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.075.000.000)	(1.075.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.006.423.990</b>	<b>2.897.481.051</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		950.942.477	399.615.507
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.055.481.513	2.497.865.544
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>583.137.463.267</b>	<b>255.284.225.353</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>426.420.147.310</b>	<b>164.170.585.073</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>241.179.612.068</b>	<b>157.665.982.273</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	88.332.340.048	22.493.153.246
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.491.200.496	1.748.955.739
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	168.635.668	362.915.487
Phải trả người lao động	314		10.880.254.352	8.275.737.981
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.507.321.345	2.938.548.537
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8.839.543.421	10.284.131.633
Vay ngắn hạn	320	18(a)	119.186.608.511	102.634.007.972
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.773.708.227	8.928.531.678
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>185.240.535.242</b>	<b>6.504.602.800</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	162.314.525.145	-
Vay dài hạn	338	18(b)	22.926.010.097	6.504.602.800
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>156.717.315.957</b>	<b>91.113.640.280</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>156.717.315.957</b>	<b>91.113.640.280</b>
Vốn cổ phần	411	21	95.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	24.289.216.000	289.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	30.197.063.731	29.383.275.456
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		360.000	5.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.230.676.226	6.441.364.824
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.230.676.226	6.441.364.824
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>583.137.463.267</b>	<b>255.284.225.353</b>

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thái Trúc  
 Trưởng phòng Kế toán



Trần Thị Kim Chi  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

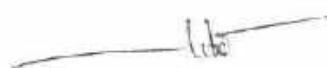
**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	718.019.437.586	786.132.598.550
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	660.726.315.771	727.596.541.430
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>57.293.121.815</b>	<b>58.536.057.120</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	8.430.685.213	5.709.349.458
Chi phí tài chính	22	28	8.499.970.872	6.254.287.717
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>4.839.781.343</i>	<i>4.283.963.998</i>
Chi phí bán hàng	25	29	31.147.967.182	33.256.935.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	18.269.793.794	16.494.705.391
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>7.806.075.180</b>	<b>8.239.477.931</b>
Thu nhập khác	31		1.839.150.324	212.623.163
Chi phí khác	32		586.592.340	431.388.310
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.252.557.984</b>	<b>(218.765.147)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>9.058.633.164</b>	<b>8.020.712.784</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.385.572.907	839.410.362
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	442.384.031	739.937.598
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>7.230.676.226</b>	<b>6.441.364.824</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	658	875

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thái Trúc  
Trưởng phòng Kế toán

  
Trần Thị Kim Chi  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 - DN  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.058.633.164	8.020.712.784
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		9.351.175.541	9.684.838.275
Các khoản dự phòng	03		-	(7.140.804.391)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.697.382.173	28.157.557
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.014.843.743)	(2.034.580.877)
Chi phí lãi vay	06		4.839.781.343	4.283.963.998
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>21.932.128.478</b>	<b>12.842.287.346</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(41.059.167.307)	15.944.544.370
Biến động hàng tồn kho	10		(47.649.716.998)	79.587.238.942
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		64.755.910.496	(16.939.613.125)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.222.234.740)	(672.289.067)
			<b>(3.243.080.071)</b>	<b>90.762.168.466</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.807.704.242)	(4.401.602.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.589.410.362)	(759.521.886)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.782.400.000)	(1.424.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.422.594.675)</b>	<b>84.176.643.889</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(86.014.895.162)	(32.205.280.199)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.032.794.975	1.750.792.633
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(82.982.100.187)</b>	<b>(30.454.487.566)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		64.000.576.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		570.934.310.426	574.728.027.365
Tiền trả nợ gốc vay	34		(537.999.385.804)	(613.071.798.598)
Tiền trả cổ tức	36		(4.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>92.935.500.622</b>	<b>(58.343.771.233)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.469.194.240)</b>	<b>(4.621.614.910)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		4.159.518.730	8.788.696.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		355.299	(7.563.105)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>2.690.679.789</b>	<b>4.159.518.730</b>

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thái Trúc  
Trưởng phòng Kế toán



Trần Thị Kim Chi  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 754 nhân viên (1/1/2020: 728 nhân viên).

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.





### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.



**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam
- Hàn Quốc;
- Nhật Bản;
- Thổ Nhĩ Kỳ; và
- Các vùng địa lý khác.

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	128.128.919.501	311.451.105.103	82.221.390.779	35.595.273.420	160.622.748.783	718.019.437.586
Kết quả kinh doanh của bộ phận	8.969.024.366	30.055.031.642	7.959.030.627	1.256.513.152	9.053.522.028	57.293.121.815
Chi phí không phân bổ (thuần)						(49.487.046.635)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						7.806.075.180
Thu nhập khác						1.839.150.324
Chi phí khác						(586.592.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.827.956.938)
Lợi nhuận thuần sau thuế						7.230.676.226



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Tổng cộng VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
Tổng doanh thu của bộ phận	121.416.993.806	239.647.068.736	125.455.796.505	90.173.987.808	209.438.751.695	786.132.598.550
Kết quả kinh doanh của bộ phận	7.953.329.541	23.120.849.892	12.145.897.475	3.186.296.382	12.129.683.830	58.536.057.120
Chi phí không phân bổ (thuần)						(50.296.579.189)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						8.239.477.931
Thu nhập khác						212.623.163
Chi phí khác						(431.388.310)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.579.347.960)
Lợi nhuận thuần sau thuế						6.441.364.824

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Tài sản của bộ phận	53.401.952.153	22.936.622.813	3.292.951.609	-	8.508.920.384	88.140.446.959
Tài sản không phân bổ						494.997.016.308
<b>Tổng tài sản</b>						<b>583.137.463.267</b>
Nợ phải trả không phân bổ						426.420.147.310
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>426.420.147.310</b>



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
Tài sản của bộ phận	14.558.586.871	18.965.494.196	9.969.792.891	4.000.228.224	7.597.759.347	55.091.861.529
Tài sản không phân bổ						200.192.363.824
Tổng tài sản						<u>255.284.225.353</u>
Nợ phải trả không phân bổ						164.170.585.073
Tổng nợ phải trả						<u>164.170.585.073</u>

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	108.005.633	278.825.736
Tiền gửi ngân hàng	2.582.674.156	3.880.692.994
	<u>2.690.679.789</u>	<u>4.159.518.730</u>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Toyoshima & Co., Ltd.	2.808.133.043	6.880.175.393
Ilshin Spinning Co., Ltd.	873.509.314	4.567.905.730
Color and Touch Co., Ltd.	9.439.233.696	-
Các khách hàng khác	21.548.582.613	28.048.934.409
	<u>34.669.458.666</u>	<u>39.497.015.532</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020, toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty (Thuyết minh 18(a)).



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	38.230.196.235	5.000.000.000
Công ty TNHH Hiệp Thành	3.997.526.450	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện Trường Thành	3.483.880.140	-
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật và Xây dựng Miền Trung	2.321.380.739	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Ân	1.425.000.000	-
Chino Machinery International Limited	-	2.761.647.444
Paul Reinhart AG	17.480.924	60.442.093
Khác	3.995.523.805	2.020.544.964
	<b>53.470.988.293</b>	<b>15.642.634.501</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Phải thu người lao động	122.033.045	127.033.045
Ký cược, ký quỹ (*)	74.000.000.000	44.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	515.759.427	533.710.659
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	5.204.242.815	-
Phải thu khác	559.037.532	795.939.350
	<b>80.401.072.819</b>	<b>45.456.683.054</b>

(\*) Ký quỹ, ký cược bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng để đảm bảo cho việc mở thư tín dụng của Công ty và được hưởng lãi suất năm từ 3,1% đến 5,1% (1/1/2020: từ 4,1% đến 5,3%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2020: 2.000 triệu VND) (Thuyết minh 18(a)).

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	72.764.608.485	-	18.277.828.600	-
Nguyên vật liệu	59.162.484.866	-	57.739.820.386	-
Công cụ và dụng cụ	863.636	-	519.800	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.030.447.893	-	14.595.674.562	-
Thành phẩm	11.734.201.582	-	14.429.046.116	-
	<b>152.692.606.462</b>	<b>-</b>	<b>105.042.889.464</b>	<b>-</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2020: không có).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hàng tồn kho 152.692 triệu VND (1/1/2020: 105.042 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	43.599.767.925	361.462.455.169	22.521.943.650	308.928.892	427.893.095.636
Tăng trong năm	825.740.909	14.415.075.274	157.000.000	-	15.397.816.183
Xóa sổ	-	(4.120.992.849)	-	-	(4.120.992.849)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.425.508.834</b>	<b>371.756.537.594</b>	<b>22.678.943.650</b>	<b>308.928.892</b>	<b>439.169.918.970</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	39.069.122.341	335.837.206.455	20.520.143.445	253.843.162	395.680.315.403
Khấu hao trong năm	492.326.358	7.633.926.795	1.209.530.941	15.391.447	9.351.175.541
Xóa sổ	-	(4.120.992.849)	-	-	(4.120.992.849)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.561.448.699</b>	<b>339.350.140.401</b>	<b>21.729.674.386</b>	<b>269.234.609</b>	<b>400.910.498.095</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	4.530.645.584	25.625.248.714	2.001.800.205	55.085.730	32.212.780.233
Số dư cuối năm	4.864.060.135	32.406.397.193	949.269.264	39.694.283	38.259.420.875

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 352.546 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 357.067 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 10.337 triệu VND (1/1/2020: 13.194 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(b)).

# **11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số đầu năm	3.765.556.959	3.765.556.959
Tăng trong năm	196.010.536.474	-
Số cuối năm	199.776.093.433	3.765.556.959

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020 thể hiện giá trị của dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 199.776 triệu VND (1/1/2020: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 62 triệu VND (2019: không có).



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

Địa chỉ	31/12/2020				1/1/2020			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Sợi Đông Yên	107.500	3,84%	(1.075.000.000)	1.075.000.000	107.500	3,84%	1.075.000.000	(1.075.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



### 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:		
▪ Chi phí phải trả và các khoản khác	2.055.481.513	2.497.865.544

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

#### (a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Maschinenfabrik Rieter Ag	145.969.349.838	-
Saurer Technologies Gmbh & Co. Kg Twisting Solutions	16.345.175.307	-
Cam Negoce Division Coton	18.732.940.306	9.202.163.329
Devcot SA	9.895.992.108	585.862.863
Toyo Cotton Company	8.055.605.000	-
Osc Cotton Trading Llc	7.785.150.250	-
Glencore Agriculture B.V	7.647.635.309	111.511.182
R1 International Pte Ltd	5.781.695.750	-
Tainan Spinning Co, Ltd	4.738.645.800	-
Fujian Jinlun Fiber Shareholding Company Limited	3.910.659.610	-
Tvc International Enterprise Co., Ltd.	2.928.642.591	3.180.094.080
Engelhart CTP (Singapore) Pte.Ltd.	32.655.844	32.676.939
Các nhà cung cấp khác	18.822.717.480	9.380.844.853
	250.646.865.193	22.493.153.246

#### (b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngắn hạn	88.332.340.048	22.493.153.246
Dài hạn	162.314.525.145	-
	250.646.865.193	22.493.153.246



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Huế	-	299.575.545
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8-3	106.278.532	-
	<b>106.278.532</b>	<b>299.575.545</b>

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp/bù trừ</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	132.883.603	15.581.431.047	(15.563.993.542)	150.321.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.410.362	1.385.572.907	(1.474.983.269)	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.621.522	304.978.285	(427.285.247)	18.314.560
Thuế nhập khẩu	-	625.472.814	(625.472.814)	-
Thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	<b>362.915.487</b>	<b>17.902.455.053</b>	<b>(18.096.734.872)</b>	<b>168.635.668</b>

**(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b>	<b>Số phải thu</b>	<b>Số đã được</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>hoàn lại</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	114.427.093	-	114.427.093

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi vay phải trả	89.874.350	57.797.249
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	212.744.023	212.744.023
Tiền điện	320.892.724	1.121.064.000
Chi phí khác	883.810.248	1.546.943.265
	<u>1.507.321.345</u>	<u>2.938.548.537</u>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền thưởng kết quả công việc phải trả	6.971.271.668	8.248.810.455
Kinh phí công đoàn	708.917.230	582.144.302
Đặt cọc dự thầu xây dựng nhà máy sợi	680.000.000	722.000.000
Các khoản phải trả khác	479.354.523	731.176.876
	<u>8.839.543.421</u>	<u>10.284.131.633</u>



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Vay ngắn hạn	100.033.518.012	551.906.292.372		(535.452.762.307)	39.083.214	116.526.131.291
Vay dài hạn đến thời hạn trả ("Thuyết minh 18(b))	2.600.489.960	2.606.610.757		(2.546.623.497)	-	2.660.477.220
	102.634.007.972	554.512.903.129		(537.999.385.804)	39.083.214	119.186.608.511

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") (i)	USD	3,50 %	49.316.212.536	36.039.094.710
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (i)	USD	3,20 %	3.852.711.023	3.928.285.920
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") (i)	USD	3,7 %	35.274.781.827	44.200.710.366
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	3,8 %	-	15.865.427.016
Các khoản vay từ Ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV (i)	USD	2,4% -3,9%	28.082.425.905	-
			116.526.131.291	100.033.518.012

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, hàng tồn kho và xây dựng cơ bản dở dang (các Thuyết minh 6, 8, 9 và 11).

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Bán hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Vay dài hạn	25.586.487.317	9.105.092.760
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.660.477.220)	(2.600.489.960)
	<b>22.926.010.097</b>	<b>6.504.602.800</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Các khoản vay từ Vietcombank	VND	8,3%-9,6%	2021-2024	22.808.810.632	6.908.387.940
Các khoản vay từ Vietcombank	USD	6,8%	2024	2.021.310.222	1.406.204.820
Các khoản vay từ Viettinbank	VND	9,2%	2021-2024	756.366.463	790.500.000
				<b>25.586.487.317</b>	<b>9.105.092.760</b>

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh 10).

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
Số dư đầu năm	8.928.531.678	6.809.322.807
Trích lập trong năm	1.627.576.549	3.543.608.871
Sử dụng trong năm	(1.782.400.000)	(1.424.400.000)
Số dư cuối năm	<b>8.773.708.227</b>	<b>8.928.531.678</b>



**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	50.000.000.000	289.000.000	22.247.373.238	-	35.679.511.089	108.215.884.327
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.441.364.824	6.441.364.824
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.543.608.871)	(3.543.608.871)
Phân bổ vào các quỹ (*)	-	-	7.135.902.218	5.000.000.000	(12.135.902.218)	-
Có tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	50.000.000.000	289.000.000	29.383.275.456	5.000.000.000	6.441.364.824	91.113.640.280
Phát hành cổ phiếu (*)	40.000.360.000	24.000.216.000	-	-	-	64.000.576.000
Tăng vốn cổ phần bằng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	4.999.640.000	-	-	(4.999.640.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	7.230.676.226	7.230.676.226
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.627.576.549)	(1.627.576.549)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	813.788.275	-	(813.788.275)	-
Có tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	95.000.000.000	24.289.216.000	30.197.063.731	360.000	7.230.676.226	156.717.315.957

- (\*) Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/BB-DHĐCD ngày 20 tháng 4 năm 2019, Công ty có kế hoạch chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông bằng cổ phiếu trị giá 5.000.000.000 VND (tương đương 500.000 cổ phiếu theo mệnh giá) và chào bán 4.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 16.000 VND/cổ phiếu. Kế hoạch tăng vốn này được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận vào ngày 2 tháng 1 năm 2020; do đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị của cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018 được ghi nhận là Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán 4.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, vốn cổ phần đã được ghi nhận tương ứng và phần cổ phiếu lẻ còn lại đã được chào bán thành công cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty. Trong tổng số 4.500.000 cổ phiếu phát hành thêm có 725.383 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 3 năm 2021.

## **21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2020			1/1/2020		
	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành	%	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành	%
		VND			VND	
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.115.313	51.153.130.000	53,85%	2.692.270	26.922.700.000	53,85%
Công ty Cổ phần Lương thực vật tư	1.680.500	16.805.000.000	17,69%	-	-	-
Nông nghiệp Nghệ An	256.920	2.569.200.000	2,70%	886.525	8.865.250.000	17,73%
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	342.287	3.422.870.000	3,60%	311.170	3.111.700.000	6,22%
Ông Bùi Nguyễn Tiến	2.104.980	21.049.800.000	22,16%	1.110.035	11.100.350.000	22,20%
Các cổ đông khác						
	9.500.000	95.000.000.000	100%	5.000.000	50.000.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	499.964	4.999.640.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong năm	4.000.036	40.000.360.000	-	-
Số dư cuối năm	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000



## 22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 4.000 triệu VND bằng tiền (2019: 20.000 triệu VND bằng tiền và 5.000 triệu VND bằng cổ phiếu).

## 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	7.673.915.629	12.873.915.629
Trong vòng hai đến năm năm	10.283.662.516	12.551.662.516
Sau năm năm	21.892.876.663	23.125.257.138
	<u>39.850.454.808</u>	<u>48.550.835.283</u>

### (b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	96.959.726.024	276.141.883.803
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	214.264.180.543	231.092.559.238
	<u>311.223.906.567</u>	<u>507.234.443.041</u>

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	65.752	1.514.595.024	105.819	2.439.144.240
EUR	372	10.401.258	194	4.997.776
		<u>1.524.996.282</u>		<u>2.444.142.016</u>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020 VND	2019 VND
Thành phẩm bán ra	685.070.665.366	763.048.866.012
Dịch vụ thương mại	31.973.722.354	22.393.317.050
Dịch vụ gia công	975.049.866	690.415.488
	<u>718.019.437.586</u>	<u>786.132.598.550</u>

**26. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	629.780.006.535	713.366.329.795
Dịch vụ thương mại	30.890.021.434	22.393.666.050
Dịch vụ gia công	56.287.802	52.349.976
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(8.215.804.391)
	<u>660.726.315.771</u>	<u>727.596.541.430</u>



**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	3.014.843.743	2.034.580.877
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.415.841.470	3.674.768.581
	<u>8.430.685.213</u>	<u>5.709.349.458</u>

**28. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	4.839.781.343	4.283.963.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.634.039.912	867.166.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.697.382.173	28.157.557
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.075.000.000
Lãi thanh toán chậm mua tài sản cố định	328.767.444	-
	<u>8.499.970.872</u>	<u>6.254.287.717</u>

**29. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí bao bì đóng gói	6.856.608.065	7.808.178.093
Chi phí họa hồng môi giới	6.305.809.918	7.018.458.065
Chi phí vận chuyển	8.153.946.917	8.444.302.018
Chi phí chứng từ, khai hải quan	9.830.932.282	9.972.147.291
Chi phí bán hàng khác	670.000	13.850.072
	<u>31.147.967.182</u>	<u>33.256.935.539</u>



### 30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	10.528.685.471	6.916.344.726
Chi phí khấu hao	1.444.148.212	1.946.444.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.054.341.171	2.953.550.645
Chi phí quản lý khác	3.242.618.940	4.678.365.875
	<b>18.269.793.794</b>	<b>16.494.705.391</b>

### 31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	472.265.739.424	549.260.971.015
Chi phí nhân viên	102.698.474.041	91.363.475.368
Chi phí khấu hao	9.351.175.541	9.684.838.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.919.847.459	116.920.423.317
Chi phí khác	10.648.769.079	13.545.424.807

### 32. Thuế thu nhập

#### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.385.572.907	839.410.362
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	442.384.031	739.937.598
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>1.827.956.938</b>	<b>1.579.347.960</b>

**Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.058.633.164	8.020.712.784
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.811.726.633	1.604.142.557
Chi phí không được khấu trừ thuế	373.295.549	311.363.529
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(357.065.244)	(336.158.126)
	<b>1.827.956.938</b>	<b>1.579.347.960</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định của luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2020</b> <b>(Số cổ phiếu)</b>	<b>2019</b> <b>(Số cổ phiếu)</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 20)	499.964	500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	3.013.726	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	<b>8.513.690</b>	<b>5.500.000</b>

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	7.230.676.226	6.441.364.824
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.627.576.549)	(1.627.576.549)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	5.603.099.677	4.813.788.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	658	875

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc cùng ngày có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích cho năm 2019.

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019. Theo đó, Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 1.627.576.549 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2019 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2019 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	875	1.041



### 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Các cổ đông chính</b>		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	51.809.524	20.000.000
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Mua dịch vụ	294.576.873	3.553.376.351
<i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.564.616.847	7.800.000.000
<i>Công ty Cổ Phần Dệt may Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	690.415.488
<i>Công ty Cổ Phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Mua hàng hóa	-	1.369.563.387
Bán hàng hóa và dịch vụ	80.452.015	17.334.125
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	870.623.025	899.257.000
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền thưởng	120.000.000	150.000.000
Thù lao	180.000.000	180.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương	50.000.000	100.000.000
Thù lao	120.000.000	120.000.000
<b>Người quản lý khác</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.865.238.474	2.908.041.474

# CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI



## ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

*(Sửa đổi lần thứ bảy)*

*Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 04 năm 2021*



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN CỐ ĐỒNG SÁNG LẬP</b> .....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Các trường hợp cổ đông yêu cầu công ty mua lại cổ phần.....	10
Điều 8. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	10
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu.....	11
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 12. Thu hồi cổ phần.....	12
<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	13
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của công ty.....	13
<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	13
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 19. Thay đổi các quyền.....	21
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	26
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	30
<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	30



Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	32
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	33
Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	35
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	36
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	37
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	40
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty .....	40
<b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>41</b>
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý .....	41
Điều 36. Người điều hành công ty .....	42
Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	42
Điều 38. Nghĩa vụ của người điều hành công ty .....	45
<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>45</b>
Điều 39. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát .....	45
Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát .....	45
Điều 41. Trưởng ban kiểm soát .....	46
Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	47
Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	48
Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	48
<b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>49</b>
Điều 45. Trách nhiệm cân trọng .....	49
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	49
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	51
<b>CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>51</b>
Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	51
<b>CHƯƠNG XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY. ....</b>	<b>52</b>
Điều 49. Các tổ chức chính trị, xã hội khác trong Công ty .....	52
Điều 50. Công nhân viên và công đoàn .....	52
<b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>53</b>
Điều 51. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh .....	53
Điều 52. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã chia .....	54
<b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....</b>	<b>54</b>
Điều 53. Tài khoản ngân hàng .....	54
Điều 54. Năm tài chính .....	55

Điều 55. Chế độ kế toán.....	55
<b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>55</b>
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	55
Điều 57. Báo cáo thường niên.....	56
<b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>56</b>
Điều 58. Kiểm toán.....	56
<b>CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>56</b>
Điều 59. Dấu của doanh nghiệp.....	56
<b>CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....</b>	<b>57</b>
Điều 60. Chuyển đổi công ty.....	57
Điều 61. Giải thể công ty.....	57
Điều 62. Gia hạn hoạt động.....	58
Điều 63. Thanh lý.....	58
Điều 64. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể.....	58
<b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>59</b>
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	59
<b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>60</b>
Điều 66. Điều lệ công ty.....	60
<b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>60</b>
Điều 67. Ngày hiệu lực.....	60

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 23 tháng 04 năm 2021.

## **CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- g. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
- i. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần
- j. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- k. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;



- l. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
  - m. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - n. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
  3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
    - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
    - Tên tiếng Anh: PHU BAI SPINNING MILL JOINT STOCK COMPANY
    - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
    - Tên viết tắt: PHU BAI SJSC.
  2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
  3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
    - Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
    - Điện thoại: +84-234-3863240/3863353/3863355/3863367
    - Fax: +84-234-3863363
    - E-mail: sales@phuba spinning.com
    - Website: www.phuba spinning.com
  4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- + Thông tin về Chi nhánh:

- Tên Chi nhánh: CHI NHÁNH NHÀ MÁY SỢI PHÚ XUYỀN – CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
  - Địa chỉ: Km 35, Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
  - Mã số Chi nhánh: 3300352720-001
  - + Thông tin về Văn phòng đại diện:
  - Tên Văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
  - Địa chỉ: Tòa nhà VINATEX, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  - Mã số Văn phòng đại diện: 3300352720-002
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 61 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 62 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp và theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tất cả các ngành nghề kinh doanh theo qui định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3300352720, do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2003, cấp đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 05 năm 2020.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sợi Chi tiết: Sản xuất kinh doanh sợi, dệt, vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm	1311 (Chính)
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: thiết bị điện; dụng cụ hệ thống điện; thiết bị ngành	4659

	sợi, dệt, nhuộm	
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu: bông, xơ, sợi các loại và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm	4669
4	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất kinh doanh áo quần may sẵn	1410
5	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (Sản xuất trong khu công nghiệp và các địa điểm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	1322
6	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị ngành công nghiệp	4329
7	Xây dựng nhà các loại	4100
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp	4290
9	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định	4932
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động	5610
12	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị	7730
14	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8559

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tham gia vào các hoạt động kinh doanh được nêu tại Điều 4 của Điều lệ này nhằm mục đích thu lợi nhuận một cách chính đáng và hợp pháp, cải thiện điều kiện làm việc, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.



## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **95.000.000.000 đồng** (*Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn*)
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.500.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 7. Các trường hợp cổ đông yêu cầu công ty mua lại cổ phần**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của các cổ đông quy định tại Điều lệ của Công ty, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc thoả thuận trong thời gian chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 8. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác, thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số

giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

4. Khi công ty đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung và đăng ký giao dịch cổ phiếu, mọi vấn đề giao dịch có liên quan sẽ tuân thủ theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán.

#### **Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.



## **Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 12. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và tông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## **CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 14. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác (như bỏ phiếu từ xa) do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
  - d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
  - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:



- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
  - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
9. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 16. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận nêu trên dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty, yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và được tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. ;
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
  - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;



- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;;
  - g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát;

- h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - p. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
  - q. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - r. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
  - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - u. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.  
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.



## **Điều 19. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, 22 và Điều 23 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ

- đồng có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
  - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời, công bố trên phương tiện thông tin điện tử của Công ty và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm :
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thông báo việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký họp theo trình tự sau:



- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
  - b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
  - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến hoặc bằng hình thức họp trực tuyến kết hợp với họp trực tiếp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng các hình thức này được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
12. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

**Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;



- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - f. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
  3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
  4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi cả trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
  5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc

- tịch, sổ giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - h. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
  7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



- i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của

Công ty đề cử ứng cử viên có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây :

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
  - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
  - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - i. Các thông tin khác (nếu có).
  - j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến trở lên được đề cử tối đa số ứng viên Hội đồng quản trị.
  3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
  4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c. Đối với Công ty con là Công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

**Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục; Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.
7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này;
  - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua, quyết định ban hành, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- r. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- t. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm



thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội

đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
  - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội

- đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.



Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 15 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 46 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
  - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao

dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công



### 38. Nghĩa vụ của người điều hành công ty

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định Luật Doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan, Điều lệ của Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;

Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Nếu Công ty không thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn thì Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc không được tăng tiền lương, trả tiền thưởng cho Người lao động của Công ty; kể cả cho người điều hành khác;

Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

## CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

### 9. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Trong hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban kiểm soát ứng nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### 1. Thành phần Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

ngày của  
việc thay  
điều hành  
thông lệ

đồng, kế  
uản trị và

ty;

ản lý nội

, trừ các

C ty, kể

ội đồng  
n lý tốt  
ết định  
o động

ời lao  
đi khoản

c phải  
âm tài  
g như

u đây  
h g quý  
m cả  
o lưu



2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Không được giữ các chức vụ điều hành trong công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.
  - c. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - d. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
  - e. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm ban kiểm soát đương nhiệm và bầu kiểm soát mới thay thế.

#### **Điều 41. Trưởng ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải

có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác;
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.



9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
11. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
12. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
13. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
14. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty;
15. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
16. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành.
17. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.



2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với

những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với đối tượng nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông thông qua.



7. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư), khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của



Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.

## **CHƯƠNG XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY**

### **Điều 49. Các tổ chức chính trị, xã hội khác trong Công ty**

1. Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng Sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức Chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước CHXHCN Việt Nam.

### **Điều 50. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**Điều 51. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh**

1. Lợi nhuận hàng năm sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, Công ty trích lập các quỹ (quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi,...) tùy điều kiện cụ thể từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Sau đó sẽ chia lợi nhuận cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.



7. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
9. Trường hợp Công ty sau khi quyết toán thuế với cơ quan thuế mà bị lỗ thì được xử lý theo các trường hợp sau: .
  - Chuyển lỗ sang năm sau ( thời gian chuyển lỗ theo luật định)
  - Giảm tài sản.
  - Dùng quỹ dự trữ bắt buộc để bù đắp.
  - Cổ đông góp thêm vốn.
10. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi thực hiện đầy đủ theo khoản 1 Điều này và bù đủ số lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Điều 52. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã chia**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 13 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 51 thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn trả lại.

**CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

**Điều 53. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.



**Điều 54. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

**Điều 55. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

**CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên và quý trong giờ làm việc của

Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 57. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 58. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 59. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.



## **CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 60. Chuyển đổi công ty**

Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn. Khi chuyển đổi được quy định như sau:

1. Đại hội đồng thông qua quyết định chuyển đổi và Điều lệ Công ty chuyển đổi. Quyết định chuyển đổi phải có các nội dung chủ yếu về: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty được chuyển đổi; tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, cổ phần, trái phiếu của Công ty được chuyển đổi thành tài sản, phần vốn góp của Công ty chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện.
2. Quyết định chuyển đổi phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua quyết định.
3. Việc đăng ký kinh doanh của Công ty chuyển đổi được tiến hành theo quy định của luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định chuyển đổi.

Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty được chuyển đổi chấm dứt tồn tại; Công ty chuyển đổi được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty được chuyển đổi.

### **Điều 61. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - d. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - e. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Công ty không đủ số cổ đông tối thiểu là ba người trong thời gian sáu tháng liên tục;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của Pháp luật.



## **Điều 62. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 63. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **Điều 64. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể**

Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty nghiêm cấm người điều hành Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Cất giấu hoặc tẩu tán tài sản.
2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.
3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty.
4. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể Công ty.
5. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản.
6. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực.
7. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

## **CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
  - a. Cổ đông với Công ty;
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác,Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.



## CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 66. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương - 67 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sợi Phú Bài nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại Văn phòng trụ sở Công ty cổ phần Sợi Phú Bài và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Các bản Điều lệ, văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ trước đây không còn giá trị hiệu lực.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau; trong đó:
  - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
  - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
  - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu là của một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TRẦN THỊ KIM CHI





**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

*Từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020*

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tình hình sử dụng vốn	5
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn	6 - 7



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài công bố Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn (thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

### Thông tin khái quát

Công ty cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300352720 ngày 30/01/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/04/2020. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: (84) 0236. 3863240
- Fax: (84) 0236. 3863363
- Email: sales@phubaispinning.com
- Website: <http://www.phubaispinning.com.vn>

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất sợi. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh sợi, dệt vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi; dệt, nhuộm;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Sản xuất trong khu công nghiệp và các địa điểm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị ngành công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Thiết bị điện, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị ngành sợi, dệt, nhuộm;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nguyên phụ liệu: bông, xơ, sợi các loại và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất kinh doanh áo quần may sẵn.





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)****Nhân sự**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| • Ông Cao Hữu Hiếu    | Chủ tịch   |
| • Ông Bùi Nguyên Tiến | Thành viên |
| • Bà Trần Thị Kim Chi | Thành viên |

**Ban Kiểm soát**

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| • Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi | Trưởng ban |
| • Ông Võ Hoàng Phụng     | Thành viên |
| • Ông Nguyễn Ngọc Cách   | Thành viên |

**Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| • Bà Trần Thị Kim Chi | Tổng Giám đốc     |
| • Ông Lê Hồng Quân    | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Trần Đình Hiệp  | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Lê Thị Quê Hương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Hoàng Thái Trúc  | Kế toán trưởng    |

**Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dnng.vnn.vn](mailto:aac@dnng.vnn.vn)).

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực và hợp lý.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình sử dụng vốn góp của các cổ đông ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn này tuân thủ cơ sở kế toán như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 của Công ty thông qua.



Trần Thị Kim Chi

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 20.....Quyển số: 01.....-SCT/BS

03-01-2023



Lê Hữu Bình





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 658/2021/BC-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn (thu được của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn") của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/04/2021 đính kèm từ trang 5 đến trang 7.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn trên cơ sở giải ngân thực tế như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình sử dụng vốn (của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 trên cơ sở giải ngân thực tế như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 của Công ty thông qua.

## Vấn đề khác

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để cung cấp thông tin cho cổ đông Công ty, báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo này không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Nguyễn Quốc Hưng** – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2021

**Nguyễn Quốc Hưng** – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4573-2018-010-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 12.....Quyển số: 1.....-SCT/BS

03 -01- 2023

**PHỤ TỊCH CÔNG ĐƯỜNG PHÚ DÀI**



**Lê Hữu Bình**





## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ NGÀY 29/04/2020 ĐẾN NGÀY 31/12/2020

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số tiền
Vốn tăng từ phát hành cổ phiếu	3	69.000.216.000
Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020	4	69.000.216.000
<b>Vốn chưa sử dụng</b>		<b>-</b>

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 18.....Quyển số: ).....SCT/BS

03 -01- 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Trần Thị Kim Chi

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2021

PHỤ TỊCH ỦY BAN PHƯỜNG PHÚ BÀI



Lê Hữu Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn)***1. Kỳ báo cáo**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho giai đoạn từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020.

**2. Các chính sách kế toán áp dụng**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh số vốn đã sử dụng, được ghi nhận trên cơ sở giải ngân thực tế (tiền thực chi) và được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND).

**3. Vốn tăng từ phát hành cổ phiếu**

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/04/2019 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động và vốn đối ứng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Thông tin chung về đợt phát hành:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

- Tên giấy tờ có giá : Cổ phiếu phổ thông
- Loại đồng tiền : Đồng Việt Nam (VND)
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 500.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành : 5.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:1, số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Tên giấy tờ có giá : Cổ phiếu phổ thông
- Loại đồng tiền : Đồng Việt Nam (VND)
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 4.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng
- Giá chào bán : 16.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành : 64.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: cổ đông hiện hữu và các đối tượng khác trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 30/03/2020

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 64.000.576.000 đồng đã được các cổ đông nộp đầy đủ vào tài khoản phong tỏa của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Huế:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn)

Chi tiêu	Số lượng cổ phiếu	Giá bán	Số tiền
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	499.964	0	0
Chào bán cho cổ đông hiện hữu	3.274.653	16.000	52.394.448.000
Xử lý cổ phiếu lẻ và không đặt mua hết	725.383	16.000	11.606.128.000
<b>Vốn chưa sử dụng</b>	<b>4.500.000</b>		<b>64.000.576.000</b>
<b>Trong đó</b>			
Vốn góp của chủ sở hữu			40.000.360.000
Thặng dư vốn cổ phần			24.000.216.000

**4. Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020**

Ngày 29/04/2020, ngân hàng đã chuyển 64.019.978.176 đồng từ tài khoản phong tỏa sang tài khoản thanh toán của Công ty (Trong đó: tiền thu được từ đợt phát hành là 64.000.576.000 đồng, số còn lại 19.402.176 đồng là lãi tiền gửi phát sinh của tài khoản phong tỏa trừ đi các chi phí ngân hàng).

Như vậy, sau đợt phát hành, tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty tăng thêm 69.000.216.000 đồng. Trong đó: vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 45.000.000.000 đồng (bao gồm: tăng từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu là 4.999.640.000 đồng và tăng từ chào bán thu tiền là 40.000.360.000 đồng) và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm 24.000.216.000 đồng.

Căn cứ vào phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 về mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành là dùng để bổ sung vốn lưu động và vốn đối ứng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi, Công ty đã tiến hành giải ngân. Tình hình thực hiện giải ngân từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 gồm các nội dung cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư	Tình hình thực hiện
1	Thanh toán mua nguyên liệu bông, xơ	45.000.216.000	45.000.216.000
2	Chi phí nhà xưởng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi	17.000.000.000	17.000.000.000
3	Một phần chi phí máy móc thiết bị cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>69.000.216.000</b>	<b>69.000.216.000</b>

Đến ngày 31/12/2020, vốn đã sử dụng là 69.000.216.000 đồng, việc sử dụng vốn phù hợp với mục đích huy động vốn đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Trần Thị Kim Chi

Huế, ngày 09 tháng 04 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐQT PHƯƠNG DIỆP HẢI

Lê Hữu Bình